

TS. PHẠM THỊ KIÊN

CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

TRONG

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Sách chuyên khảo)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

| | |
|--------------------|--|
| Biên tập nội dung: | VĂN THỊ THANH HƯƠNG NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH TRẦN HÀ TRANG NGUYỄN THỊ THU HÒA PHẠM VŨ PHƯƠNG LINH NGUYỄN VIỆT HÀ |
| Trình bày bìa: | PHẠM THÚY LIỄU |
| Chế bản vi tính: | NGUYỄN THANH TẤN KIỆT |
| Đọc sách mẫu: | HÀ TRANG VIỆT HÀ |

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 427-2021/CXBIPH/4-365/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 07-QĐ/NXBCTQG, ngày 18/02/2021.
Nộp lưu chiếu: tháng 4 năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-6492-3.

**CÔNG NGHIỆP HÓA
HIỆN ĐẠI HÓA
VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT
TRONG
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Phạm Thị Kiên

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng
sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay /
Phạm Thị Kiên. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 208tr. ; 24cm

ISBN 9786045757581

1. Công nghiệp hoá 2. Lực lượng sản xuất 3. Cách mạng công nghiệp
4. Việt Nam

338.09597 - dc23

CTL0225p-CIP

TS. PHẠM THỊ KIÊN

**CÔNG NGHIỆP HÓA
HIỆN ĐẠI HÓA
VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT
TRONG
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

(Sách chuyên khảo)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) là một cuộc cách mạng với sự tiến bộ thần kỳ và phát triển như vũ bão của khoa học, kỹ thuật và công nghệ đang làm biến đổi sâu sắc và khá toàn diện về phương thức sống của con người. Những thuật ngữ như công nghệ in 3D, trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, rôbot thông minh... không còn xa lạ, thể hiện những bước tiến khổng lồ của xã hội loài người về khoa học - công nghệ.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo điều kiện thúc đẩy mối quan hệ gắn bó trực tiếp giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đây là cơ hội quý báu mà Việt Nam phải nhanh chóng nắm bắt để tranh thủ đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sớm thực hiện được mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ một nước có nền kinh tế kém phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội như nước ta mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một bước tăng cường cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Do vậy, việc đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong giai đoạn hiện nay là một yêu cầu cấp thiết. Cuốn sách ***Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay*** của TS. Phạm Thị Kiên gồm ba chương sẽ là tài liệu chuyên khảo bổ ích cho các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên ngành triết học, kinh tế chính trị, kinh tế và quản lý khoa học và bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực trên.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định. Phát triển lực lượng sản xuất chính là phát triển hệ thống các yếu tố và phương thức kết hợp giữa các yếu tố người lao động với tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất vật chất của một xã hội nhất định. Trong đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa có vai trò to lớn, là nhân tố, động lực phát triển lực lượng sản xuất.

Ở Việt Nam, cùng với những nhân tố khác, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những giải pháp quyết định đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế, tiến kịp với các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời cải thiện đời sống của Nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, củng cố vững chắc độc lập chủ quyền của Tổ quốc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay không chỉ đơn thuần phát triển công nghiệp mà còn phải chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành, từng lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Hơn nữa, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta không chỉ tuần tự trải qua các bước cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa mà còn sử dụng kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ tiến thẳng lên hiện đại ở những khâu có thể và mang tính quyết định, ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học, công nghệ.

Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được cho là đã bắt đầu từ vài năm gần đây là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano,... với nền tảng là các đột phá của công nghệ số. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ mở ra cơ hội phát triển cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong quá

trình phát triển lực lượng sản xuất, bởi cuộc cách mạng công nghiệp này không nhằm vào công nghiệp, là lĩnh vực mà nước ta có khoảng cách rất lớn so với các nước phát triển, mà chú trọng vào công nghệ số, tạo điều kiện cho nước ta phát triển về công nghệ số ở mọi lĩnh vực. Hơn nữa, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở thế kỷ XXI sẽ thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Do đó, Việt Nam phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện tăng cường củng cố an ninh - quốc phòng và là tiền đề cho việc xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, đủ sức tham gia một cách có hiệu quả vào sự phân công và hợp tác quốc tế.

Chính vì vậy, đây là cơ hội quý báu mà Việt Nam phải nhanh chóng đón bắt để tranh thủ đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sớm thực hiện được mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, nếu không định hướng được rõ ràng mục tiêu, cách thức tiếp cận và tham gia thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới giáo dục, phát triển khoa học, công nghệ phù hợp thì sức ép đặt ra cho Việt Nam bởi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là rất lớn.

Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ hiện đại, và xem đây là trọng tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng xác định: Công nghiệp hóa tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới¹. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với khoa học, công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự tiến bộ khoa học, phát triển của công nghệ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 21, tr. 530.

Trong hơn ba mươi năm đổi mới đất nước, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam đã thu được một số thành tựu có ý nghĩa to lớn. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao 7-8%/năm và là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trên thế giới¹. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; nền kinh tế đang chuyển mạnh sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thể chế kinh tế thị trường đã bắt đầu hình thành và đang trong quá trình hoàn thiện. Nước ta là một trong những nước đứng hàng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê, cao su..., và là một trong những nước đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, được các tổ chức quốc tế thừa nhận có thành tích xóa đói, giảm nghèo nhanh nhất.

Tuy nhiên, tình hình nước ta vẫn đang còn nhiều thách thức và diễn biến phức tạp. Cụ thể như: tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây đã bị suy giảm; công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang chững lại; hiệu quả sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực thấp so với yêu cầu; một số vấn đề xã hội phát sinh chậm được giải quyết. Trong khi đó, hạ tầng kinh tế - xã hội có tốc độ phát triển chậm so với yêu cầu của nền kinh tế thị trường trong hội nhập kinh tế quốc tế; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và vẫn còn nặng về nông nghiệp và khai thác tài nguyên. Giá trị xuất khẩu tuy khá cao, nhưng hiệu quả kém: sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là nông sản và nguyên liệu ít qua chế biến. Năng suất lao động ở nước ta còn thấp hơn từ 2 đến 15 lần so với một số nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)... Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm. Tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt. Tất cả những vấn đề đó ảnh hưởng không nhỏ tới công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2006.

Do vậy, Việt Nam muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, thì việc đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong giai đoạn hiện nay là một yêu cầu cấp thiết. Cuốn sách ***Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay*** sẽ là tài liệu chuyên khảo có ích cho sinh viên ngành triết học, kinh tế chính trị, kinh tế và quản lý khoa học, các nhà nghiên cứu và bạn đọc quan tâm đến vấn đề trên.

TS. Phạm Thị Kiên

Chương I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

I. QUAN NIỆM VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

1. Quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1.1. Quan niệm về công nghiệp hóa

Công nghiệp hóa là quá trình phát triển tất yếu trong xã hội loài người. Đây là quá trình chuyển biến từ lao động thủ công với công cụ, phương tiện, quy trình sản xuất giản đơn, năng suất, hiệu quả thấp lên trình độ sản xuất cao với công cụ, phương tiện, trang thiết bị hiện đại, dựa trên trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, sự phân công lao động ngày càng chuyên môn hóa sâu, làm cho năng suất lao động ngày càng cao, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm thấp. Đồng thời, đẩy mạnh công nghiệp hóa sẽ càng thúc đẩy sự phát triển của nguồn nhân lực chất lượng cao. Chính vì thế, công nghiệp hóa góp phần làm cho lực lượng sản xuất phát triển, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. C.Mác cũng đã khẳng định: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”¹.

Lịch sử công nghiệp hóa trên thế giới đã trải qua vài trăm năm, vào giữa thế kỷ XVIII, một số nước phương Tây, mở đầu là nước Anh đã tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp, với nội dung chủ yếu là chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí. Đây là

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr. 269.

mốc đánh dấu sự khởi đầu cho tiến trình công nghiệp hóa của thế giới. Tuy vậy, phải đến thế kỷ XIX, khái niệm công nghiệp hóa mới được dùng để thay thế cho khái niệm cách mạng công nghiệp, mặc dù sau cách mạng công nghiệp ở Anh, công nghiệp hóa đã diễn ra trên quy mô rộng ở các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Nhật Bản. Đến nay, công nghiệp hóa đã lan rộng khắp các châu lục trên thế giới, cho nên công nghiệp hóa tác động làm chuyển biến tất cả các lĩnh vực sản xuất vật chất và phi vật chất của xã hội. Công nghiệp hóa có thể hiểu là quá trình tạo sự chuyển biến từ kinh tế nông nghiệp lạc hậu, dựa trên lao động thủ công, năng suất thấp sang kinh tế công nghiệp với cơ cấu kinh tế hiện đại, dựa trên lao động sử dụng bằng máy móc, tạo ra năng suất lao động cao. Công nghiệp hóa thay thế kỹ thuật thủ công bằng máy móc trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, đẩy mạnh sự phân công lao động xã hội và sản xuất hàng hóa, tạo ra bước ngoặt trong việc nâng cao năng suất lao động xã hội, biến đổi một xã hội nông nghiệp lạc hậu thành một xã hội công nghiệp tiên tiến. Công nghiệp hóa cũng đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất với kỹ thuật, công nghệ và tổ chức sản xuất truyền thống. Công nghiệp hóa là một giai đoạn phát triển mà mọi quốc gia muốn nhanh chóng vươn tới trình độ phát triển cao, đều tất yếu phải trải qua. C.Mác cho rằng: “Cái máy, điểm xuất phát của cuộc cách mạng công nghiệp, đã thay thế người lao động chỉ sử dụng có mỗi một dụng cụ, bằng một cơ cấu sử dụng ngay một lúc nhiều công cụ như nhau hoặc cùng loại và do một động lực làm cho chuyển động”¹. Vậy là: “Nền đại công nghiệp phải nắm lấy những tư liệu sản xuất đặc trưng của nó, tức là bản thân máy móc, và dùng máy móc để sản xuất ra máy móc. Nhờ thế, nó đã tạo ra được cho mình một cơ sở kỹ thuật thích hợp và đứng vững được trên đôi chân của mình”².

Dựa trên cơ sở phân tích sự phát triển của máy móc tự động, C.Mác đã chỉ rõ vai trò ngày càng quan trọng của khoa học, công nghệ, khẳng định trong xã hội công nghiệp, máy móc sẽ dần thay

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 23, tr. 542.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 23, tr. 554.

thế cho lao động cơ bắp, lao động trực tiếp trở thành lao động thú yếu. Từ đó rút ra những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn về tăng năng suất lao động xã hội, xã hội hóa lao động, cách mạng kỹ thuật trong quá trình chuyển biến của nền sản xuất xã hội từ sản xuất nhỏ, thủ công, phân tán lên sản xuất lớn, cơ khí hóa, tập trung.

Hiện nay có nhiều quan niệm về công nghiệp hóa khác nhau. Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê thì: “Công nghiệp hóa là quá trình xây dựng nền sản xuất cơ khí lớn trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân và đặc biệt trong công nghiệp, dẫn tới sự tăng nhanh trình độ trang bị kỹ thuật cho lao động và nâng cao năng suất lao động”¹.

Song, theo *Từ điển Bách khoa* thì công nghiệp hóa là: *Quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến của công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao*².

Nhìn chung, các quan niệm trên về công nghiệp hóa đều được hiểu đó là quá trình trang bị công nghệ và thiết bị cơ khí hóa cho tất cả các ngành kinh tế quốc dân. Công nghiệp hóa đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất với kỹ thuật, công nghệ và tổ chức sản xuất truyền thống. Công nghiệp hóa là một giai đoạn phát triển mà mọi quốc gia, muốn nhanh chóng vươn tới trình độ phát triển cao, đều nhất định phải trải qua để chuyển đổi một nước có nền kinh tế lạc hậu thành một nước công nghiệp có khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại.

Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khái niệm công nghiệp hóa hiểu theo nghĩa hẹp là quá trình chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) lên nền kinh tế lấy công nghiệp làm chủ đạo,

1. Hoàng Phê (Chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 57.

2. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn *Từ điển Bách khoa Việt Nam: Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 1995, t. 1, tr. 587.

từ chỗ tỷ trọng lao động nông nghiệp chiếm chủ yếu giảm dần và nhường chỗ cho lao động công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn hơn. Còn hiểu theo nghĩa rộng, công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) lên kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, từ văn minh nông nghiệp lên văn minh công nghiệp. Nó không chỉ đơn thuần là những biến đổi về kinh tế mà bao gồm cả các biến đổi về văn hóa và xã hội từ trạng thái nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, tức là trình độ văn minh cao hơn. Vì thế, công nghiệp hóa là sự chuyển hóa, biến đổi xã hội theo hướng công nghiệp, mang nội dung công nghiệp. Do đó, công nghiệp hóa là con đường tất yếu và là nội dung của quá trình phát triển công nghiệp, nằm trong quá trình phát triển công nghiệp.

Như vậy, công nghiệp hóa là quá trình tất yếu khách quan. Do những điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế - xã hội khác nhau, mà các quốc gia bước vào quá trình công nghiệp hóa sớm, muộn, nhanh, chậm và có lộ trình, phương pháp khác nhau. Công nghiệp hóa luôn kết hợp chặt chẽ với khoa học, kỹ thuật nên các công nghệ ngày càng hiện đại, tiên tiến, phát triển lên trình độ cao. Công nghiệp hóa phản ánh được quy luật phát triển của nền kinh tế tiểu nông lên nền kinh tế sản xuất công nghiệp hiện đại; mặt khác, nó phải thể hiện được vai trò của công nghiệp, khoa học, công nghệ trong đời sống xã hội nói chung và công nghiệp hóa nói riêng; đồng thời nó tất yếu dẫn đến quá trình hiện đại hóa.

Từ những quan niệm trên, có thể kết luận, *công nghiệp hóa là quá trình hình thành, phát triển và thâm nhập của sản xuất công nghiệp vào tất cả các lĩnh vực của sản xuất và đời sống, chuyển từ lao động thủ công lên lao động sử dụng máy móc theo hướng ngày càng có hàm lượng trí tuệ cao hơn, làm biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả của hành động sản xuất vật chất và phi vật chất trong từng quốc gia và toàn bộ thế giới.*

Tuy nhiên, công nghiệp hóa cũng nảy sinh những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết như: nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng cho công nghiệp ngày càng nhiều và có xu hướng cạn kiệt dần,

những vấn đề về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, sự bùng nổ dân số, đô thị hóa,... Để khắc phục những hạn chế thì công nghiệp hóa phải gắn liền với việc phát triển, ứng dụng những tiến bộ của khoa học, công nghệ nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách ổn định, bền vững.

1.2. Quan niệm về hiện đại hóa

Hiện đại hóa có mối quan hệ biện chứng và kết hợp chặt chẽ với công nghiệp hóa và cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại. Hiện đại hóa gắn liền với những phát minh và ứng dụng ngày càng rộng rãi của công nghệ điện tử - tin học cùng hàng loạt các công nghệ hiện đại vào trong sản xuất và đời sống, làm chuyển biến nền kinh tế - xã hội của các quốc gia sang quá trình tự động hóa tổng hợp. Hiện đại hóa đã tạo điều kiện để biến đổi về chất của lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động.

Hiện có nhiều tác giả đưa ra các quan niệm khác nhau về hiện đại hóa. Theo *Từ điển tiếng Việt*, “Hiện đại hóa” được hiểu là làm cho một cái gì đó mang tính chất hiện đại, tiên tiến, mang tính chất của thời đại ngày nay¹. Ví dụ như người ta dùng từ hiện đại để chỉ về mốc thời gian của các ngành khoa học như: lịch sử hiện đại, văn học hiện đại, toán học hiện đại, vật lý hiện đại. Có áp dụng những phát minh, những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật ngày nay. Có quan điểm lại cho rằng, hiện đại hóa là quá trình chuyển biến từ xã hội cổ truyền sang xã hội hiện đại mà người ta thường lấy các nước phát triển như: Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Tây Âu làm tiêu chí xác định; có quan niệm cho hiện đại hóa là chỉ thời hiện tại. “Hiện đại hóa là thuật ngữ sử học chỉ thời hiện tại”².

Có quan điểm lại xác định, hiện đại hóa là sự phát triển thay thế cái cũ bằng cái mới tiến bộ hơn. “Hiện đại hóa xã hội là hình thức đặc biệt của sự phát triển xã hội, là tổng hòa các phương thức cải biến

1. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1995, tr. 545.

2. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Sdd, t. 2, tr. 274.

nhằm đưa nền kinh tế - xã hội quá độ từ trình độ phát triển khác nhau đến các trình độ cao hơn trên cơ sở tiến bộ khoa học, kỹ thuật”¹.

Dưới góc độ phát triển, có quan điểm lại xem xét hiện đại hóa như là một sự tiếp nối của công nghiệp hóa: Hiện nay ở các nước đang phát triển, hiện đại hóa được triển khai gắn liền với quá trình công nghiệp hóa và giữa chúng có một số nội dung giống nhau, nhưng hai quá trình này không phải là một. Quá trình hướng tới một hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội tương ứng với hệ thống của các nước phát triển².

Nếu như cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII được đặc trưng bởi việc sản xuất và sử dụng máy móc cơ khí thay thế cho hoạt động chân tay, hoạt động thủ công của con người trong sản xuất và đời sống; thì cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại được đặc trưng bởi máy tính điện tử, người máy công nghiệp trong việc thay thế không chỉ hoạt động chân tay, mà cả các thao tác hoạt động trí óc của con người, làm chuyển biến nền kinh tế - xã hội sang quá trình tự động hóa tổng hợp, cùng với hàng loạt các công nghệ hiện đại, tiên tiến, làm cho xã hội ngày càng hiện đại.

Cuộc cách mạng công nghiệp đã làm cho máy móc ngày càng có hàm lượng trí tuệ cao, nhỏ gọn, sử dụng ít lao động, tiêu tốn ít năng lượng, nhiên liệu, giảm ô nhiễm môi trường, sản xuất theo nhu cầu phong phú, đa dạng của con người. Trước đây, người lao động trở thành một bộ phận của máy móc, lệ thuộc vào máy thì ngày nay, người lao động độc lập, được làm chủ và điều khiển máy móc.

Hiện đại hóa là quá trình phát triển tiếp nối và là kết quả trực tiếp của quá trình công nghiệp hóa, nhờ sự kết hợp chặt chẽ, quan hệ biện chứng giữa công nghiệp hóa với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, là quá trình phát minh và ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ điện tử - tin học cùng hàng loạt các công nghệ

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 88.

2. Nguyễn Thế Nghĩa: *Góp thêm vào vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Triết học*, số 4/1998, tr. 12-14.

hiện đại vào sản xuất và đời sống, làm chuyển biến nền kinh tế - xã hội của các quốc gia sang quá trình tự động hóa tổng hợp.

Về phương diện kinh tế - xã hội, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống lên xã hội hiện đại, quá trình làm cho nền kinh tế và đời sống xã hội mang tính chất và trình độ của thời đại ngày nay. Hiện đại hóa về kinh tế vừa có sự thay đổi về tính chất, vừa có tính xác định về thời gian. Giai đoạn đầu của hiện đại hóa được xác định trùng với thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (còn gọi là thời kỳ công nghiệp hóa). Trong giai đoạn này, công nghiệp hóa là nội dung cốt lõi của hiện đại hóa. Hiện đại hóa là sự thay thế cái cũ bằng cái mới tiến bộ hơn. “Hiện đại hóa xã hội là hình thức đặc biệt của sự phát triển xã hội, là tổng hòa các phương thức cải biến nhằm đưa nền kinh tế - xã hội quá độ từ trình độ phát triển khác nhau đến trình độ cao hơn trên cơ sở tiến bộ khoa học, kỹ thuật”¹.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các lĩnh vực trong kinh tế, văn hóa, xã hội, tính hiện đại hóa còn được bộc lộ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ chỗ theo những quy trình công nghệ phương tiện phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật tạo ra năng suất lao động hiệu quả và trình độ văn minh kinh tế - xã hội cao. Do đó, hiện đại hóa là tính hiện đại được thấm vào mọi mặt, mọi lĩnh vực của mỗi hình thái kinh tế - xã hội khác nhau.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống lên xã hội hiện đại, quá trình làm cho nền kinh tế và đời sống xã hội mang tính chất và trình độ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Đây không chỉ là hiện đại hóa trong lĩnh vực kinh tế, mà nó còn bao hàm phạm vi rộng lớn hơn, đó là hiện đại hóa toàn bộ đời sống xã hội. Đối với

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, Sđd, tr. 88.

các nước phát triển, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch từ xã hội dựa trên nền kinh tế công nghiệp lên xã hội dựa trên nền kinh tế tri thức. Hiện đại hóa là quá trình tăng tốc, rút ngắn lộ trình phát triển để đuổi kịp các nước đi trước và phát triển hơn. Do tiến hành công nghiệp hóa trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nên bên cạnh việc dựa vào các nguồn lực trong nước, các nước đang phát triển còn tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài thông qua thu hút đầu tư để tìm kiếm nguồn vốn và công nghệ mới. Đây chính là kiểu công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại.

Nhìn chung, các quan niệm trên đều xác định hiện đại hóa là kết quả tất yếu và là quá trình tiếp nối công nghiệp hóa trong xã hội hiện đại. Công nghiệp hóa làm cho nền kinh tế - xã hội của một nước ngày càng hiện đại hơn. Công nghiệp hóa được kế thừa có chọn lọc và phát triển những tri thức của văn minh nhân loại về tính hiện đại vào điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước trong quá trình phát triển của mình.

Như vậy, có thể hiểu: *hiện đại hóa thực chất là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại và tiên tiến vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội.*

Trong giai đoạn khoa học - công nghệ phát triển thì hai quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn kết mật thiết với nhau, có mối quan hệ biện chứng với nhau.

1.3. Mối quan hệ giữa công nghiệp hóa và hiện đại hóa

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực chất là hai quá trình tách biệt trong sự phát triển xã hội của nhân loại. Công nghiệp hóa được coi là sản phẩm trực tiếp của cuộc cách mạng công nghiệp cuối thế kỷ XVIII, còn hiện đại hóa là sản phẩm tất yếu của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật vào giữa thế kỷ XX.

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa gắn liền với nhau và được cho là đồng nhất với nhau vì cùng là quá trình chuyển đổi cơ bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và quản lý

kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động và công nghệ, phương tiện phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ tạo ra năng suất lao động cao. Nhưng lại khác biệt ở chỗ, công nghiệp hóa chỉ tiến hành trong thời gian nhất định khi nào thành nước công nghiệp thì quá trình công nghiệp hóa sẽ kết thúc. Công nghiệp hóa do các nước nông nghiệp lạc hậu hoặc đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tiến hành. Còn hiện đại hóa là quá trình lâu dài, hiện đại hóa được tiến hành ở tất cả các quốc gia trên thế giới, kể cả các nước đã phát triển cũng diễn ra quá trình này.

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa có sự kết hợp chặt chẽ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Đó không chỉ đơn thuần phát triển công nghiệp mà còn phải thực hiện chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành, từng lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng hiện đại. Việc sử dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ hiện đại vào quá trình công nghiệp hóa nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng lãnh thổ trên cơ sở phát triển lợi thế của từng ngành, từng vùng; đồng thời bảo đảm việc ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học, công nghệ mới và tham gia tốt vào sự phân công hợp tác trong nước và quốc tế.

Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại đã làm cho công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa trên con đường phát triển của mình. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại đã làm cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa có mối quan hệ biện chứng với nhau. Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển ngày nay không phải đi theo trình tự như các nước công nghiệp trước kia đã làm, mà nó có những bước nhảy vọt. Đây chính là “lợi thế của nước đi sau”. Dựa vào lợi thế này, các nước đi sau có thể rút ngắn đáng kể thời gian để sớm trở thành nước có nền kinh tế hiện đại. Do đó, yêu cầu đối với công nghiệp hóa kiểu mới ở mỗi nước có thể đề ra khác nhau, song có mấy điểm chung như sau: *Một là*, trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa của mình, các nước cần khắc

phục tối đa những nhược điểm của công nghiệp hóa cổ điển như thời gian kéo dài, bất công xã hội, lãng phí vật chất, hủy hoại môi trường. *Hai là*, cần gắn kết công nghiệp hóa với hiện đại hóa, phát triển song song kinh tế và công nghệ, phát triển công nghệ thông tin, công nghệ cao, tiếp cận kinh tế tri thức. *Ba là*, phát triển bền vững, coi trọng cả kinh tế, xã hội và môi trường.

Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, sau mỗi cuộc cách mạng, khoa học, kỹ thuật, công nghệ ngày càng phát triển, kéo theo đó là công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng đem lại sự biến đổi sâu sắc và triệt để về mọi mặt trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Cụ thể như: với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất kéo dài từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX, đánh dấu bằng sự ra đời của động cơ hơi nước, rồi sau đó là động cơ đốt trong, mở rộng sử dụng nhiên liệu than đá, xây dựng các tuyến đường sắt, mở ra kỷ nguyên sản xuất cơ khí và phát triển giao thương. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai bắt đầu từ nửa cuối thế kỷ XIX kéo dài tới đầu thế kỷ XX, với sự ra đời của máy phát điện, đèn điện, động cơ điện, mở rộng việc sử dụng điện năng trong sản xuất, mở ra kỷ nguyên sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba bắt đầu vào thập niên 1960. Đặc điểm của cuộc cách mạng này là lần đầu tiên con người đã sáng tạo ra một loại máy có thể thay thế một phần quan trọng của lao động trí óc - đó là máy tính. Sự ra đời của chất bán dẫn đã dẫn tới việc sáng chế ra các siêu máy tính (thập niên 1960), máy tính cá nhân (thập niên 1970 và 1980) và Internet (thập niên 1990). Cũng trong thời kỳ này, chính con người đã phát hiện một quy luật quan trọng của thiên nhiên là Quy luật tồn tại của hệ sinh thái, từ đó biết tôn trọng tính đa dạng sinh học trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường thiên nhiên cũng chính là bảo vệ sự phát triển bền vững của loài người. Hiện nay, đang diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào giữa thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Đặc điểm của cuộc cách mạng này là phát triển mạnh mẽ và toàn diện các công nghệ số với phần cứng máy tính, phần mềm và hệ thống mạng trở nên ngày càng phổ biến, được tích hợp cả về tính năng

lấn phạm vi ứng dụng, từ đó làm biến đổi sâu sắc đời sống xã hội cũng như nền kinh tế toàn cầu. Nó bao gồm một loạt các công nghệ tự động hóa hiện đại, trao đổi dữ liệu và chế tạo. Chính vì vậy, cuộc cách mạng công nghiệp này làm biến đổi mọi nền công nghiệp ở mọi quốc gia. Bề rộng và chiều sâu của những thay đổi này để tạo nên sự biến đổi của toàn bộ các hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị. Như vậy, đòi hỏi sự hiện đại hóa trong công nghiệp ngày càng cao. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nên nó tạo ra những sản phẩm nhằm tăng khả năng hàng triệu người kết nối với nhau qua điện thoại di động, với sức mạnh xử lý, dung lượng lưu trữ và sự tiếp cận tri thức chưa từng có tiền lệ, là không giới hạn. Thậm chí, những khả năng đó còn được nhân lên gấp bội nhờ vào những đột phá về công nghệ mới nổi trong các lĩnh vực như trí thông minh nhân tạo, robot, mạng Internet, phương tiện độc lập, in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học về vật liệu, lưu trữ năng lượng và tin học lượng tử. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ góp phần tạo nên những sản phẩm trí thông minh nhân tạo, như: những chiếc xe hơi và thiết bị bay không người lái cho tới những trợ lý ảo trên mạng và phần mềm giúp biên dịch tài liệu. Thậm chí, từ phần mềm được sử dụng để tìm ra các loại thuốc mới tới những thuật toán được sử dụng để tiên đoán về những sở thích văn hóa của con người. Công nghệ chế tạo số đang từng ngày tương tác với thế giới sinh học. Các kỹ sư, nhà thiết kế và kiến trúc sư đang kết hợp việc thiết kế qua máy tính với gia công thêm, chế tạo vật liệu và sinh học tổng hợp để khám phá ra sự cộng sinh giữa các vi sinh, cơ thể con người, các sản phẩm chúng ta tiêu thụ và thậm chí là những tòa nhà chúng ta đang ở. Vậy, công nghiệp hóa ngày nay đòi hỏi tính hiện đại hóa ngày càng cao hơn và nó tạo nên sự thay đổi lớn đối với nền kinh tế - xã hội của mọi quốc gia.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là hai quá trình không đồng nhất, không là một. Công nghiệp hóa luôn diễn ra trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, nó làm tăng năng suất lao động, chuyển đổi cơ sở vật chất trong xã hội còn hiện đại hóa là tính hiện đại được

diễn ra ở nhiều lĩnh vực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị của mỗi hình thái kinh tế - xã hội. Khoa học, công nghệ càng phát triển thì tính hiện đại hóa càng được đẩy mạnh. Song công nghiệp hóa, hiện đại hóa có thể gắn liền với nhau như một định hướng, một chiến lược phát triển của mỗi hình thái kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của mình.

Đối với nước ta, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với nhau là tất yếu trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Vì Việt Nam vốn xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sử dụng công cụ thô sơ, chưa áp dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 vào sản xuất. Thêm vào đó, chiến tranh kéo dài và hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề. Lũ lụt, hạn hán xảy ra hàng năm, tàn phá của cải, vật chất, v.v.. Trong khi đó, với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, nếu như nước ta không kịp thời tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì sẽ bị bỏ lại phía sau. Đồng thời nước ta tận dụng được lợi thế của các nước phát triển tiếp thu được công nghệ mà không phải bỏ công sức ra để tìm tòi, phát minh. Quá trình toàn cầu hóa hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, một số nước bắt đầu chuyển sang nền kinh tế tri thức, đặt ra yêu cầu nước ta phải bắt kịp xu thế đó. Bởi ngày nay, khoa học, công nghệ phát triển rất mạnh mẽ, các thành tựu khoa học tiên tiến ra đời. Cùng với nó là quá trình toàn cầu hóa phát triển. Chính vì thế, ở nước ta công nghiệp hóa, và hiện đại hóa nhất thiết phải gắn liền với nhau.

Với đặc điểm, điều kiện cũng như mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t. 53, tr. 554.

Như vậy, công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa do khoa học, công nghệ ngày càng phát triển, những phát minh khoa học chỉ cần một thời gian ngắn vài năm, vài tháng, thậm chí vài tuần là đã có thể ứng dụng được vào công nghệ sản xuất, chẳng hạn như những phát minh trong thông tin học, điều khiển học... Nền sản xuất xã hội ngày nay gắn liền với những phát minh, sáng chế trong khoa học, công nghệ, nghĩa là luôn đổi mới và hiện đại hóa. Việc thực hiện công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa sẽ tạo điều kiện thay đổi về chất nền sản xuất xã hội, tăng năng suất lao động, tăng sức chế ngự của con người đối với thiên nhiên, tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội; Nâng cao năng lực quản lý, khả năng tích lũy và phát triển sản xuất, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, giúp cho sự phát triển tự do toàn diện của con người trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội; Tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học, công nghệ phát triển nhanh đạt trình độ tiên tiến hiện đại; Tăng cường lực lượng vật chất - kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh; Bảo đảm đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước ngày càng được cải thiện; Tạo điều kiện vật chất cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đủ sức thực hiện sự phân công và hợp tác quốc tế. Vì vậy, quốc gia nào muốn phát triển lực lượng sản xuất thì phải tiến hành công nghiệp hóa theo hướng hiện đại...

Bên cạnh quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì cũng cần phải tìm hiểu những quan niệm về lực lượng sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất. Qua đó làm rõ vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

2. Quan niệm về lực lượng sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất

Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định rằng, lịch sử xã hội loài người trước hết là lịch sử phát triển sản xuất, lịch sử vận động của các phương thức sản xuất lần lượt thay thế nhau, là lịch sử của quần chúng nhân dân lao động trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Do đó, muốn hiểu lịch sử phát triển của xã hội

loài người, trước hết phải hiểu lịch sử phát triển sản xuất, hiểu quá trình sản xuất của con người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Để tồn tại và phát triển, con người phải tiến hành lao động sản xuất vật chất. Muốn hoạt động đó của con người được tiến hành bình thường, cần phải có một số điều kiện nhất định như: môi trường địa lý, điều kiện dân số, phương thức sản xuất. Các yếu tố kể trên đều có sự tác động qua lại lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất vật chất nói chung; nhưng trong đó phương thức sản xuất là yếu tố cơ bản và có ý nghĩa quyết định nhất. Phương thức sản xuất quyết định sự chuyển biến của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử. Khi một phương thức sản xuất mới ra đời, thay thế phương thức sản xuất cũ đã lỗi thời thì mọi mặt của đời sống xã hội cũng có sự thay đổi căn bản từ kết cấu kinh tế đến kết cấu giai cấp, từ các quan điểm tư tưởng xã hội đến các tổ chức xã hội. Phương thức sản xuất là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng: sự vận động, phát triển của phương thức sản xuất do sự tác động qua lại một cách biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Trong đó bao gồm các yếu tố như: quan hệ sản xuất (là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất) và lực lượng sản xuất (quan hệ giữa con người với tự nhiên và là sự biểu hiện của mối quan hệ phức tạp đó trong quá trình sản xuất). Mặc dù quan hệ sản xuất là tiêu chuẩn giúp phân biệt được những chế độ xã hội khác nhau của lịch sử, phân biệt hình thái kinh tế - xã hội này với hình thái kinh tế - xã hội khác, song xét đến cùng, trong phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất là yếu tố quyết định hơn cả. C.Mác đã từng nói: "...không cần phải xét người lao động trong mối quan hệ với những người lao động khác. Một bên là con người và lao động của con người, bên kia là tự nhiên và vật liệu của tự nhiên, - thế là đủ"¹.

Với việc vận dụng phép biện chứng duy vật để giải quyết những vấn đề của lịch sử đã làm cho C.Mác và Ph.Ăngghen tiến một bước vượt bậc so với những nhà tư tưởng đi trước.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 23, tr. 276.

2.1. Quan niệm về lực lượng sản xuất

Lịch sử phát triển của loài người là lịch sử phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội mà thước đo là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Với tư cách là biểu hiện của mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, lực lượng sản xuất thường xuyên vận động và phát triển. Ngày nay, khi khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Sự xâm nhập của khoa học - công nghệ vào mọi yếu tố của lực lượng sản xuất ngày càng cao, hàm lượng ngày càng lớn làm cho lực lượng sản xuất phát triển rất nhanh chóng cả về chất lẫn về lượng. Chính vì vậy, quan niệm về lực lượng sản xuất cũng luôn được thay đổi.

Những thành tựu của khoa học - công nghệ được vận dụng nhanh chóng và rộng rãi vào sản xuất, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ với sự ra đời của nhiều ngành sản xuất mới, nhiều phương pháp công nghệ mới, thay đổi nhiều chức năng của người sản xuất. Lực lượng sản xuất không ngừng phát triển với những diện mạo mới. Do đó, lực lượng sản xuất góp phần to lớn trong việc thúc đẩy quá trình phát triển tiến bộ xã hội trên thế giới.

Khi bàn về hoạt động sản xuất vật chất, C.Mác, Ph.Ăngghen cũng như V.I.Lênin không đưa ra quan điểm cụ thể về lực lượng sản xuất, mà sử dụng và trình bày quan điểm này thông qua phân tích nội dung của quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất và các hình thức biểu hiện của nó trong những chế độ xã hội khác nhau. Tuy nhiên, qua đó có thể hiểu được nội dung, cấu trúc của lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất phản ánh một hiện tượng xã hội tồn tại, tác động, vận động trong mọi giai đoạn lịch sử của xã hội loài người. Lực lượng sản xuất dùng để chỉ quan hệ giữa con người với tự nhiên và là sự biểu hiện của mối quan hệ phức tạp đó trong quá trình sản xuất. C.Mác và Ph.Ăngghen đề cập lực lượng sản xuất lần đầu tiên trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*. Mặc dù chưa được

trình bày hoàn chỉnh như là một thành tố cơ bản của quy luật về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nhưng tất cả những nội dung cơ bản của quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất đều đã được nêu một cách khái quát trong tác phẩm này. Sau này nội dung của quy luật trên đã được làm sáng tỏ và phát triển thêm trong các tác phẩm như: *Sự khốn cùng của triết học*, *Lao động làm thuê và tư bản*, *Tiền công giá cả và lợi nhuận*, và đặc biệt là trong bộ *Tư bản*. Thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, các yếu tố của lực lượng sản xuất, vai trò của lực lượng sản xuất trong hệ thống sản xuất vật chất của xã hội...

Như vậy, lực lượng sản xuất là sản phẩm của các hoạt động vật chất của con người được tổng hợp, gom góp, phát triển có kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Như C.Mác đã viết: “mỗi thế hệ sau có được những lực lượng sản xuất do thế hệ trước tạo ra, và những lực lượng sản xuất ấy là nguyên liệu cho thế hệ sau ấy để thực hiện một hoạt động sản xuất mới - nhờ hiện tượng ấy mà hình thành nên mối liên hệ trong lịch sử loài người”¹.

Bên cạnh đó, thì cũng có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra quan điểm của mình về lực lượng sản xuất, như: Lực lượng sản xuất là sự thống nhất hữu cơ giữa tư liệu sản xuất và những người sử dụng các tư liệu này để sản xuất ra của cải vật chất. Lực lượng sản xuất biểu hiện trình độ chinh phục của con người đối với thiên nhiên trong từng giai đoạn lịch sử - lực lượng sản xuất chủ yếu là những con người có thói quen, kinh nghiệm tri thức và trình độ chuyên môn nắm được kỹ thuật sử dụng được công cụ để tiến hành sản xuất².

Quan niệm trên đã làm rõ những nhân tố cần thiết để cải biến vật thể tự nhiên thành những sản phẩm cần thiết cho con người và chúng bao gồm thái độ tích cực của con người với giới tự nhiên. Quan niệm này đề cao con người như một chủ thể tích cực và đã coi lực

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t. 29, tr. 657-658.

2. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tàng: *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, tr. 281-282.

lượng sản xuất là cơ sở của sự phát triển xã hội. Yếu tố con người tác động vào giới tự nhiên.

Xem xét lực lượng sản xuất ở phương diện các yếu tố cấu thành cũng như đặc điểm của nó, bao gồm toàn bộ hoạt động sản xuất vật chất của con người trong cuốn sách *Giáo trình kinh tế học chính trị Mác - Lênin* đã đưa ra nhận định như sau:

Lực lượng sản xuất chính là toàn bộ các nhân tố vật chất, kỹ thuật của quá trình sản xuất, chúng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau tạo ra sức sản xuất làm cải biến các đối tượng trong quá trình sản xuất, tức tạo ra năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội¹.

Tuy nhiên, các quan điểm trên chưa đề cập vai trò chế tạo công cụ lao động. Bởi vì nếu xét lực lượng sản xuất của một xã hội trong phạm vi rộng chứ không phải trong một xí nghiệp, nhà máy thì con người như một lực lượng sản xuất không chỉ biết sử dụng mà quan trọng hơn là biết chế tạo ra các phương tiện, công cụ lao động. Bởi vì các tư liệu lao động không những là thước đo sự phát triển sức lao động của con người, mà còn là một chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành. Qua đó, các tác giả đều thống nhất quan điểm lực lượng sản xuất được sử dụng với những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, lực lượng sản xuất là biểu hiện của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, đó là một hệ thống lực lượng vật chất do con người và xã hội loài người tạo ra để cải tạo, chinh phục tự nhiên. Hệ thống lực lượng vật chất này đồng thời biểu hiện luôn cả sức mạnh, năng lực chinh phục tự nhiên của con người.

Thứ hai, lực lượng sản xuất là một thể thống nhất bao gồm yếu tố người và các yếu tố vật, trong đó con người là yếu tố đặc biệt. Bởi

1. Hội đồng trung ương biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình kinh tế học chính trị Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 435.

vì, con người là chủ thể sáng tạo ra những công cụ, các phương tiện hỗ trợ cho các khí quan của mình, tác động đến khách thể - đối tượng lao động để tạo ra những vật phẩm đáp ứng những nhu cầu của bản thân và của xã hội. Do đó, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người: trình độ thủ công của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ chinh phục của giới tự nhiên thấp hơn nhiều so với lực lượng sản xuất ở trình độ kỹ thuật công nghiệp và công nghệ cao. Trong quá trình đó, con người đồng thời tự cải tạo bản thân mình cả về sinh thể và trí tuệ. Tuy nhiên, hiện nay yếu tố trí tuệ lại đang ngày càng chiếm ưu thế và được coi là lực lượng sản xuất trực tiếp.

Thứ ba, lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong phương thức sản xuất. Bởi vì, lực lượng sản xuất chỉ ra mối quan hệ của con người với giới tự nhiên và trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người trong những giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử. Nó quyết định sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội loài người. Lực lượng sản xuất là một chỉnh thể thống nhất hữu cơ. Trong đó, người lao động là chủ thể tích cực biết vận dụng trí tuệ, những tri thức khoa học, kỹ thuật, kinh nghiệm, kỹ năng lao động..., để chế tạo và sử dụng những tư liệu sản xuất nhằm tác động vào những đối tượng của giới tự nhiên, cải tạo chúng thành những của cải, vật chất thỏa mãn ngày càng cao các nhu cầu của con người. Lực lượng sản xuất là một quá trình luôn có kế thừa và nâng cao, là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Đó là kết quả của năng lực thực tiễn của con người trong quá trình tác động vào giới tự nhiên để tạo ra của cải vật chất, bảo đảm cho sự sinh tồn và phát triển của loài người.

Lịch sử phát triển của loài người là lịch sử phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội mà thước đo là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Với tư cách là biểu hiện của mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, lực lượng sản xuất thường xuyên vận động và phát triển. Ngày nay, trước tác động của khoa học, công nghệ hiện đại, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển với những diện

mạo mới. Do đó, quan niệm về lực lượng sản xuất cũng có nhiều thay đổi. Kể từ khi xuất hiện đến nay, khoa học - công nghệ luôn đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy sự phát triển của sản xuất, cải biến đời sống xã hội loài người. Sự phát triển của nó cũng đã tạo nên những cuộc cách mạng trong lịch sử. Ngày nay, những thành tựu to lớn của khoa học, công nghệ hiện đại là nhân tố quyết định tạo nên sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại.

Khi phân tích đến các yếu tố cấu thành của lực lượng sản xuất, C.Mác không chỉ chỉ ra hai yếu tố cơ bản cấu thành là tư liệu sản xuất và người lao động mà còn khẳng định: Khi khoa học phát triển đến một mức độ nhất định nào đó sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Theo quan điểm của C.Mác, sự phát triển của lực lượng sản xuất là do khoa học đóng một vai trò to lớn. C.Mác đã viết: Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến đã chuyển hóa đến mức độ nào thành *lực lượng sản xuất trực tiếp*, do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải tạo đến mức độ nào... không những dưới hình thức tri thức, mà cả như là những cơ quan thực hành xã hội trực tiếp, những cơ quan trực tiếp của quá trình sống hiện thực¹.

Theo luận điểm trên, tri thức khoa học đã làm cho tư bản cố định như: nhà máy, máy móc được dùng trong sản xuất chuyển hóa đến một mức độ nhất định nào đó thì trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Điều đó có nghĩa là, tri thức khoa học được ứng dụng, được vật hóa thành máy móc, thành công cụ sản xuất của con người và được người lao động sử dụng trong quá trình sản xuất. Do đó, nó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Điều kiện để tri thức khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp được C. Mác khẳng định như sau: “sự phát triển của hệ thống máy móc trên con đường ấy chỉ bắt đầu khi nền đại công nghiệp đã đạt được một trình độ phát triển cao hơn và tất cả các môn khoa học

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 46, tr. 372-373.

đều được đưa vào phục vụ tư bản, còn bản thân hệ thống máy móc hiện có thì có những nguồn lực to lớn. Như vậy, phát minh trở thành một nghề đặc biệt, và đối với nghề đó thì việc vận dụng khoa học vào nền sản xuất trực tiếp tự nó trở thành một trong những yếu tố có tính chất quyết định và kích thích”¹.

Ngày nay, khoa học, công nghệ được coi là lực lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quan trọng và có ý nghĩa quyết định sự phát triển của kinh tế - xã hội. Lâu nay, người ta hiểu khoa học là lực lượng sản xuất trực tiếp với nghĩa là khoa học tham gia vào quá trình sản xuất bằng việc tạo ra công nghệ, đề ra và xây dựng phương pháp tổ chức và quản lý để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả của sản xuất. Ngày nay, trong kinh tế tri thức, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp còn với nghĩa là khoa học đã có thể trực tiếp làm ra sản phẩm và là một trong những thành tố cấu thành không thể thiếu của lực lượng sản xuất hiện đại. Ở nhiều nước, nhất là các nước công nghiệp phát triển, do nhu cầu khách quan đã xuất hiện các “công viên khoa học”, “thành phố khoa học”, các “khu công nghệ cao”... nhằm tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi để khoa học, công nghệ và cơ sở sản xuất gắn kết chặt chẽ với nhau, tạo nên một “cơ thể” thống nhất. Ở đây có thể coi phòng thí nghiệm cũng chính là nhà máy, công ty, xí nghiệp; nhà khoa học đồng thời là người sản xuất - kinh doanh. Tại đây, người ta có thể vừa nghiên cứu, thí nghiệm đồng thời sản xuất đại trà các sản phẩm và được lưu thông ngay trên thị trường; không phân biệt đâu là sản phẩm của phòng thí nghiệm, đâu là sản phẩm của cơ sở sản xuất. Đây cũng là nơi hội tụ những điều kiện tốt nhất, thuận lợi nhất để “nhất thể hóa” quá trình nghiên cứu thực nghiệm khoa học, triển khai công nghệ và sản xuất. Nhờ thế mà các ý tưởng khoa học nhanh chóng trở thành công nghệ, tạo ra sản phẩm, thu hút lực lượng lao động có trình độ tri thức và công nghệ cao thông qua hoạt động quản lý hiện đại mà tăng cường lực lượng sản xuất.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 46, phần II, tr. 367.

Khoa học phát triển mạnh mẽ đến một mức độ nhất định sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp là một tiên đoán mang tính khoa học của C.Mác, dựa trên việc nghiên cứu quy luật phát triển tất yếu của xã hội nói chung và sự phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng và đang dần trở thành hiện thực.

Tóm lại, lực lượng sản xuất là toàn bộ các lực lượng được con người sử dụng trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Nó bao gồm người lao động với một thể lực và tri thức, kỹ năng lao động nhất định và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Trong quá trình sản xuất, sức lao động của con người kết hợp với tư liệu sản xuất, dựa trên hệ thống công nghệ mới được đặc trưng bằng năng suất rất cao, hiệu quả lớn, ngày càng ít gây tổn hại đến môi trường sinh thái, tiêu hao ngày càng ít năng lượng và vật liệu cho một sản phẩm, đồng thời hàm lượng tri thức trong mỗi sản phẩm chiếm tỷ lệ ngày càng cao, tạo thành lực lượng sản xuất.

Để hiểu rõ hơn, cần phân tích các yếu tố cấu thành của nó. Trong đó, mỗi yếu tố có vai trò, tác dụng riêng, nhưng chúng không tồn tại riêng rẽ, biệt lập mà liên hệ tác động qua lại với nhau, thành một thể thống nhất, qua hình thức của nó là quan hệ sản xuất. Điều này được thể hiện rõ ở các yếu tố sau: Lực lượng sản xuất bao gồm lao động sống (người lao động với kỹ năng và kinh nghiệm lao động của họ) và tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, tư liệu lao động), mà trước hết là công cụ lao động và những phương tiện sản xuất khác, khoa học, công nghệ. Với sự phát triển của khoa học, công nghệ hiện nay, việc phân chia chỉ mang tính tương đối. Vì trong công cụ lao động cũng thể hiện quá trình tác động vào đối tượng lao động của người lao động làm cho sự vật không ngừng được cải tiến và hoàn thiện trong quá trình lao động sản xuất. Hơn nữa, trong quá trình phát triển của mình, công cụ lao động thể hiện đặc tính lao động của con người. Bởi về bản chất, mỗi thể hệ người lao động là sản phẩm của lực lượng sản xuất do các thế hệ trước tạo ra nhưng họ lại là chủ nhân, đóng vai trò tác động trực tiếp sáng tạo ra những công cụ lao động mới. Như vậy, chính người

lao động là chủ thể của quá trình lao động sản xuất. Vì bằng thể lực, trí lực và kỹ năng lao động của mình, người lao động sử dụng tư liệu lao động, trước hết là công cụ lao động, tác động vào đối tượng lao động để sản xuất ra của cải vật chất. Cùng với quá trình phát triển sản xuất, sức mạnh và kỹ năng lao động, nhất là trí tuệ ngày càng được nâng cao.

2.1.1. Yếu tố người lao động

Theo C.Mác, sản xuất vật chất là hoạt động đầu tiên và cơ bản của con người. Đó là quá trình con người sử dụng những công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra những của cải vật chất nhằm phục vụ nhu cầu của bản thân mình và phát triển xã hội. Để tiến hành sản xuất, con người phải sử dụng những tư liệu sản xuất như đối tượng lao động, công cụ lao động và những điều kiện vật chất khác.

Với tính cách là một bộ phận cấu thành của lực lượng sản xuất, người lao động là những người có khả năng lao động, nghĩa là phải có cả sức mạnh cơ bắp và sức mạnh trí tuệ mà C.Mác đã gọi cụ thể là có “đầu óc” và “đôi bàn tay”. Điều đó tạo nên sức mạnh tổng hợp cho con người. C.Mác khẳng định hoạt động sản xuất chính là một dạng hoạt động chỉ có ở con người, nó khác hẳn về chất so với hoạt động của con vật. Theo C.Mác, con người là một “động vật biết chế tạo công cụ”. Do đó, ngoài việc sử dụng những công cụ lao động có sẵn, con người đã làm cho một vật “do tự nhiên cung cấp” trở thành một khí quan hoạt động của con người. Nhờ đó, con người đã tăng thêm sức mạnh của các khí quan vốn có của mình lên gấp bội. Trong buổi bình minh của lịch sử, lực lượng sản xuất còn thấp kém, con người dựa chủ yếu vào những đối tượng lao động có sẵn trong tự nhiên. Khi nền sản xuất ngày càng phát triển, nhận thức của con người ngày càng tăng lên, công cụ lao động ngày càng được cải tiến, đối tượng lao động chiếm tỷ lệ ngày càng cao và đang có xu thế hơn hẳn những đối tượng sẵn có trong tự nhiên. Điều đó chứng tỏ con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là chủ thể sử dụng mọi yếu tố của quá trình sản xuất. Điều này đã được C.Mác khẳng định: “Trong tất cả những công cụ sản xuất, thì lực lượng sản xuất hùng mạnh nhất là bản

thân giai cấp cách mạng”¹. Kế thừa tư tưởng của C.Mác về vai trò quyết định của người lao động trong các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, V.I. Lênin còn khẳng định sự vượt trội của con người so với các yếu tố khác của quá trình sản xuất: “Trong khi vật chất có thể bị phá hủy hoàn toàn thì các kỹ năng của con người như công nghệ, bí quyết tổ chức và nghị lực làm việc sẽ còn mãi”².

Hoạt động sản xuất vật chất là hoạt động mà nhờ đó, con người tạo ra các tư liệu sinh hoạt nhằm duy trì và phát triển sự tồn tại của mình không phải chỉ với tư cách một cá nhân, mà còn với tư cách loài. Với ý nghĩa đó, hoạt động sản xuất vật chất của con người chính là lao động. Trong quá trình lao động, con người luôn phải tìm ra những cách thức, phương pháp, quy tắc, kỹ năng phù hợp để tác động vào giới tự nhiên nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tồn tại của chính mình. Chính từ đây, công nghệ bắt đầu sự tồn tại của nó với tư cách sự phát triển và ứng dụng công cụ, máy móc, vật liệu vào các quá trình để giải quyết những vấn đề của con người. Lịch sử của sự phát triển xã hội loài người cũng đồng thời là lịch sử của những cải biến và phát minh công nghệ. Công nghệ ban đầu đơn giản chỉ là việc chế tác ra những công cụ thô sơ, như hòn đá được mài, cái rìu bằng đá hay cung tên... Những thứ này giúp cho con người săn bắt hiệu quả hơn và nhờ thế, dần tách ra khỏi thế giới động vật. Sự phát triển của công nghệ được tiếp tục với việc con người sáng tạo ra những công cụ, như cày, bừa, cối xay gió, cối xay nước... Những công cụ này đã giúp con người chuyển dần từ lối sống săn bắt, hái lượm sang nền kinh tế nông nghiệp với hoạt động chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt. Công nghệ đó cũng đã giúp con người đứng vững hàng chục ngàn năm trong nền kinh tế nông nghiệp và xung lượng của nền kinh tế ấy vẫn còn cho đến tận ngày nay. Phát minh ra máy hơi nước là xuất phát điểm đưa con người tiến vào thời đại kinh tế công nghiệp với đặc trưng cơ bản là sản xuất chủ yếu bằng máy móc cơ khí và sau này là cơ khí

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 257.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, t. 38, tr. 30.

tự động hóa. Nhờ nền sản xuất công nghiệp mà loài người đã tạo ra một khối lượng hàng hóa khổng lồ, nhiều hơn tất cả các thời đại trước đó cộng lại. Đặc biệt, từ giữa thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, với việc phát minh ra một loạt công nghệ mới, trong đó công nghệ thông tin giữ vai trò chủ chốt, sự phát triển của xã hội loài người đã có những thay đổi về chất.

Qua đó, có thể hiểu, người lao động thực sự phải là người có thể lực khỏe mạnh, có năng lực trí tuệ cao, có trình độ chuyên môn kỹ thuật giỏi, có tác phong kỷ luật lao động, có đạo đức nghề nghiệp tốt. Điều này được biểu hiện qua trình độ tay nghề và các thao tác thuộc về kỹ năng lao động, tác phong, kỷ luật cần thiết, không thể thiếu của người lao động. Thể chất của người lao động là sự phát triển cường tráng, trong đó bao hàm cả sự phát triển tốt về trí lực, tư chất thông minh, sự nhạy bén của thần kinh, cả tâm sinh lý, sự sáng tạo cao độ trong lao động. Về đạo đức nghề nghiệp của người lao động phải được xác định là nền tảng định hướng mọi giá trị hành động cụ thể của con người và xã hội. Nhân tố đạo đức của người lao động là một trong những động lực cho sự phát triển của sản xuất nói riêng và xã hội nói chung.

Người lao động là vốn quan trọng trong lực lượng sản xuất hiện đại. Nguồn vốn này không chỉ bao gồm tri thức khoa học (còn gọi là tri thức hiện có thể diễn hóa, mã hóa và truyền bá trên mạng máy tính) mà còn cả tri thức do mỗi người tích lũy trong cuộc sống mà có (còn gọi là tri thức ẩn như: bí quyết, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm lâu năm, tay nghề thành thạo...). Trong kinh tế thị trường, khi thực hiện quá trình chu chuyển thì “vốn người” chuyển thành tư bản, nên còn gọi là tư bản con người. Ngay từ thế kỷ XIX, C.Mác đã chỉ ra: Bồi dưỡng tất cả những phẩm chất của con người mang tính xã hội và sự sản xuất ra con người, với tư cách là con người, có những phẩm chất và những mối liên hệ, và do đó, có những nhu cầu hết sức phong phú, sự sản xuất ra con người với tư cách là sản phẩm mang tính chất chính thể nhất và vạn năng nhất của xã hội (bởi vì muốn sử dụng được nhiều vật dụng, con người phải có năng lực sử dụng chúng

nghĩa là con người phải trở thành con người hết sức có văn hóa), đó cũng là những điều kiện của một nền sản xuất dựa trên tư bản¹.

Như vậy, người lao động giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất vật chất. Cho nên, cần nhận thức đúng đắn về vai trò to lớn của người lao động đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

2.1.2. Yếu tố tư liệu sản xuất

Trong lực lượng sản xuất, nếu người lao động là chủ thể sáng tạo, là yếu tố đặc biệt bởi con người có ý thức, và thông qua ý thức điều khiển mọi hoạt động theo mục đích của mình, thì đối tượng lao động là khách thể và có vai trò quan trọng. Đối tượng lao động được xác định là những dạng vật chất có sẵn trong tự nhiên, kể cả trên mặt và trong lòng đất, dưới đại dương và trong khí quyển như đất đai, sông, biển, rừng núi, động thực vật, tài nguyên khoáng sản, gỗ trong rừng nguyên thủy, quặng dưới lòng đất, tôm cá dưới sông biển... con người tách nó ra khỏi mối liên hệ trực tiếp với tự nhiên và biến thành sản phẩm. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi dạng vật chất trong tự nhiên đều là đối tượng lao động, khi con người chưa biết sử dụng nó để phục vụ đời sống và sản xuất, thì khi đó bản thân các yếu tố đó chưa trở thành đối tượng lao động của xã hội loài người. Nhưng khi nó ở dạng đã trải qua lao động chế biến như than trong nhà máy nhiệt điện, sắt, thép, để chế tạo máy móc thì đối tượng lao động thuộc dạng này còn gọi là nguyên liệu. Chúng thuộc đối tượng của các ngành công nghiệp chế biến. Do vậy, không phải mọi dạng vật chất có sẵn trong tự nhiên đều là đối tượng lao động mà chỉ có những dạng vật chất có khả năng tạo ra những vật phẩm theo những mục đích, yêu cầu đáp ứng những nhu cầu nào đó của con người và được con người tác động, khai thác, cải tạo thì chúng mới trở thành đối tượng của lao động. C.Mác nói: “Mọi nguyên liệu đều là đối tượng lao động, nhưng không phải mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu. Đối tượng lao động chỉ trở thành nguyên liệu

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 46, phần I, tr. 627-628.

sau khi đã trải qua một sự biến đổi nào đó do lao động gây ra”¹. Việc sử dụng những nguyên liệu “nhân tạo” thay thế cho dạng nguyên liệu truyền thống sẽ ngày càng phổ biến trong tương lai, tuy nhiên những nguyên liệu “nhân tạo” đó cũng đều bắt nguồn từ tự nhiên.

Trong quá trình sản xuất con người thường xuyên tự cải tạo mình về mọi mặt, cũng như liên tục cải tiến công cụ lao động, để ngày càng làm ra nhiều sản phẩm nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Khi nền sản xuất xã hội càng phát triển, khoa học, công nghệ càng cao, thì loại đối tượng phải cải tạo nhiều lần càng được mở rộng, điều này là do nhu cầu ngày càng cao của con người quy định.

Cùng với người lao động, công cụ lao động là yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất. Công cụ lao động không ngừng được cải tiến và hoàn thiện trong quá trình lao động sản xuất. Công cụ lao động (công cụ sản xuất) có thể là một vật thể hay là một phức hợp những vật thể (tùy theo tính chất của việc sản xuất sản phẩm). Chính sự cải tiến và hoàn thiện không ngừng công cụ lao động đã làm biến đổi toàn bộ tư liệu sản xuất. Công cụ lao động là những vật được con người sử dụng để trực tiếp truyền tác động vào đối tượng lao động, sản xuất ra của cải vật chất. Chúng luôn được cải tiến, đổi mới, có ý nghĩa quan trọng quyết định năng suất lao động, là thước đo trình độ chinh phục tự nhiên của con người. Nếu không có công cụ lao động sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất, sản xuất sẽ diễn ra một cách chậm chạp, trì trệ, hao phí nhiều thời gian và công sức, dẫn đến năng suất thấp, hiệu quả kém.

Công cụ lao động phản ánh trình độ nền sản xuất xã hội, là cơ sở để phân biệt sự khác nhau giữa các thời đại kinh tế. Quá trình phát triển của xã hội loài người gắn liền với quá trình phát triển và hoàn thiện tư liệu lao động, trước hết là công cụ lao động. Từ công cụ sơ khai của người nguyên thủy đến công cụ sản xuất thủ công

1. C.Mác: *Tư bản phê phán khoa kinh tế chính trị*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, t. 23, tr. 268.

trong xã hội nô lệ, phong kiến lên cơ khí hóa, tự động hóa sản xuất là những nấc thang trên con đường phát triển của nền văn minh nhân loại. Công cụ lao động là cái vật hóa trí tuệ và tài năng sáng tạo của con người. Với mục đích tăng năng suất lao động và giảm cường độ lao động, con người đã sáng tạo ra công cụ lao động. Nhờ đó công cụ lao động ngày càng được cải tiến hiện đại. Trình độ phát triển của công cụ lao động là dấu hiệu đặc trưng tiêu biểu cho một thời đại sản xuất xã hội nhất định.

Trong quá trình sản xuất, con người thường xuyên tìm cách làm giảm chi phí sức lao động của mình nhưng lại muốn sản xuất ra ngày càng nhiều những vật phẩm cần thiết, vì vậy, con người đã liên tục cải tiến những công cụ hiện tại đang được sử dụng để nó ngày một tinh xảo và hiện đại, phù hợp với những thao tác, yêu cầu mà con người đặt ra, đó là các quá trình thay đổi công nghệ sản xuất, làm cho công cụ lao động trở nên yếu tố động nhất, cách mạng nhất, và xét đến cùng mọi sự biến đổi của các yếu tố khác trong sản xuất và trong đời sống xã hội đều chịu ảnh hưởng của sự thay đổi này của công cụ lao động. Chính vì vậy, trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học - công nghệ đóng vai trò ngày càng to lớn. Sự phát triển của khoa học - công nghệ gắn liền với sản xuất và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển. Sự thâm nhập ngày càng sâu của khoa học - công nghệ vào trong sản xuất làm cho lực lượng sản xuất có bước nhảy vọt. Và nó đang tạo nên cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay.

Trong tư liệu sản xuất còn có phương tiện sản xuất, kết cấu hạ tầng sản xuất bao gồm: hệ thống dịch vụ, đường sá, cầu cống, bến bãi, nhà kho, thông tin... Mặc dù những yếu tố này không trực tiếp làm ra sản phẩm, nhưng có những ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Đặc biệt, trong sản xuất hàng hóa nếu như không chú ý thỏa đáng đến những điều kiện đó, nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất xã hội vì những yếu tố này góp phần làm tăng hay giảm các chi phí giao dịch, chi phí cho vận chuyển nguyên vật liệu, bảo quản các sản phẩm, đó là những chi phí cũng được lấy ra từ giá trị của sản phẩm.

Đối với những vùng còn lạc hậu, càng cần phát triển các điều kiện và phương tiện này nhiều hơn, bởi vì nó còn góp phần thu hút đầu tư, lưu thông các yếu tố phục vụ sản xuất.

Lực lượng sản xuất hiện nay bao gồm đối tượng lao động và công cụ lao động và đặc biệt là người lao động với những tập quán, thói quen, kỹ năng, kinh nghiệm và tri thức lao động của mình cùng với khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Bởi vì, mỗi một phương thức sản xuất khác nhau thì quan niệm về lực lượng sản xuất cũng sẽ khác nhau. Bên cạnh đó, ngày nay việc phân chia ranh giới giữa công cụ lao động (hay tư liệu lao động) và đối tượng lao động chỉ có ý nghĩa tương đối. Một vật nào đó là đối tượng lao động hay tư liệu lao động tùy thuộc vào mục đích sử dụng của nó trong quá trình con người sử dụng nó vào quá trình sản xuất. Đặc biệt khi ngày nay khoa học - công nghệ đã rất phát triển thì nó trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp và đóng vai trò quan trọng. Khoa học, công nghệ được xem như là một nhân tố đặc biệt của lực lượng sản xuất, nhân tố này chỉ thực sự phát huy được vai trò của nó khi kết hợp với yếu tố người lao động và các yếu tố của tư liệu sản xuất. Do vậy, ngày nay khoa học và công nghệ đang ngày càng có vai trò to lớn và quan trọng trong các yếu tố của lực lượng sản xuất.

2.1.3. Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Khi đề cập lực lượng sản xuất thì không thể không đề cập quan hệ sản xuất, đây là hai mối quan hệ song trùng trong một phương thức sản xuất. Quan hệ sản xuất, đó là quan hệ giữa con người và con người trong quá trình sản xuất; nó là hình thức của lực lượng sản xuất, là cơ sở kinh tế, cơ sở sâu xa của đời sống tinh thần. Theo các nhà kinh điển, xã hội là sản phẩm có sự tác động qua lại lẫn nhau giữa người với người. Quan hệ giữa người với người tạo nên cái gọi là quan hệ xã hội, trong đó quan hệ sản xuất là cơ sở, cơ bản, nền tảng, ban đầu và có ý nghĩa quyết định. Sản xuất bao gồm sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người. Ba quá trình này không tách rời nhau, trong đó sản xuất vật chất đóng vai trò là cơ sở của sự tồn tại là phát triển xã hội.

Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối sản phẩm. Ba yếu tố đó liên quan khăng khít với nhau, thống nhất với nhau tạo nên một hệ thống mang tính ổn định tương đối so với lực lượng sản xuất, nhưng trong đó yếu tố thứ nhất đóng vai trò quyết định, quy định hai yếu tố sau. Tính chất của quan hệ sản xuất trước hết được quy định bởi quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất - biểu hiện thành chế độ sở hữu đặc trưng cơ bản của phương thức sản xuất, quy định vị trí của từng tập đoàn người, từng giai cấp trong hệ thống sản xuất. Quan hệ tổ chức quản lý quy định trực tiếp quy mô, tốc độ, hiệu quả, xu hướng của mỗi nền sản xuất. Quan hệ phân phối sản phẩm có tác dụng như chất xúc tác, kích thích (kìm hãm), thúc đẩy (hạn chế) tốc độ, nhịp điệu của sản xuất.

Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ thống nhất biện chứng, trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt cơ bản, tất yếu của quá trình sản xuất, trong đó, lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của quá trình sản xuất, còn quan hệ sản xuất là hình thức kinh tế của quá trình đó. Trong đời sống hiện thực, không thể có sự kết hợp các nhân tố của quá trình sản xuất để tạo ra năng lực thực tiễn cải biến các đối tượng vật chất tự nhiên lại có thể diễn ra bên ngoài những hình thức kinh tế nhất định; ngược lại cũng không có một quá trình sản xuất nào có thể diễn ra trong đời sống hiện thực chỉ với những quan hệ sản xuất không có nội dung vật chất của nó. Như vậy, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, thống nhất với nhau. Đây là yêu cầu tất yếu, phổ biến diễn ra trong mọi quá trình sản xuất hiện thực của xã hội. Tương ứng với thực trạng phát triển nhất định của lực lượng sản xuất cũng tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp với thực trạng đó trên cả ba phương diện: sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức, quản lý và phân phối. Chỉ có như vậy, lực lượng sản xuất mới có thể

được duy trì, thai thác - sử dụng và phát triển trong một hình thức kinh tế nhất định, không thể tồn tại lực lượng sản xuất bên ngoài các hình thức kinh tế nhất định.

Lực lượng sản xuất là cơ sở vật chất, điều kiện vật chất có vai trò quyết định quan hệ sản xuất - hình thức xã hội của sản xuất. Khi quan hệ sản xuất không còn phù hợp với lực lượng sản xuất thì tất yếu phải được thay thế bằng phương thức sản xuất tiến bộ hơn. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã ra đời trên cơ sở của lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ và phá bỏ quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu. Với thành quả của cách mạng công nghiệp chuyển mạnh từ lao động thủ công lên lao động với công cụ kỹ thuật cao và diễn ra quá trình công nghiệp hóa, giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và mở rộng thị trường thế giới trong thế kỷ XXI, sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học, công nghệ và toàn cầu hóa hiện nay đã tạo ra lực lượng sản xuất hiện đại và đồ sộ hơn nhiều.

2.2. Quan niệm về phát triển lực lượng sản xuất

Sản xuất vật chất thực chất là quá trình không ngừng biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất. Khi các yếu tố của lực lượng sản xuất phát triển đến một lộ trình nhất định thì lại tạo ra những mâu thuẫn cơ bản của một phương thức sản xuất (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất). Mâu thuẫn càng phát triển thì quan hệ sản xuất càng trở thành xiềng xích, trói buộc sự phát triển của lực lượng sản xuất, đòi hỏi phải thay thế quan hệ sản xuất cũ đã lỗi thời (là xiềng xích trói buộc) bằng một quan hệ sản xuất mới thích ứng với trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất mới. Quá trình đó chính là sự thay thế một phương thức sản xuất cũ lỗi thời bằng một phương thức sản xuất mới cao hơn. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội¹.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 15.

Ngày nay, lực lượng sản xuất không chỉ được xã hội hóa như trước kia, mà nó ngày càng được toàn cầu hóa, quốc tế hóa. Do đó, toàn cầu hóa kinh tế trước hết là toàn cầu hóa lực lượng sản xuất, là phát triển lực lượng sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở trình độ của công cụ lao động, trình độ khoa học - kỹ thuật, trình độ của người lao động (kinh nghiệm, kỹ năng, tri thức, trình độ tổ chức, quản lý, phân công, trình độ ứng dụng khoa học - kỹ thuật).

Hơn nữa, hiện nay các nước phát triển đang ứng dụng rộng rãi nhiều thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các thuật ngữ “kinh tế tri thức” hay “phát triển dựa vào tri thức” đã xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là bước phát triển mới ở trình độ cao hơn của kinh tế tri thức. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là trí tuệ nhân tạo, số hóa, thông minh hóa các thiết bị và sự hội tụ, dung hợp nhiều công nghệ, cũng như sự kết nối, tương tác giữa chúng trên các lĩnh vực với quy mô rộng lớn, cho phép con người có thể kiểm soát mọi thứ từ xa, không giới hạn về không gian, thời gian. Nhờ đó quá trình tương tác diễn ra nhanh chóng, thuận tiện và chính xác hơn, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, làm giảm chi phí, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa. Điều này đã đặt ra nhiều thời cơ và thách thức đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế đối với sự phát triển lực lượng sản xuất. Cho nên, để phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta thì phải đẩy mạnh khoa học, công nghệ để đẩy mạnh công nghiệp hóa...; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ. Để đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức và tiếp cận hạ tầng cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nước ta cần đầu tư cho hạ tầng công nghiệp thông tin là yêu cầu cấp thiết. Bên cạnh đó, đầu tư phát triển mạnh hạ tầng kết nối công nghệ thông tin, hạn chế nhập khẩu công nghệ và thiết bị lạc hậu, triển khai có hiệu quả các dịch vụ viễn thông công ích, xây dựng cơ sở nền tảng kỹ thuật - công nghệ hiện đại... Cần có hệ thống chính sách khuyến khích doanh nghiệp lựa chọn, tiếp nhận những công nghệ tiên tiến của thế giới. Trong giai đoạn đầu của cách mạng

công nghiệp lần thứ tư, chúng ta có thể đẩy nhanh quá trình “rút ngắn” thông qua việc ứng dụng những thành tựu công nghệ hiện đại vào một số lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế.

Đồng thời cũng phải cải tiến công cụ lao động, mở rộng đối tượng lao động, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chấn hưng nền giáo dục nước nhà. Đảng ta chủ trương phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học, công nghệ ngày càng cao là hoàn toàn đúng đắn, là cái lõi quan trọng của sự phát triển lực lượng sản xuất hiện nay ở nước ta. Vì vậy, để phát triển lực lượng sản xuất phải phát triển khoa học - kỹ thuật, công nghệ, cải tiến công cụ lao động, mở rộng đối tượng lao động, phát triển người lao động, đặc biệt là người lao động chất lượng cao.

Việc phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay cần những yêu cầu sau:

Một là, yếu tố người lao động hiện vẫn đang ngày càng chứng tỏ vị trí đặc biệt của mình bằng việc sáng tạo ra nhiều công trình khoa học, kỹ thuật, công nghệ để dần bổ trợ cho sức lực vật chất và trí tuệ của người lao động, nhằm tác động, chinh phục tự nhiên ngày một hiệu quả hơn. Đồng thời, chính người lao động lại sử dụng, điều khiển các phương tiện, công cụ lao động đó để nó hoạt động theo một nội dung đã được định trước. Để phát triển một cách ổn định và bền vững mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội nói chung, phát triển lực lượng sản xuất nói riêng, mọi dân tộc và mọi quốc gia đều phải cố gắng tác động, khai thác hiệu quả người lao động của mình. Trong tình hình khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, các nguồn năng lượng và nguyên liệu ngày càng có nguy cơ cạn kiệt, khan hiếm thì việc quan tâm phát triển người lao động ngày càng cần thiết hơn cả. Chính vì vậy, phát huy vai trò yếu tố người lao động phải chú ý nâng cao: sức khỏe, trí tuệ (trong đó bao gồm cả những hiểu biết về tự nhiên, về xã hội và những kinh nghiệm, kỹ năng lao động) đạo đức, văn hóa, v.v.. Các yếu tố đó phải có mối quan

hệ hài hòa, tương đồng và bổ sung cho nhau, bởi vì người lao động chỉ có thể lao động tốt khi có sức khỏe, có trí tuệ, có lý tưởng và đạo đức trong sáng, có quan hệ hài hòa với cộng đồng xung quanh. Bên cạnh đó, cần một môi trường chính trị - xã hội thuận lợi và một hệ thống chính sách xã hội kích thích được tính tích cực của người lao động. Đương nhiên, phải có hàng loạt các biện pháp thích hợp khác kèm theo, như chiến lược về cơ cấu lao động, chiến lược về giáo dục và đào tạo, chiến lược dân số, v.v. để giúp các yếu tố đó hoạt động một cách có hiệu quả.

Do vậy, trong quá trình đáp ứng các nhu cầu về vật chất và tinh thần của mình, con người với tư cách là người lao động đã tự cải tạo mình, đặt mình vào những “điều kiện” và qua các điều kiện này, con người có những thay đổi về thể chất và trí tuệ một cách phù hợp hơn với điều kiện khách quan và với quá trình sản xuất đó. Do những nhu cầu trong đời sống - xã hội ngày càng tăng, người lao động đã buộc phải thường xuyên cải tiến những công cụ lao động, làm cho sản xuất vật chất và mọi mặt của đời sống - xã hội ngày càng phát triển. Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ như ngày nay, người lao động ngày càng ít phải tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, mà chủ yếu là nghiên cứu, điều khiển, giám sát các quá trình đó. Điều này là một bằng chứng về sức lực trí tuệ, một loại sức lực chỉ có ở người lao động và nhờ đó làm cho xã hội loài người ngày càng phát triển về mọi mặt.

Hai là, khoa học, công nghệ trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất hiện nay. Khoa học, công nghệ là những tri thức phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan và việc ứng dụng, vận dụng những tri thức đó vào sản xuất vật chất, trong đó bao gồm toàn bộ những gì có liên quan đến việc biến đổi tài nguyên thành sản phẩm vật chất và tinh thần. Do những đòi hỏi của đời sống và quá trình sản xuất vật chất, người lao động thường xuyên phản ánh và nhận thức thế giới khách quan, trên cơ sở những hiểu biết đó, người lao động tiến hành cải tạo tự nhiên, buộc tự nhiên mang lại nhiều lợi ích nhất phục vụ cho những yêu cầu của cá nhân

và xã hội. Từ tri thức khoa học, người lao động ứng dụng nó, vật chất hóa nó vào công cụ, phương tiện của quá trình lao động, tăng cường cho sức mạnh của người lao động trước tự nhiên. Ngày nay, tri thức khoa học không chỉ được vật chất hóa vào công cụ, phương tiện và người lao động mà còn thâm nhập, thẩm thấu vào mọi quá trình liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến sản xuất và trao đổi sản phẩm, cho nên nó ảnh hưởng đến mọi quan hệ của người lao động với thế giới xung quanh, cũng như quan hệ của người lao động với người lao động. Đặc biệt, để phát triển lực lượng sản xuất cần chú trọng cả về chiều rộng và chiều sâu ở nhiều lĩnh vực như trong công nghệ điện tử, tin học và viễn thông. Bằng kỹ thuật số và ứng dụng rộng rãi tin học vào đời sống và sản xuất: từ tổ chức, quản lý, điều hành cho đến mua bán các sản phẩm, tạo mẫu mã, v.v.. Quá trình sản xuất vật chất và hoạt động của con người trong các lĩnh vực về công nghệ điện tử, tin học và viễn thông đã ngày càng được tự động hóa cao, trong đời sống - xã hội đã xuất hiện nhiều thuật ngữ mới như: nền kinh tế ảo, thị trường ảo hoặc kinh tế mạng, kinh tế tri thức... Sự toàn cầu hóa thông tin và thị trường kinh tế đã cho phép những quốc gia chậm phát triển có cơ hội đi tắt, đón đầu trong quá trình phát triển về công nghệ điện tử, tin học và viễn thông của mình. Tuy nhiên, nó cũng chính là rào cản lớn nhất, làm giãn khoảng cách phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong các lĩnh vực của công nghệ điện tử, tin học và viễn thông giữa các nước phát triển cao với các nước đang phát triển và các nước chậm phát triển nếu như không có các chiến lược phát triển đúng đắn, không có các chính sách và biện pháp đi tắt đón đầu một cách phù hợp về công nghệ điện tử, tin học và viễn thông.

Trong lĩnh vực công nghệ vật liệu, năng lượng mới: nhờ các thành tựu của khoa học, công nghệ, hàng loạt các loại vật liệu mới ra đời như: vật liệu cách điện cao cấp, vật liệu siêu dẫn, siêu bền, siêu cứng, siêu nhẹ,... và các dạng năng lượng mới như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,... cũng đã được khai thác theo công nghệ mới, làm tăng giá trị các vật liệu tự nhiên lên

hiều lần, thay thế được nhiều vật liệu gây ô nhiễm môi trường và khan hiếm mà người lao động sử dụng phổ biến.

Trong công nghệ sinh học: công nghệ sinh học đã chứng tỏ sức mạnh kỳ diệu của mình đối với sự phát triển lực lượng sản xuất chỉ vài thập niên gần đây. Bằng những phát hiện mới về công nghệ tế bào, công nghệ sinh sản, công nghệ gen và các phương pháp sinh học mới, con người tạo ra những giống cây trồng và vật nuôi mới có nhiều ưu điểm lớn cả về chất lượng cũng như năng suất và giá thành. Đặc biệt nhờ công nghệ sinh học, làm cho con người ngày càng khỏe mạnh, có tuổi thọ cao và ngày càng đẹp hơn. Hiện nay khoa học sinh học đã công bố bản đồ gen con người và đã bắt đầu giải mã một phần bộ gen đó. Với thành tựu này, khoa học còn có thể giải quyết nhiều vấn đề về sự sống nói chung.

Như đã biết, trước đây khoa học muốn tham gia vào quá trình sản xuất thì phải thông qua hệ thống: con người - khoa học - kỹ thuật - sản xuất - con người; trong đó quá trình chuyển từ khoa học đến kỹ thuật rồi đến sản xuất là một khoảng thời gian rất dài. Ngày nay, với sự phát triển của khoa học đã vượt trước rất xa so với nhu cầu của sản xuất, điều đó tác động rất mạnh đến mọi mặt của quá trình sản xuất nói chung. Dưới góc độ đó thì có thể nói rằng khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất. Vì chỉ khi nào khoa học thâm thấu vào các yếu tố của lực lượng sản xuất thì mới nhận rõ được vai trò trực tiếp và to lớn của khoa học đối với phát triển lực lượng sản xuất.

Những thành tựu của khoa học, công nghệ đem lại sự phát triển vượt bậc cho lực lượng sản xuất, song chính nó cũng có mặt trái đáng phải lưu tâm, nhất là đối với những người sử dụng thành tựu này một cách phi nhân tính, chạy theo lợi ích cá nhân vị kỷ. Tất nhiên ở đây không chỉ nói về khoa học tự nhiên mà ngay cả khoa học xã hội cũng đang trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Do vậy, cùng với những thành tựu của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn cũng ngày càng phát huy vai trò to lớn của mình trong đời sống sản xuất vật chất xã hội.

Do những đòi hỏi của đời sống thực tiễn và của quá trình sản xuất vật chất, lực lượng sản xuất đã thường xuyên vận động, phát triển một cách liên tục, khách quan. Trong quá trình vận động, phát triển của lực lượng sản xuất, có những nhân tố tác động tích cực tạo điều kiện cho nó đi lên, nhưng cũng có những nhân tố cản trở sự phát triển đó. Vì vậy, muốn thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển thì phải nhận thức, phải tác động đến các nhân tố, các điều kiện và các quá trình có ảnh hưởng đến sự vận động, phát triển lực lượng sản xuất, nhằm hạn chế tối đa những cản trở, những “xiềng xích” có thể có từ nhiều góc cạnh khác nhau. Trong đó cần xác định cả những nhân tố bên trong và bên ngoài của lực lượng sản xuất, vai trò của từng nhân tố đó đối với tiến trình vận động, phát triển của lực lượng sản xuất, trên cơ sở đó cải tạo để nó tạo điều kiện cho phát triển lực lượng sản xuất.

Tuy vậy, khoa học, công nghệ vẫn không thể thay thế được yếu tố người lao động trong quá trình sản xuất, nhưng nó làm thay đổi nhanh chóng hiệu quả của công cụ lao động và sức lực vật chất của người lao động, thậm chí nó còn giúp người lao động một số thao tác tư duy đơn giản. Nhờ có khoa học - công nghệ mà những công cụ lao động đang ngày càng được cải tiến theo hướng gọn, nhẹ, hiệu suất cao; đồng thời những hiểu biết của con người về bản chất, quy luật của đối tượng lao động, về những tính năng, tác dụng của những công cụ lao động ngày một sâu sắc hơn. Trong đó khoa học - công nghệ vừa là nguyên nhân, vừa là động lực nhưng cũng là kết quả của sự vận động, phát triển lực lượng sản xuất, làm cho quan hệ giữa chúng ngày một xâm nhập vào nhau nhiều hơn. Trong thời đại toàn cầu hóa, thông tin hóa như hiện nay, vai trò động lực trực tiếp của khoa học, công nghệ đối với việc thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất càng được thể hiện rõ hơn. Nhiều phát minh, sáng chế được ứng dụng, chuyển giao một cách nhanh chóng, làm cho nhiều quốc gia không chỉ thoát khỏi những khó khăn và khủng hoảng mà còn tạo ra những bước nhảy vọt, bứt phá một cách kinh ngạc về kinh tế như Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước mới công nghiệp

hóa (NICs) trong những thập niên gần đây. Cũng nhờ những thành tựu của khoa học - công nghệ, hàng loạt những vấn đề về lực lượng sản xuất và các yếu tố hỗ trợ, tương tác cho sự phát triển của nó được giải quyết, như tìm và tạo ra nguồn năng lượng, nguyên liệu mới; bố trí thích hợp các quá trình tổ chức, quản lý sản xuất; phát huy tối đa tính tích cực và năng động sáng tạo của người lao động, v.v.. Khoa học - công nghệ đã tác động tới quá trình phát triển của lực lượng sản xuất hiện nay, như: thông tin về thị trường, dự báo về cung, cầu các sản phẩm hàng hóa; hiểu biết về thị hiếu thẩm mỹ của từng vùng, từng thời kỳ, từng dân tộc, v.v., mà nhờ đó ban hành các chính sách đúng đắn làm cơ sở cho sự phát triển của các ngành sản xuất và của bản thân lực lượng sản xuất.

Cùng với sự phát triển các yếu tố của lực lượng sản xuất thì phát triển lực lượng sản xuất cũng gắn liền với việc phân công lao động xã hội. Điều này phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, đồng thời mỗi bước tiến của sự phân công lao động xã hội lại có tác dụng thúc đẩy lực lượng sản xuất của xã hội phát triển, lực lượng sản xuất của xã hội phát triển lại tạo ra năng suất lao động xã hội cao, thúc đẩy quá trình xã hội hóa sản xuất diễn ra mạnh hơn. Bởi vậy, xã hội hóa sản xuất vừa là tiền đề, vừa là kết quả của phân công lao động xã hội. Xã hội hóa sản xuất cao chính là bảo đảm cho phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa chiến thắng phương thức sản xuất cũ. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa nền sản xuất nhỏ, lạc hậu lên nền sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo C.Mác, sức sản xuất của lao động nhất thiết phụ thuộc chủ yếu vào sự phân công lao động, sự phân công lao động đó làm cho người ta có thể sản xuất nhanh hơn do đó cũng rẻ hơn. Phân công lao động xã hội gắn liền chặt chẽ với công cụ sản xuất. Khi nền sản xuất mới xuất hiện thì phân công lao động xã hội cũng phải đạt được trình độ tương ứng với nền sản xuất ấy. Đó là một tất yếu khách quan, một yêu cầu cấp bách của bản thân nền sản xuất xã hội.

Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của một dân tộc bộc lộ rõ rệt nhất ở trình độ phát triển của sự phân công lao động.

Bất cứ sức sản xuất mới nào trong chừng mực không phải chỉ là một sự mở rộng đơn thuần về số lượng của những lực lượng sản xuất mà cho đến lúc đó người ta đã biết (sự khai phá đất đai mới chẳng hạn), thì cũng đều mang lại kết quả là sự phát triển thêm sự phân công lao động xã hội... Phân công lao động xã hội biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất. Thể hiện năng lực thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất, là cơ sở tiền đề xuất phát của sức sản xuất.

Đồng thời, phát triển lực lượng sản xuất cũng gắn liền với tính xã hội của sản xuất không chỉ tồn tại trong buổi đầu hình thành xã hội con người, mà còn phát triển cao hơn trong điều kiện xã hội hiện đại. Tính xã hội hóa của sản xuất phát triển từ thấp lên cao gắn liền với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong tiến trình phát triển của lịch sử. Trong các xã hội gắn liền với nền sản xuất nhỏ, kinh tế tự cung tự cấp, các hoạt động kinh tế trong xã hội thường được tiến hành bởi các đơn vị kinh tế độc lập với nhau, hoặc nếu có quan hệ với nhau cũng chỉ là quan hệ tập hợp theo số cộng đơn thuần, chưa có quan hệ hữu cơ với nhau. Nền sản xuất ở đây tuy mang tính chất xã hội nhưng vẫn chưa xã hội hóa. Bởi vậy, nếu xem xét xã hội hóa sản xuất với tư cách là một hệ thống hữu cơ, thì xã hội hóa sản xuất trực tiếp gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất lớn trong lịch sử. Từ đó có thể hiểu: xã hội hóa sản xuất là sự liên kết nhiều quá trình kinh tế riêng biệt thành quá trình kinh tế - xã hội, tồn tại hoạt động và phát triển liên tục như một hệ thống hữu cơ. Đó là quá trình kinh tế khách quan phù hợp với trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, phản ánh xu thế phát triển tất yếu mang tính chất xã hội của sản xuất. Việc tạo nên những tổ chức, những quan hệ kinh tế mới đáp ứng yêu cầu và phản ánh quá trình kinh tế khách quan kể trên là sự xã hội hóa trên thực tế.

Xã hội hóa sản xuất biểu hiện ở mối quan hệ giữa các ngành, các vùng, các khu vực ngày càng cao và chặt chẽ. Mối liên hệ này không chỉ diễn ra trên lĩnh vực lưu thông mà còn diễn ra trong lĩnh vực đầu tư, hợp tác khoa học, công nghệ, phân công và hợp tác sản xuất dưới

các hình thức liên doanh, liên kết phong phú, đa dạng. Sự liên kết này có tính liên kết xí nghiệp, liên ngành và liên quốc gia.

Do đó, phát triển lực lượng sản xuất là sự phát triển nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất (trình độ của người lao động, công cụ, phương tiện lao động, trình độ khoa học, công nghệ được thấm thấu vào các yếu tố của lực lượng sản xuất) và phát triển nâng cao tính chất của lực lượng sản xuất (tính chất xã hội hóa và chuyên môn hóa của lực lượng sản xuất).

Như vậy, phát triển lực lượng sản xuất là phải phát triển khoa học - kỹ thuật, khoa học - công nghệ, cải tiến công cụ lao động, mở rộng đối tượng lao động, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Muốn phát triển sản xuất thì phải phát triển lực lượng sản xuất, phát triển sức sản xuất, đồng thời còn phải xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; tức phải từng bước xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đó. Hai mặt đó không tách rời nhau, mà liên hệ mật thiết với nhau, thống nhất với nhau trong cái gọi là phương thức sản xuất.

Do vậy, có thể kết luận: *phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với khoa học và công nghệ, đây là yếu tố nằm bên trong và gắn liền trực tiếp với yếu tố người lao động và tư liệu sản xuất.*

3. Quan niệm về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, còn gọi là cách mạng công nghiệp 4.0, xuất hiện chỉ sau cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba chưa đầy nửa thế kỷ khi những chiếc máy tính, thiết bị điện tử lần đầu tiên ra đời vào những năm 1970 và internet được chính thức xuất hiện những năm 1990, nhưng mức độ ảnh hưởng, lan tỏa của cuộc cách mạng này diễn ra trên quy mô toàn cầu, với tốc độ nhanh hơn những gì đã xảy ra từ trước đến nay và dự báo sẽ làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị trên toàn thế giới.

Đặc trưng của cách mạng công nghiệp 4.0 là việc sử dụng hợp nhất cả phần cứng, người máy và khả năng tính toán lớn để

mở rộng công nghệ thông tin vượt qua cả phần mềm, với sự giao thoa của các công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây (cloud computing), internet vạn vật (IoT-Internet of things), trí tuệ nhân tạo (AI-Artificial Intelligence), thực tế ảo (AR/VR- Virtual Reality/ Augmented Reality), khai thác dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ di động không dây (wifi), công nghệ tin học lượng tử (quantum information technology), công nghệ nano (nanotechnology),...

Các công nghệ này hứa hẹn đáp ứng kỳ vọng của người dùng bởi tính liên ngành sâu rộng, nghĩa là thành tựu công nghệ của ngành này có thể áp dụng rộng rãi trong ngành khác và ngược lại. Các kỹ sư, các nhà thiết kế và các kiến trúc sư đang kết hợp các thiết kế trên máy tính với các loại vật liệu mới và các kỹ thuật sinh học tổng hợp để tạo ra các sản phẩm kết hợp của vi sinh vật với cơ thể con người, với sản phẩm con người tiêu thụ. Trong tương lai, nhờ robot, các đơn đặt hàng theo màu sắc, hình dạng và kích cỡ riêng sẽ được thực hiện ngày càng nhiều hơn. Nó hoàn toàn khác cách thức sản xuất hiện nay. Sản phẩm và dịch vụ sẽ được tạo ra theo yêu cầu cụ thể của khách hàng với chi phí phù hợp và hệ thống sản xuất hàng loạt có khả năng linh hoạt điều chỉnh theo thay đổi của nhu cầu xã hội, tối ưu lợi ích cho các bên liên quan. Ảnh hưởng của công nghệ phần cứng và phần mềm như người máy và internet vạn vật (IoT) được cho rằng sẽ có những tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực.

Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF, Davos 17-20/1/2017) với tổng số 446 phiên họp xoay quanh chủ đề xuyên suốt “Lãnh đạo hành động và có trách nhiệm - Responsive and Responsible Leadership” nhưng ngay trong ngày đầu tiên, lãnh đạo của các tập đoàn hàng đầu thế giới như Infosys, Salesforce, General Motors... đã tham gia tọa đàm “Thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Điều đó thể hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới. Phái đoàn Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc dẫn đầu và có bài phát biểu tại phiên thảo luận vào ngày 19/1/2017 “Tương lai nền sản xuất dưới góc độ chiến lược khu vực”.

Tại đây, WEF công bố một báo cáo phân tích về ảnh hưởng của công nghệ và xã hội học đến việc làm. Báo cáo của WEF với tiêu đề “Tương lai của việc làm” (The Future of Jobs) đã khảo sát các nhà điều hành cao cấp và phụ trách nhân sự của nhiều doanh nghiệp đại diện cho hơn 13 triệu lao động trong 09 lĩnh vực công nghiệp ở 15 nền kinh tế phát triển và mới nổi. Một số vùng kinh tế đã xác nhận rằng công nghệ ngày càng ảnh hưởng nhiều hơn đến xu hướng việc làm trên toàn cầu, và cho rằng thế giới đang ở giai đoạn cao nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Một số dữ liệu thống kê cho thấy, các công ty “bạc thầy” về công nghệ vượt trội hơn 9% về doanh thu; 26% về khả năng thu lợi và 12% về giá trị thị trường so với các doanh nghiệp khác.

Có thể nói cả thế giới, đặc biệt tại các nước phát triển trong vài năm qua đều có các chương trình chiến lược về sản xuất khi những tiến bộ của khoa học và công nghệ đang diễn ra rất nhanh. Tại Việt Nam, Chính phủ cũng quan tâm mạnh mẽ và đặt nhiều kỳ vọng vào bước đột phá đồng thời xác định các thách thức đối với các doanh nghiệp về việc hoạch định chiến lược trong sản xuất, thương mại, nông nghiệp và dịch vụ thích ứng với cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0.

Ngay từ đầu năm 2017 đã có nhiều sự kiện thu hút lãnh đạo các bộ, ngành, chủ tịch điều hành của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn và các hiệp hội doanh nghiệp thảo luận về xu thế và ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong số đó có thể kể tới tọa đàm Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và Ứng phó của doanh nghiệp trong thời đại đổi thay do Báo *Thế giới tiếp thị* kết hợp với Câu lạc bộ Quản trị và Khởi nghiệp tổ chức đầu năm 2017; Diễn đàn “Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Được và mất” do Thời báo *Kinh tế Việt Nam* tổ chức ngày 7/4/2017; Diễn đàn Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) do Bộ Công Thương tổ chức ngày 11/4/2017. Kết quả khảo sát ngày 7/4/2017 “Việt Nam có bắt kịp cách mạng công nghiệp lần thứ tư hay không” cho thấy 67% số người khảo sát cho rằng Việt Nam không bắt kịp được cách mạng công nghiệp 4.0, và chỉ có 33% cho rằng có thể bắt kịp.

Vậy, có phải chúng ta đã quá lạc quan vào tiềm năng phát triển của thời kỳ cơ cấu dân số vàng với 55% dân số sử dụng điện thoại di động và khả năng tham gia trong lĩnh vực internet và truyền thông của đất nước với tỷ lệ người dùng internet Việt Nam đã đạt 52% dân số và dự báo đến năm 2020 sẽ có khoảng 1 triệu lao động làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin (theo Cục Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2015) và thời gian sử dụng internet 5,2 giờ mỗi ngày đứng thứ tư trên thế giới, và đứng thứ 22 trên thế giới tính theo dân số về số người sử dụng mạng xã hội (thống kê của wearesocial.net). Nhưng Việt Nam cũng là quốc gia có thị trường lao động phổ thông lớn. Đến năm 2019 Việt Nam có khoảng 55,5% dân số trong độ tuổi lao động¹, đa số trình độ phổ thông, và đây chính là đối tượng bị robot thay thế công việc nhiều nhất. Tổ chức Lao động Quốc tế của Liên hợp quốc cho biết trong 10 năm tới, 86% lao động Việt Nam trong ngành da giày có thể bị mất việc vì robot. Trong khi đó, số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy năng suất lao động của Việt Nam năm 2018 đạt 11.142 USD vẫn quá thấp so với các quốc gia trong khu vực, chỉ bằng 7,3% so với Xingapo, 19% so với Malaixia, 37% với Thái Lan, 55,9% với Philippin và 44,8% của Ấn Độ²... Vì thế, có thể nói, thách thức lớn nhất của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với Việt Nam là phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng cao mà không thể thay thế bằng bằng máy móc tự động hay robot và yêu cầu đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực của Việt Nam có tính cấp thiết.

Lịch sử tiến bộ khoa học và công nghệ thế giới đã chứng kiến nhiều cuộc cách mạng trong đó trí tuệ con người đã làm chủ, dẫn dắt sự đổi mới của máy móc để tăng năng suất, mang lại thêm nhiều giá trị cho xã hội và đóng góp tích cực cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của nhân loại. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ đơn thuần là sự kế thừa thành

1. Theo danso.org/vietnam/.

2. Theo Vietnamnet.vn, đăng ngày 06/8/2019.

quả của ba cuộc cách mạng công nghiệp trước đó với thế giới kỹ thuật số mà còn tạo ra sự thay đổi toàn diện kinh tế thế giới trên ba khía cạnh vận tốc, phạm vi và hệ thống, chứng kiến sự suy giảm của các quốc gia phát triển chủ yếu vào khai thác tài nguyên, tăng cường vai trò chủ đạo của những nước chú trọng nền công nghệ sáng tạo.

Với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì kéo theo sự phát triển cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Vậy hiểu thế nào về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Theo Gartner, cách mạng công nghiệp 4.0 (hay cách mạng công nghiệp lần thứ tư) xuất phát từ khái niệm “Industrie 4.0” trong một báo cáo của Chính phủ Đức năm 2013. “Industrie 4.0” kết nối các hệ thống nhúng và cơ sở sản xuất thông minh để tạo ra sự hội tụ kỹ thuật số giữa công nghiệp, kinh doanh, chức năng và quy trình bên trong.

Nếu định nghĩa từ Gartner hơi khó hiểu, thì Klaus Schwab, người sáng lập và Chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế thế giới mang đến cái nhìn đơn giản hơn về cách mạng công nghiệp 4.0 như sau: *Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng công nghiệp lần hai diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần ba sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần thứ ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học.*

Vậy, theo ông Klaus Schwab, tốc độ đột phá của cách mạng công nghiệp 4.0 hiện “không có tiền lệ lịch sử”. Khi so sánh với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, 4.0 đang tiến triển theo một hàm số mũ chứ không phải là tốc độ tuyến tính. Hơn nữa, nó đang phá vỡ hầu hết ngành công nghiệp ở mọi quốc gia. Chiều rộng và chiều sâu của những thay đổi này báo trước sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị.

II. VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ đóng vai trò là cơ sở, mà còn là định hướng thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Thuật ngữ “định hướng” có nghĩa là hướng đi, đường đi, cách thức tiến hành. Định hướng là động từ và có nghĩa là xác định phương hướng phát triển, hướng dẫn ai đó, cái gì đó đi con đường đúng đắn. Đối với triết học thì quan điểm định hướng được nhấn mạnh vào cách thức, hướng quyết định cần phải thực hiện để phát triển kinh tế - xã hội. Từ cách hiểu trên, có thể thấy định hướng là sự phác họa lược đồ hướng về tương lai; Định hướng là cách xác định phương hướng để vạch ra những kế hoạch chi tiết, rõ ràng, những chiến lược thống nhất để bắt đầu xây dựng hướng đi đúng đắn. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa hội tụ đủ các yếu tố để trở thành định hướng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Điều đó được thể hiện qua vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển của lực lượng sản xuất thông qua các yếu tố sau:

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất thông qua sản xuất vật chất. Vì sản xuất vật chất không ngừng biến đổi. Sự biến đổi đó, xét cho cùng luôn phải bắt đầu từ quá trình biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa xác định phương hướng cho người lao động cùng với tư liệu sản xuất của mình tạo ra những sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của mình. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặt ra yêu cầu đối với người lao động trong việc sử dụng hiệu quả, sáng tạo những tư liệu sản xuất trong quá trình sản xuất vật chất, vì đối tượng lao động không phải là nguồn lực vô hạn, nên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phải sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm. Cho nên, công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đóng vai trò là yếu tố then chốt trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, đặt ra yêu cầu người lao động phải có tri thức, trí tuệ, kinh nghiệm và bản lĩnh để tạo ra của cải vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển cũng đã tạo ra những công cụ, phương tiện sản xuất ngày càng tinh vi, mang tính tự động hóa thì yêu cầu người lao động càng phải có trình độ chuyên môn cao để sử dụng, điều khiển những công cụ lao động hiện đại. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển của khoa học, công nghệ, những tri thức khoa học được kết tinh trong công nghệ, trong sản phẩm, dịch vụ xã hội ngày càng cao (theo tính toán của các nhà khoa học, thì hàm lượng tri thức kết tinh trong công nghệ sản phẩm ở trình độ kinh tế thủ công là dưới 10%, kinh tế cơ khí là trên 30%, kinh tế tri thức là trên 70%). Từ đó, đòi hỏi người lao động phải có trình độ khoa học, công nghệ cao mới vận hành, điều khiển, làm chủ được công nghệ, mới hưởng thụ hết được những tính năng, công dụng của sản phẩm, dịch vụ mình được cung cấp và tạo ra nhu cầu, động lực để nâng cao trình độ khoa học, công nghệ trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Chính vì thế, trình độ khoa học, công nghệ của người lao động luôn là tiêu chí quan trọng bậc nhất để xác định và đánh giá trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học, công nghệ nhằm tạo nên những bước chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ, góp phần làm tăng tỷ trọng giá trị nông nghiệp và tỷ trọng công nghiệp; đồng thời không ngừng mở rộng tỷ trọng ngành dịch vụ.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng phát triển thì càng nhanh chóng thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Có thể nói, cách mạng công nghiệp 4.0 thực chất chính là động lực cơ bản cho việc phát triển lực lượng sản xuất. Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển về máy móc mang tính tự động, hệ thống công nghệ thông minh được ứng dụng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó còn có phạm vi mở rộng mối liên hệ giữa các lĩnh vực về vật lý, số hóa và sinh học.

Cách mạng công nghiệp 4.0 là một phần quan trọng của khoa học, công nghệ - các yếu tố cấu thành nên lực lượng sản xuất. Chính vì thế cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với việc phát triển lực lượng sản xuất. Đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 còn phổ biến rộng lớn dựa trên cuộc cách mạng số, bởi internet ngày càng phổ biến, đó là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống thực và ảo, internet kết nối vạn vật (IoT) và các hệ thống kết nối internet (IoS). Do đó, cách mạng công nghiệp 4.0 có khả năng lan tỏa và kết nối siêu nhanh trên diện rộng hơn so với những cuộc cách mạng trước đó khi sự gắn kết các cá nhân được thực hiện thông qua hệ thống mạng xã hội trên internet. Bản chất của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; tập trung đến những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,...

Sự phát triển cách mạng công nghiệp 4.0 và việc phát triển lực lượng sản xuất tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nước trên thế giới. Hiện nay, ở các nước công nghiệp phát triển đang diễn ra sự chuyển dịch mạnh mẽ của cơ cấu kinh tế, theo đó, các ngành dựa vào tri thức và ứng dụng công nghệ cao đang phát triển nhanh. Sự chuyển dịch này thích ứng với quá trình chuyển biến nền kinh tế từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, từ cách mạng công nghiệp lần thứ ba sang cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng để xác lập nên những kế hoạch trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất thông qua sự phát triển của cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Cách mạng công nghiệp 4.0 là yếu tố căn bản trong việc nâng cao cơ sở hạ tầng kỹ thuật là hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật có chức năng trực tiếp phục vụ việc phát triển kinh tế và đời sống xã hội, được phân thành từng lĩnh vực như: hệ thống giao thông vận tải, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp, thoát nước,... Công nghiệp hóa, hiện đại hóa muốn phát triển thì cần có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phục vụ nhu cầu sản xuất, nhu cầu lưu thông

hàng hóa, nhu cầu sản xuất, đời sống của người lao động. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển góp phần nâng cao cơ sở hạ tầng kỹ thuật của nhân loại.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng chiến lược cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thông qua quá trình hiện đại hóa công nghệ, quy trình sản xuất. Trình độ công nghệ, phương tiện kỹ thuật là một yếu tố quan trọng để đánh giá trình độ sản xuất xã hội. Công nghệ, phương tiện kỹ thuật phát triển càng hiện đại, thì tính năng hoạt động, năng suất, hiệu quả càng cao, sản phẩm sản xuất ra càng nhiều, đồng thời việc tiêu hao ít lao động, nguyên, nhiên vật liệu làm cho giá trị gia tăng ngày càng cao, từ đó thúc đẩy việc phát triển lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng thúc đẩy nguồn tri thức và phương pháp khoa học để người lao động ứng dụng vào việc cải tiến, chế tạo những phương tiện kỹ thuật mới có tính năng, hiệu quả ngày càng cao hơn, hiện đại hơn, với quy trình sản xuất ngày càng hoàn thiện, từ đó làm cho sản xuất ngày càng phát triển, sản phẩm ngày càng nhiều, năng suất, hiệu quả ngày càng cao.

2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là động lực của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có tầm quan trọng đặc biệt đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đó là con đường tất yếu phải tiến hành đối với bất cứ nước nào, nhất là những nước có điểm xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, muốn xây dựng nền kinh tế phát triển hiện đại. Bởi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là động lực của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0. Thuật ngữ “động lực” có nghĩa là cái thúc đẩy, làm biến đổi, phát triển. Khi đề cập khái niệm “động lực” thì nó có phần hơi nghiêng về động lực học, đối với triết học thì quan điểm động lực được nhấn mạnh vào nguyên nhân và nguồn gốc của sự phát sinh hơn. Để trở thành động lực cần phải hội tụ của hai yếu tố: *một là*, cái sinh ra lực để thúc đẩy sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng,

hai là, lực phát sinh đó mang ý nghĩa là nội lực chứ không phải là những nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài. Động lực của mỗi hệ thống như vậy tất yếu phải là thành tố và mối liên hệ cơ bản, bản chất nhất của hệ thống, không những quy định sự vận động, phát triển của hệ thống mà nó còn là đặc trưng căn bản của mỗi hệ thống. Khi xem xét đến động lực của một kết cấu hệ thống thì bắt buộc phải đặt nó trong tổng thể các mối quan hệ của các thành tố, bộ phận trong hệ thống, xem xét sự tác động qua lại của các mặt bên trong mỗi bộ phận và giữa yếu tố, bộ phận này với yếu tố, bộ phận khác. Cho nên, công nghiệp hóa, hiện đại hóa hội tụ đủ các yếu tố để trở thành động lực của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm đổi mới và nâng cao trình độ người lao động với tư liệu sản xuất để nhằm phát triển cơ sở vật chất, C.Mác cũng đã nói: “Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung”¹. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo tiền đề vững chắc trong quá trình phát triển chất lượng của người lao động, quá trình đổi mới tư liệu sản xuất, từng bước loại bỏ những tư liệu sản xuất lạc hậu, tiến hành đổi mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển khoa học, công nghệ, đồng thời không ngừng nâng cao trình độ của người lao động, tạo nền tảng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất hiện nay.

Thực tế cho thấy, trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thì quá trình lao động sản xuất, người lao động luôn luôn tìm mọi cách tốt nhất để sao cho quá trình sản xuất ít hao tổn sức lực nhất, nhưng lại có năng suất và hiệu quả cao nhất, để thực hiện được điều đó, người lao động phải không ngừng nâng cao trình độ tri thức. Bên cạnh đó, khoa học, công nghệ ngày càng phát triển đã giúp cho người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ, để vận dụng những tri thức của mình có được trong quá trình sản xuất nhằm

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 15.

nâng cao kỹ năng, tay nghề, hoàn thiện quy trình, cải tiến, đổi mới công nghệ để sản xuất ngày càng phát triển. Đặc biệt với việc áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì khoa học, công nghệ hiện đại, công nghệ cao với hàm lượng tri thức khoa học kết tinh trong công nghệ ngày càng cao, độ tinh xảo, phức tạp và tính năng hiệu quả ngày càng cao, nó yêu cầu người lao động phải có trình độ cao mới có thể sử dụng, làm chủ và phát triển công nghệ trong thời đại trí tuệ nhân tạo hiện nay. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm cho người lao động từ việc sử dụng lao động thủ công sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động được đào tạo cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao và tạo ra những biến đổi về chất trong toàn bộ các hoạt động của đời sống xã hội (trước hết là hoạt động sản xuất vật chất). Như vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy, bắt buộc phải cải tiến và thay thế dần các công cụ lao động thô sơ, cũ kỹ, lạc hậu như: trong nông nghiệp, cái cày, cái cuốc, cái liềm đã được thay thế bằng máy cày ruộng, máy cắt lúa, máy thu hoạch liên hoàn...

Trên cơ sở đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm thay đổi người lao động và tư liệu sản xuất một cách tích cực thì hàm lượng tri thức khoa học được kết tinh trong các phương tiện lao động, công cụ lao động như máy móc mà người lao động tác động qua hệ thống điều khiển, nó giúp người lao động có thể thực hiện quá trình sản xuất.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình biến đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ tạo ra năng suất lao động cao. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành sản xuất có hàm lượng khoa học, công nghệ cao, giá trị gia tăng cao. Thực chất và

nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sáng tạo và ứng dụng tri thức do giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ nhằm thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Như vậy, công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển - khoa học, công nghệ tồn tại với tư cách là lực lượng sản xuất trực tiếp trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Hơn nữa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện đang tác động mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới, xu hướng chuyển giao công nghệ trở thành đòi hỏi cấp bách với tất cả các nước. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo đà để phát triển tư liệu sản xuất, mà cụ thể khoa học, công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh. Hoạt động khoa học, công nghệ không chỉ là nhiệm vụ của các nhà khoa học, công nghệ, các nhà quản lý khoa học mà là công việc của mọi ngành, mọi cấp, mọi người... Mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều đòi hỏi phải có nội dung khoa học, công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mọi hành động phải xác định cơ sở khoa học của nó, phải điều tra, nghiên cứu, tìm ra quy luật, dự báo sự phát triển, đề xuất các giải pháp phù hợp với quy luật khách quan.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với quá trình phát triển và hoàn thiện tư liệu lao động, trước hết là công cụ lao động và trình độ phát triển của công cụ lao động là dấu hiệu đặc trưng tiêu biểu cho một thời đại sản xuất xã hội nhất định. Do vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy sự phát triển tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động ở mỗi nước được thể hiện cụ thể thông qua hệ thống máy móc, thiết bị khoa học, công nghệ sản xuất phát triển cả về số lượng và chất lượng nhằm nâng cao công suất sử dụng rõ rệt, góp phần làm tăng năng suất lao động. Việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay là động lực cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất bởi đây là bước rút ngắn khoảng cách, là bước nhảy vọt của quá trình phát triển lực lượng sản xuất.

3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ là định hướng, động lực mà còn là điều kiện cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0. Thuật ngữ “điều kiện” có nghĩa là cái làm cho nó từ đó biến đổi và phát triển.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đóng vai trò là điều kiện quan trọng trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0, vì quá trình sản xuất vật chất phải do nhiều thành tố tham gia như: người lao động, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức, tài nguyên thiên nhiên...

Hiện nay, cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với việc ra đời và phát triển các công nghệ mới và các thiết bị mới, mà trước hết là trí tuệ nhân tạo, công nghệ in 3D, công nghệ tự hành, thiết bị đầu cuối *all in one*, internet vạn vật, điện toán đám mây - dữ liệu lớn, các công nghệ sinh học liên kết thế hệ mới, công nghệ vật liệu cao cấp, công nghệ tự động hóa robot thế hệ mới có “trí tuệ”... Nền tảng công nghệ chủ yếu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự tích hợp các công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và trí tuệ nhân tạo. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra những đột phá mới trong việc giải phóng con người khỏi các chức năng thực hiện, chức năng quản lý và sẽ tạo nên những bước nhảy vọt trong việc giải phóng con người khỏi chức năng logic khi các công nghệ có trí tuệ nhân tạo được sử dụng rộng rãi. Nó thực sự biến khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang dần loại con người ra khỏi quá trình sản xuất trực tiếp, biến họ trở thành những chủ thể sáng tạo thực sự, tạo tiền đề vật chất và lực lượng sản xuất mới cho một nền kinh tế mới, đang được gọi bằng nhiều tên khác nhau, đưa nhân loại đến giai đoạn phát triển mới cũng với những tên gọi khác nhau (kinh tế số, kinh tế mềm, kinh tế tri thức, xã hội thông tin, xã hội tri thức...).

Do đó, yêu cầu đặt ra với công nghiệp hóa, hiện đại hóa là phải đáp ứng ngày càng cao nền sản xuất hiện đại. Muốn vậy, đòi hỏi người lao động trong lao động sản xuất phải là người lao động có trình độ trí tuệ cao, khỏe mạnh về thể chất, giàu có về tinh thần. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã nâng cao công cụ lao động, đối tượng lao động, cũng như người lao động, nhờ đó năng suất cao hơn, hiệu quả hơn. Người lao động làm ra của cải vật chất đến đâu thì đồng thời cũng tự nâng cao năng suất sản xuất của mình đến đó. Việc nâng cao năng suất lao động đòi hỏi phải có cơ sở vật chất của nền sản xuất đại công nghiệp. Lịch sử cũng đã khẳng định: dưới chế độ nô lệ, mức năng suất lao động rất thấp, nguyên nhân chủ yếu là sản xuất chỉ dựa vào sức người, sức động vật và công cụ lao động còn thô sơ. Dưới chế độ phong kiến, năng suất lao động xã hội tăng lên chậm chạp, do hệ thống lao động vẫn chủ yếu là thủ công. Đến khi xuất hiện máy móc, năng suất lao động tăng lên gấp nhiều lần.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Bởi tư liệu sản xuất không thể tự ra đời và tự hoạt động, kể cả máy móc tự động cũng đều do người lao động làm ra. Máy móc, công cụ chỉ là những vật phản ánh, chỉ là thước đo tính năng động, trình độ chinh phục tự nhiên của người lao động. Thực tế cho thấy, qua quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã cho phép mỗi dân tộc, mỗi hình thái kinh tế - xã hội phát triển tư liệu sản xuất của mình bằng những thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự tồn tại và phát triển của tư liệu sản xuất đã tạo ra lượng sản phẩm vật chất khổng lồ nhằm đáp ứng nhu cầu tồn tại của con người, từ đó dẫn đến sự tăng trưởng kinh tế - xã hội hết sức mạnh mẽ. Chỉ trong vòng 20 năm (1970-1990) sản xuất của cả trên thế giới đã tăng 2 lần, tức là vượt khối lượng được sản xuất ra trong 230 năm trước (1740-1970). Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện để thúc đẩy tư liệu sản xuất phát triển. Điều này thể hiện trong tốc độ phát triển của khoa học, công nghệ với những chu kỳ thay thế sản phẩm ngày nay chỉ cần từ 1-3 năm, thay cho từ 15-20 năm như trước đây.

Theo Công ty nghiên cứu Rand Europe (Anh), đến năm 2020 ứng dụng của công nghệ internet vạn vật (Internet of Thing - IoT) sẽ đem lại doanh thu tiềm năng khổng lồ cho các ngành trên thế giới vào khoảng từ 1,4 nghìn tỷ USD đến 14,4 nghìn tỷ USD, tương đương với mức GDP của cả Liên minh châu Âu (EU). Theo dự báo của Hãng tư vấn Accenture (Hoa Kỳ), nếu Hoa Kỳ đầu tư nhiều hơn 50% vào công nghệ IoT để mở rộng mạng lưới kết nối thì có thể được hưởng lợi tới 7,1 nghìn tỷ USD, góp phần nâng GDP cao hơn 2,3% vào năm 2030 so với việc đầu tư vào các dự án khác. Trong khi đó, Đức có thể đạt doanh thu 700 tỷ USD và nâng mức GDP lên tới 1,7%; Anh có thể đạt lợi nhuận 531 tỷ USD và nâng GDP lên 1,8%; Trung Quốc có thể đạt 1,8 nghìn tỷ USD và nâng GDP lên 1,3% vào năm 2030 nếu đầu tư tương tự vào IoT như Hoa Kỳ. Như vậy, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại được sử dụng để thúc đẩy tư liệu sản xuất trên thế giới ngày càng phát triển và thời gian các nước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng được rút ngắn hơn.

Trong bối cảnh cách mạng khoa học, công nghệ trên thế giới hiện nay, việc phát triển tư liệu sản xuất thúc đẩy sự gia tăng khoảng cách về năng suất lao động của các nước trên thế giới. Thực tế cho thấy, khi tiến hành khảo sát 14 ngành sản xuất - chủ yếu là trong lĩnh vực công nghiệp - ở 17 quốc gia (bao gồm Hoa Kỳ, 14 nước châu Âu, Hàn Quốc và Ôxtrâyliya) trong những năm 1993-2007, nhóm nghiên cứu cho biết mật độ sử dụng robot trong một giờ làm việc của tất cả các quốc gia này đã tăng lên 150%¹. Cho nên, người lao động trở thành điều kiện chủ yếu của sự phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện làm chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội với việc sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động có trình độ khoa học, công nghệ; phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên

1. <https://khoahocphattrien.vn>.

sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng phát triển thì vòng đời của công nghệ càng ngắn lại, những công nghệ lạc hậu, kém hiệu quả sẽ bị thải loại, bị thay thế bởi những công nghệ hiện đại hơn, có năng suất, hiệu quả cao hơn, giá thành rẻ hơn, gọn nhẹ hơn, sản phẩm sản xuất ra nhiều hơn, giá trị sử dụng cao hơn. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đẩy nhanh quy trình ứng dụng của khoa học, công nghệ nhằm thúc đẩy nền sản xuất phát triển.

Tóm lại, công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm thay đổi trình độ người lao động trong việc sử dụng công cụ lao động và đối tượng lao động để chinh phục giới tự nhiên của ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Trong quá trình sản xuất vật chất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là kết quả của quá trình sản xuất và phân công lao động xã hội. Do vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện của quá trình phát triển lực lượng sản xuất, tạo nên sự biến đổi mọi mặt trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất được biểu hiện cụ thể thông qua các yếu tố của lực lượng sản xuất như người lao động, tư liệu sản xuất, khoa học, công nghệ trong quá trình phát triển của mình.

4. Sự tác động trở lại của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 là mục đích của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trình độ phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trình độ phát triển lực lượng sản xuất thể hiện khả năng của người lao động sử dụng công cụ lao động tác động vào đối tượng lao động nhằm cải biến giới tự nhiên để tạo ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu của mình - đây cũng chính là cơ sở của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với thành quả của cuộc

cách mạng khoa học, công nghệ, người lao động đã chuyển mạnh từ lao động thủ công lên lao động với công cụ kỹ thuật cao, hiện đại. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và mở rộng thị trường thế giới trong thế kỷ XX, sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học, công nghệ và toàn cầu hóa hiện nay đã tạo ra lực lượng sản xuất hiện đại và đồ sộ hơn nhiều và do đó càng làm sáng tỏ nhận thức và đánh giá của C.Mác và Ph.Ăngghen. Sau này, V.I.Lênin khi lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười ở nước Nga, cho rằng chỉ có lực lượng sản xuất hiện đại mới tạo ra năng suất lao động cao. Mà: “Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất cho thắng lợi của chế độ xã hội mới”¹. Quá trình phát triển lực lượng sản xuất chỉ có thể thắng lợi khi tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn. Việc tăng năng suất lao động là một quy luật kinh tế chung cho mọi hình thái kinh tế - xã hội. Sự vận động và biểu hiện của quy luật tăng năng suất lao động trong các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau cũng khác nhau, do trình độ lực lượng sản xuất của mỗi hình thái kinh tế - xã hội khác nhau trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi nước.

Để phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thì con đường tất yếu là phải diễn ra cuộc cách mạng khoa học, công nghệ. Muốn vậy, phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là quá trình phát triển không ngừng ở tất cả các nước dưới những hình thức và mức độ khác nhau. Lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 tác động tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên phương diện quy định mục đích xã hội của sản xuất, tác động đến lợi ích của người sản xuất, từ đó hình thành một hệ thống những yếu tố hoặc thúc đẩy, hoặc kìm hãm sự phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 còn tác động tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa thông qua việc thể hiện tính chất tuần tự trong quá trình thay thế và phát triển các phương thức sản xuất cũng

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sdd*, t. 38, tr. 25.

chính là quy luật chung trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại nhưng với mỗi cộng đồng xã hội nhất định, tùy theo điều kiện khách quan và chủ quan mà có thể có những biểu hiện đa dạng về con đường phát triển của nó: có tính chất đan xen giữa các phương thức sản xuất trong một thời kỳ phát triển hoặc có những bước bỏ qua một hoặc một vài phương thức sản xuất nào đó (với tư cách là phương thức sản xuất có tính chất phổ biến, giữ vai trò chủ đạo) và tiến thẳng lên phương thức sản xuất cao hơn. Đó chính là sự biểu hiện tính thống nhất trong tính đa dạng về con đường phát triển của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở mỗi nước khác nhau, tạo nên tính chất phong phú của lịch sử nhân loại. Chính các nhà kinh điển C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin cũng đã khẳng định trong các tác phẩm của mình về vị trí, tầm quan trọng của lực lượng sản xuất. Đặc biệt đã nhấn mạnh vai trò của nhân tố người lao động trong lực lượng sản xuất là nhân tố hàng đầu cho sự vận động và phát triển của lịch sử nhân loại. V.I.Lênin đã chỉ rõ: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động”¹.

Hơn nữa, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 với trình độ khoa học, công nghệ cao là vấn đề bức thiết để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững và phát triển kinh tế tri thức. Khi công nghiệp vẫn chủ yếu là khai thác tài nguyên, gia công, lắp ráp, công nghiệp chế tạo, chế biến còn phát triển chậm thì định hướng đúng đắn trong phát triển khoa học, công nghệ là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm hiện đại hóa đất nước để phát triển công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, phát huy năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, nhất là các máy điều khiển kỹ thuật số, hệ thống tự động hóa.

Quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa thông qua quá trình tích hợp của hàng loạt công nghệ mới như trí tuệ

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t. 36, tr. 430.

nhân tạo, internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây... Điều này có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc xóa bỏ dần các giới hạn truyền thống về khan hiếm nguồn lực, làm thay đổi không gian kinh tế - xã hội theo hướng hòa trộn giữa không gian vật lý và không gian số.

Lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 tác động tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới góc độ tư liệu sản xuất và lực lượng lao động. Tư liệu sản xuất chính sẽ chuyển từ chủ yếu là vật chất sang phi vật chất, trong đó, hệ thống mô phỏng tích hợp các loại công nghệ, môi trường số, kết nối vạn vật và không gian mạng sẽ trở thành công cụ sản xuất chủ yếu. Dữ liệu, thông tin sẽ trở thành nguyên liệu có giá trị nhất, có sức mạnh nhất và có thể được sử dụng không hạn chế về quy mô, không gian và thời gian. Lao động trí tuệ, lao động đa kỹ năng sẽ ngày càng trở thành lực lượng lao động chi phối. Trí tuệ nhân tạo, người máy sẽ thay thế con người trong rất nhiều lĩnh vực, làm cho năng lực và tiềm năng phát triển được mở rộng không giới hạn.

Như vậy, quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 chính là để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*

* *

Từ sự trình bày, phân tích những lý luận chung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lực lượng sản xuất, sự phát triển của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 có thể đi đến kết luận:

Một là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình đổi mới và góp phần nâng cao nền sản xuất xã hội, tăng năng suất lao động, tăng sức chế ngự của con người đối với thiên nhiên, tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định tình hình kinh tế,

chính trị, xã hội; nâng cao năng lực quản lý, khả năng tích lũy và phát triển sản xuất, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, giúp cho sự phát triển tự do toàn diện của con người trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học, công nghệ phát triển nhanh đạt trình độ tiên tiến hiện đại; tăng cường lực lượng vật chất - kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh; bảo đảm đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước ngày càng được cải thiện. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến tất cả các khâu của nền kinh tế, bao gồm sản xuất và tiêu dùng, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển sang kinh tế tri thức. Đối với các nhà sản xuất, sự du nhập của các công nghệ tiên tiến giúp tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, tăng hiệu quả sản xuất, thúc đẩy sáng tạo và phát triển của nền công nghiệp trong dài hạn. Chi phí vận chuyển và liên lạc giảm, dây chuyền cung cấp hiệu quả hơn, chi phí thương mại được giảm thiểu. Đây cũng chính là cơ sở, định hướng, điều kiện phát triển của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0.

Hai là, lực lượng sản xuất dùng để chỉ tổng thể các yếu tố cấu thành nội dung vật chất, kỹ thuật, công nghệ,... của quá trình sản xuất, tạo thành năng lực thực tiễn cải biến giới tự nhiên của con người. Với nghĩa như vậy, lực lượng sản xuất cũng đóng vai trò phản ánh căn bản trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người. Các yếu tố tạo thành lực lượng sản xuất gồm có: tư liệu sản xuất (trong đó, công cụ sản xuất là yếu tố phản ánh rõ ràng nhất trình độ chinh phục tự nhiên của con người) và người lao động (trong đó năng lực sáng tạo là yếu tố đặc biệt quan trọng). Trong hai nhóm yếu tố nói trên, người lao động là nhân tố quan trọng nhất (bởi vì, tư liệu sản xuất có nguồn gốc từ lao động của con người và được sử dụng bởi con người). Trong quá trình phát triển của nhân loại, phát triển lực lượng sản xuất thể hiện trình độ của lực lượng sản xuất trong việc chinh phục tự nhiên của con người trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trình độ của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thể hiện khả năng của người lao động thông qua việc

sử dụng công cụ lao động thực hiện quá trình cải biến giới tự nhiên nhằm bảo đảm sự tồn tại, phát triển của mình.

Ba là, vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển của lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 có thể thấy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng, động lực, điều kiện của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng được đẩy mạnh thì các yếu tố của lực lượng sản xuất càng phát triển và làm cho lực lượng sản xuất thay đổi về lượng và chất từ đó chuyển sang một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Qua đó, sức mạnh chinh phục, cải tạo tự nhiên của người lao động ngày càng trở nên mạnh mẽ và có hiệu quả hơn. Quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ có những đặc trưng riêng, chúng tồn tại trong mối quan hệ khăng khít với nhau. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng, động lực, điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Bên cạnh đó, lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tác động trở lại đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển của xã hội.

Chương II
**CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
VÀ THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI
QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT
TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**I. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

1. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đường lối công nghiệp hóa đất nước đã được hình thành từ Đại hội III (tháng 9/1960) của Đảng. Quá trình công nghiệp hóa của nước ta diễn ra trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế luôn diễn biến phức tạp và không thuận chiều. Thực hiện công nghiệp hóa được 4 năm (1960-1964) thì đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Đất nước phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa xây dựng kinh tế, miền Nam tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Khi đất nước vừa thống nhất (năm 1975), cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội được vài năm thì lại xảy ra chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc, đồng thời nước ta bị Mỹ cấm vận trong một thời gian dài từ năm 1954 đến năm 1994. Như vậy, trước thời kỳ đổi mới, nước ta có khoảng 25 năm tiến hành công nghiệp hóa: công nghiệp hóa ở miền Bắc (1960-1975) và công nghiệp hóa trên phạm vi cả nước (1975-1986). Giai đoạn này, Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp nặng được xác định là ngành mũi nhọn, then chốt trong quá trình công nghiệp hóa. Do đó, nó chưa thật sự dựa trên điều kiện, hoàn cảnh của đất nước.

Nhìn chung, công nghiệp hóa giai đoạn 1960-1986 của nước ta theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng. Chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa, chủ lực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước...

Từ năm 1986 đến nay, Đảng ta với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”... đã chỉ ra những hạn chế của công nghiệp hóa trước đây và đưa ra nhận thức mới phù hợp với thực tiễn và thế giới. Đại hội VI của Đảng đã cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Như vậy, đường lối chiến lược coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là không đổi, nhưng thay vì dồn sức, tập trung trực diện vào thực hiện công nghiệp hóa như trước đây, Đảng quan tâm nhiều hơn và trước tiên đến khâu tạo dựng tiền đề, cơ sở của công nghiệp hóa. Đây là sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng về công nghiệp hóa. Là điểm khởi đầu hết sức quan trọng cho quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa ở Việt Nam. Có thể khẳng định, Đảng ta luôn luôn đổi mới nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam rõ ràng và sát thực tế hơn.

Trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến năm 2016, với 30 năm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Việt Nam đã có những bước chuyển biến trong nhận thức của Đảng qua các kỳ đại hội Đảng, bắt đầu từ Đại hội VI với việc đổi mới toàn bộ tư duy của Đảng. Đảng tập trung vào nội dung: “*xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*”¹. Đó là tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 47, tr. 376.

hàng xuất khẩu. Đảng ta nhận thức về “ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng”¹.

Đại hội VII của Đảng vẫn tiếp tục thực hiện những nội dung của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đã đề ra song có sự phát triển nhận thức cụ thể hơn: “Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu”². Đồng thời, Đại hội VII cũng đánh dấu bước tiến trong tư duy lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng đã chuyển từ quan niệm công nghiệp hóa truyền thống sang quan niệm “công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại”.

Chính vì thế, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta xác định: “phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại... là nhiệm vụ trung tâm”³. Trên cơ sở đó, đến Đại hội VIII Đảng ta đề ra mục tiêu và sáu quan điểm lớn chỉ đạo quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nội dung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa được bổ sung đầy đủ, hiện đại hơn, tiếp tục nhấn mạnh về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn: thực hiện thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ khí hóa, sinh học hóa,... Phát triển công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, hàng điện tử, thông tin; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, du lịch, dịch vụ⁴.

Tại Đại hội IX, Đảng làm rõ hơn nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa: đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn, tạo ra nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn; đẩy nhanh điện khí hóa, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng vùng sản xuất tập trung

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 47, tr. 384.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 63.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 9.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 86-90.

lượng thực, thực phẩm, chăn nuôi có giá trị cao; tăng hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu,...¹. Đồng thời, tại Đại hội IX Đảng ta cũng đề ra Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.

Tại Đại hội X và XI, Đảng đã đưa ra nhiều nội dung cụ thể để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, Đảng xác định phải gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh; phát huy tiềm năng và lợi thế so sánh của đất nước; kết hợp vai trò của thị trường với vai trò của Nhà nước; phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực, bên trong, bên ngoài và đặc biệt là nguồn lực của nhân dân².

Đến Đại hội XII, Đảng nhận thức được trong thời gian qua, Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa là đúng đắn, có tính tất yếu khách quan và còn là một đòi hỏi bức thiết. Song: “Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được”³. Bởi vì Việt Nam xuất phát từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hơn nữa, trình độ sản xuất, năng suất lao động còn rất thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém, trình độ, năng lực của người lao động yếu, công nghệ, trang thiết bị, cơ cấu kinh tế còn lạc hậu, sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lao động giản đơn....

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 91-93.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, *Sdd*, tr. 112.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 60.

Cho nên, Việt Nam muốn đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹ thì phải phấn đấu thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên cơ sở đó, Đảng xác định “Phấn đấu để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”².

Phát triển đất nước thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại gắn liền với quá trình chuyển đất nước từ trình độ nền kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) sang trình độ nền kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, từ nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh công nghiệp. Công nghiệp hóa luôn gắn với hiện đại hóa, phù hợp với trình độ phát triển của thời đại. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra hiện nay, thì khoa học, công nghệ phát triển với tốc độ mạnh mẽ đã có ảnh hưởng trực tiếp tới tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, việc thực hiện công nghiệp hóa luôn phải hướng tới trình độ hiện đại, nghĩa là phải hướng tới các yêu cầu của nền kinh tế tri thức và nền văn minh trí tuệ. Đó cũng là hàm ý của yêu cầu phát triển đất nước thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Công nghiệp hóa luôn có sự thay đổi cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, của khoa học, công nghệ, Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay phải dựa trên nền kinh tế tri thức. Cho nên Đảng ta cũng xác định: công nghiệp hóa, hiện đại hóa được bao hàm cả về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, được sử dụng bằng các phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại cùng với kỹ thuật và công nghệ cao. Như vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta không bó hẹp trong phạm vi trình độ lực lượng sản xuất đơn thuần, kỹ thuật đơn thuần để chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí; mà công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được thực hiện đồng thời trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 25.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 21.

Từ trước đến nay, Đảng, Nhà nước ta mới chỉ đưa ra những định hướng mang tính chung chung..., chứ lộ trình, bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn chưa được xác định rõ. Vì vậy, tại Đại hội lần thứ XII, Đảng ta đã có sự bổ sung về việc phân chia các bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách phù hợp. Theo đó: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiến hành qua ba bước: tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 5 năm tới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”¹.

Sự phân chia này giúp cho Đảng ta nhận thức rõ hơn nước ta đang ở giai đoạn nào của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, xác định mục tiêu, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, nội dung, biện pháp, phương thức công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp, khả thi trong từng giai đoạn. Việc phân chia này cũng là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ; giải quyết mối quan hệ giữa công nghiệp hóa và đô thị hóa, giữa phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

Tóm lại, trong quá trình đổi mới, có thể rút ra lý luận về công nghiệp hóa của Đảng ta có ba bước chuyển đổi quan trọng: *Thứ nhất*, từ phê phán sai lầm của mô hình công nghiệp hóa cổ điển thời kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp và nhận diện bối cảnh mới, Đảng ta tiến hành đổi mới có tính “cục bộ” về lý luận công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1986-1993); *Thứ hai*, hình thành hệ thống lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1994-2000); *Thứ ba*, phát triển lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế mới - nhiều nước trên thế giới chuyển động mạnh từ nền kinh tế công nghiệp lên kinh tế tri thức. Với các bước chuyển này, Đảng ta đã nhận thức rõ, khẳng định và làm sâu sắc thêm sự cần thiết phải tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng hệ thống quan điểm làm cơ sở định hướng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 90.

tiến trình theo mục tiêu đã lựa chọn; xác định đúng những nội dung cơ bản, cụ thể hóa trong ngắn hạn và các điều kiện, tiền đề cần thiết cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới. Nhờ đó, việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện công cuộc đổi mới đã thu được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới của khoa học, công nghệ, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng, điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước đã có nhiều biến đổi nên việc phát triển lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn cần tiếp tục làm sáng rõ, đáp ứng những yêu cầu thay đổi để phù hợp thực tiễn đất nước.

2. Mục tiêu, tiêu chí, nội dung, đặc điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay

2.1. Mục tiêu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam ngày càng được điều chỉnh cho sát với thực tiễn qua các kỳ Đại hội Đảng. Đại hội VI, Đảng ta nêu *“mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”*¹. Đến Đại hội VIII của Đảng (năm 1996), Đảng ta đã đề ra: “Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”². Tại Đại hội IX của Đảng (năm 2001), mục tiêu này được diễn đạt là: *“đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 47, tr. 376.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sđd, tr. 80.

một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”¹. Đại hội X của Đảng (năm 2006), một lần nữa xác định: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”². Đại hội XI tiếp tục khẳng định “...*tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”³.

Tại Đại hội Đảng lần thứ XII, Đảng khẳng định mục tiêu của nước ta: “phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”⁴, tức là Đảng ta không đặt ra lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa bằng một mốc thời gian cụ thể như các đại hội trước. Sở dĩ, tại Đại hội XII, Đảng đưa ra mục tiêu trên vì: trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta hiện nay còn khá thấp, nếu xét cả quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về cơ bản, nước ta mới đang thực hiện những nhiệm vụ để tiến tới kết thúc giai đoạn đầu của quá trình này (giai đoạn mở đầu) và có những mặt đang triển khai thực hiện một số nội dung của giai đoạn thứ hai (giai đoạn đẩy mạnh).

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn nêu rõ: “Phải sớm xây dựng chiến lược tiếp cận và chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 khẳng định: Việt Nam phải “tận dụng hiệu quả lợi thế của nước đi sau trong công nghiệp hóa, để có cách tiếp cận, “đi tắt, đón đầu” một cách hợp lý trong phát triển các ngành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sdd, tr. 24.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 186.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 33.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr. 21.

công nghiệp”. Qua đó có thể thấy, các quan điểm, chủ trương, đường lối nêu trên của Đảng ta là rất quan trọng. Theo đó, ngày 04/5/2017, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại cơ hội lớn cho các nước đang phát triển nói chung, trong đó có Việt Nam. Bởi vì, cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra sự thay đổi mang tính toàn diện, từ cấu trúc thị trường, đến cách thức sản xuất, tiêu dùng và quản lý nhà nước. Đây là cơ hội để Việt Nam nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh của các ngành truyền thống cũng như việc tiếp cận thị trường thế giới trên nền tảng số/internet để tăng trưởng nhanh với giá trị gia tăng cao và bền vững. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang và sẽ mang lại cơ hội cho nền kinh tế số, sản xuất và dịch vụ thông minh; các loại hình kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng, logistic, robotics... thông minh hóa. Cách mạng công nghiệp 4.0 còn giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, quản lý mang lại lợi ích to lớn cho Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Do vậy, mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là xây dựng cơ sở vật chất kỹ - thuật của chủ nghĩa xã hội dựa trên một nền khoa học và công nghệ tiên tiến, tạo ra lực lượng sản xuất mới với quan hệ sản xuất ngày càng tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống vật chất, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để từng bước thực hiện thành công mục tiêu lâu dài trên, mục tiêu tổng quát của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định tại Đại hội lần thứ VIII và tiếp tục khẳng định tại Đại hội lần thứ IX và lần thứ X là: sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển... Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Việc xây dựng Việt Nam thành nước công nghiệp theo hướng

hiện đại trong đó lao động công nghiệp trở thành phổ biến trong các ngành và các lĩnh vực của nền kinh tế. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế cả về GDP, cả về lực lượng lao động đều vượt trội hơn so với nông nghiệp.

Tóm lại, trải qua hơn 30 năm tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa song nước ta đến nay vẫn chưa thể rút ngắn được, cho nên việc xác định mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa giúp nước ta đánh giá được sự tác động và tính hiệu quả của nó đến tổng thể nền kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở xác định mục tiêu phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần đẩy mạnh giám sát việc tổ chức thực hiện, kịp thời điều chỉnh để đạt được mục tiêu. Đó là cơ sở để Việt Nam có thể tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững.

2.2. Tiêu chí Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Hiện nay, ở nước ta chưa có một bộ tiêu chí để đánh giá và làm thước đo mục tiêu “nước công nghiệp”, “cơ bản trở thành nước công nghiệp” và đặc biệt là “nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Vì thế, xây dựng hệ tiêu chí “nước công nghiệp theo hướng hiện đại” là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Bởi lẽ, tiêu chí là thước đo khoa học để đánh giá kết quả đã đạt được một cách cụ thể, rõ ràng, khắc phục tình trạng chủ quan, duy ý chí và là cơ sở để xác định mức độ tiếp cận hay hoàn thành, phát hiện những bất cập, hạn chế, từ đó định hướng và đề ra các mục tiêu, giải pháp thực hiện trong bước đi, giai đoạn kế tiếp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa trở thành xu thế khách quan; khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ đang tác động trực tiếp đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, thì việc thực hiện công nghiệp hóa luôn đòi hỏi phải hướng tới trình độ hiện đại, theo yêu cầu của kinh tế tri thức và phát triển bền vững; đồng thời, phải tăng cường xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã tiếp cận có chọn lọc tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại của một số nước trên thế giới; song đây chỉ là chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta giai đoạn 2016-2020 theo các tiêu chí định hướng sau:

Một là, tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế (GDP bình quân đầu người, tỷ trọng gia tăng công nghiệp chế tạo, tỷ trọng nông nghiệp, tỷ lệ đô thị hóa, điện bình quân đầu người): Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5-7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200-3.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32-34% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30-35%. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1-1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38-40%¹.

Hai là, tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về mặt xã hội (chỉ số phát triển con người (HDI), tuổi thọ bình quân, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, số bác sĩ trên 1 vạn dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo,...). Tiêu chí định tính này được lượng hóa thành các chỉ tiêu cụ thể về phát triển xã hội giai đoạn 2016-2020: Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65-70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Có 9-10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0-1,5% năm².

Bên cạnh đó, là tiêu chí phản ánh về môi trường (tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, độ che phủ rừng, tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính). Lượng hóa tiêu chí này bằng các chỉ tiêu về môi trường trong giai đoạn 2016-2020 là: Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90%

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 272-273.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 272-273.

dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95-100% chất thải y tế được xử lý. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%¹.

Vậy, xét cả về định tính và định lượng, việc xác định hệ tiêu chí trên là phù hợp. Bởi vì: *Thứ nhất*, hệ tiêu chí đã phản ánh được trình độ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2016-2020. Đó là giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức đang diễn ra trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. *Thứ hai*, hệ tiêu chí này phản ánh được các vấn đề kinh tế, xã hội cốt lõi là chỉ số phát triển con người và môi trường sinh thái. Các chỉ tiêu trong từng nhóm tiêu chí trên, có đủ tính đại diện và cơ bản là phù hợp với các mục tiêu, định hướng ưu tiên của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và giai đoạn 2016-2020 của Việt Nam, cũng như xu thế phát triển bền vững trên thế giới hiện nay.

2.3. Những nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta luôn được Đảng ta phát triển qua các kỳ đại hội Đảng, đặc biệt là từ Đại hội VI đến nay (Đại hội XII). Qua các kỳ đại hội, Đảng ta đã có sự thay đổi quan trọng về nhận thức, lý luận, tạo ra những bước ngoặt cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Song, nội dung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta luôn được Đảng nhất quán với những nội dung cơ bản sau:

Một là, phát triển khoa học, công nghệ hiện đại. Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ một nền sản xuất nông nghiệp nhỏ, lạc hậu, công cụ, trang thiết bị chủ yếu là thủ công, đơn sơ, tính năng, hiệu quả, năng suất thấp, nền kinh tế chủ yếu dựa vào lao động giản đơn. Do vậy, phải đổi mới, hiện đại hóa máy móc, trang

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 272-273.

thiết bị, công nghệ sản xuất, đưa công nghệ hiện đại, công nghệ cao từng bước thay thế công nghệ lạc hậu, lỗi thời, thay lao động giản đơn bằng lao động có trình độ khoa học, công nghệ trong từng lĩnh vực, từng ngành, từng khâu sản xuất - kinh doanh gắn với việc áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đó vừa là nội dung, là yêu cầu và cũng là đặc điểm, cách thức tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta trong quá trình hội nhập để tiến vào nền kinh tế tri thức của thế giới. Muốn vậy phải lựa chọn những lĩnh vực mà Việt Nam có thể phát huy các thế mạnh để đầu tư. Văn kiện của Đại hội XII đặc biệt chú trọng vai trò của khoa học, công nghệ, coi khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”¹. Trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ cần chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... Từ đó tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Hai là, xây dựng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả. Nền kinh tế Việt Nam về cơ bản vẫn là nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu có năng suất, hiệu quả lao động thấp. Do đó, cần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nâng cao năng suất, hiệu quả lao động và hàm lượng tri thức khoa học, giá trị gia tăng của sản phẩm. Đảng ta cũng khẳng định: “Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 119-120.

mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”¹. Bên cạnh chủ trương tăng trưởng chủ yếu dựa vào xuất khẩu và đầu tư, Đại hội XII đã đưa ra chủ trương phát triển thị trường trong nước nhằm phát huy vai trò của nội lực đồng thời thu hút có hiệu quả nguồn lực bên ngoài. Đảng ta xác định, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế cần chú trọng với việc phát triển theo ngành, lãnh thổ và cơ sở hạ tầng. Hiện nay, các ngành nghề này luôn nhận được sự quan tâm của người lao động trong quá trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

- Phát triển công nghiệp, xây dựng: tập trung khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế tác, công nghệ phần mềm và công nghệ hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động, phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế; khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại. Thu hút vốn trong và ngoài nước để thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu, hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo.

- Phát triển nhanh du lịch, các ngành dịch vụ. Sự phát triển của ngành du lịch, một mặt cho phép khai thác các tiềm năng du lịch, tăng thu nhập, tạo việc làm cho dân cư.... Mặt khác, sự phát triển của ngành du lịch còn góp phần mở rộng giao lưu, phát triển kinh tế đối ngoại, mở cửa nền kinh tế. Bởi vậy, phát triển nhanh ngành du lịch, dịch vụ được coi là một nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

- Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng cùng nhau phát triển. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan tỏa đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn các vùng kinh tế đang còn nhiều khó

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr. 90.

khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Nam, Tây Bắc...

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, mở cửa nền kinh tế là cần thiết với tất cả các nước. Do đó, việc mở cửa, hội nhập để đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và là trọng điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay.

Ba là, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật là hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật có chức năng trực tiếp phục vụ việc phát triển kinh tế và đời sống xã hội, được phân thành từng lĩnh vực như: hệ thống giao thông vận tải, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp, thoát nước... Đối với Việt Nam, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật vốn đã thiếu thốn, lại bị tàn phá nặng nề qua các cuộc chiến tranh nên phải đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây vừa là nội dung, mục tiêu, vừa là điều kiện, động lực và phương thức tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Trang thiết bị, máy móc, công nghệ hiện đại thì cần người lao động phải có tri thức khoa học, công nghệ, có khả năng tiếp nhận, làm chủ và phát triển công nghệ hiện đại, công nghệ cao mới điều khiển, làm chủ được máy móc. Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò then chốt, quyết định đến sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy vậy, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế, và quản trị doanh nghiệp còn nhiều bất cập, số giám đốc doanh nghiệp tốt nghiệp đại học trở lên chiếm tỷ lệ thấp,... chưa đáp ứng yêu cầu chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế¹.

1. Ban Kinh tế trung ương: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 408.

Năm là, hoàn thiện công tác tổ chức quản lý sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng cần được chú trọng việc hoàn thiện công tác tổ chức quản lý sản xuất bảo đảm phù hợp với công nghệ hiện đại, với trình độ của người lao động, để nâng cao hiệu quả của sản xuất - kinh doanh nhằm bảo đảm việc sản xuất được tiến hành hiệu quả và phát huy hết vai trò của kỹ thuật, công nghệ. Với sự phát triển của khoa học, công nghệ, công tác tổ chức quản lý sản xuất ngày càng hiện đại, tinh gọn, linh động và đạt hiệu quả cao, được ứng dụng nhằm hoàn thiện công tác tổ chức quản lý sản xuất, quản lý xã hội.

Để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bên cạnh việc phải thực hiện các mục tiêu, chiến lược còn phải xác định những đặc điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa để từ đó đề ra những cách thức, giải pháp tiến hành phù hợp, hiệu quả. Đặc điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam được hình thành từ những điều kiện cụ thể, đặc thù của Việt Nam.

2.4. Những đặc điểm chủ yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay

Trong thời đại ngày nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được coi là con đường phát triển tất yếu, hợp quy luật của tất cả các nước đang phát triển. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam có nhiều nét đặc thù cả về nội dung, hình thức, quy mô, cách thức tiến hành và mục tiêu chiến lược. Những nét đặc thù này được thể hiện khái quát ở một số điểm sau đây:

Một là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam được rút ngắn thời gian thực hiện do áp dụng những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0. Mặc dù công nghiệp hóa không đồng nhất với hiện đại hóa nhưng công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa để kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học, công nghệ thế giới. Từ đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành định hướng phát triển

của đất nước, và nó diễn ra ở các tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,...; đồng thời có sự kết hợp giữa các bước đi tuần tự và các bước đi nhảy vọt; kết hợp giữa phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu; kết hợp giữa biến đổi về lượng và biến đổi về chất... của các tác nhân tham gia.

Việt Nam cần rút ngắn và gắn liền công nghiệp hóa với hiện đại hóa để áp dụng đồng thời những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0. Có như vậy, Việt Nam mới có thể từng bước hiện đại hóa nền kinh tế, đồng thời khai thác được các nguồn lực và lợi thế của đất nước. Cụ thể hơn, Việt Nam cần biết kết hợp giữa nhảy vọt thủ công lên hiện đại, với bước đi tuần tự từ thủ công, nửa cơ khí, tự động hóa... đồng thời phát huy tính ưu việt, hiện đại hóa nền công nghệ truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ở nước ta, việc tiếp nhận chuyển giao và phát triển công nghệ để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là hết sức cần thiết song quan trọng hơn là phải có cơ chế, chính sách hợp lý để việc chuyển giao công nghệ vừa đạt được mục tiêu khai thác và sử dụng có hiệu quả kinh tế, vừa bảo vệ môi trường sinh thái. Có như vậy, Việt Nam mới có được công nghệ mới, hiện đại có hàm lượng chất xám cao, công nghệ sạch kết hợp được các mục tiêu kinh tế và sinh thái.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần được thực hiện thông qua nhiều bước hay nhiều giai đoạn. Vì vậy, tại Đại hội XII, Đảng ta đã có sự bổ sung về việc phân chia các bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách phù hợp. Theo đó, “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiến hành qua ba bước: tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 5 năm tới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,...”¹.

Hai là, khoa học, công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Sđd, tr. 83.

trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 khi khoa học, công nghệ phát triển như vũ bão, những phát minh khoa học mới nảy sinh được tính từng giây và nhanh chóng được đi vào nghiên cứu, ứng dụng và chuyển hóa thành công nghệ, thành sản phẩm, dịch vụ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, vòng đời công nghệ ngày càng ngắn. Chính điều đó yêu cầu Việt Nam cần tập trung các nguồn lực để hiện đại hóa công nghệ, phát triển công nghệ cao nhằm bắt kịp trình độ phát triển của các nước tiên tiến trong khu vực, tránh nguy cơ tụt hậu ngày càng xa.

Với thực tế hiện nay của Việt Nam là cơ sở vật chất, kỹ thuật, trình độ công nghệ còn thiếu, lực lượng lao động trẻ, dồi dào, nhưng trình độ thấp, chủ yếu là lao động giản đơn. Việt Nam phải tận dụng những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển khoa học, công nghệ nhằm nâng cao trình độ của người lao động, phải hiện đại hóa công nghệ, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực chất là sự cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội ngày càng cao. Gắn khoa học, công nghệ với sản xuất và đời sống chính là mấu chốt bảo đảm sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học, công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam không thể chờ thực hiện xong công nghiệp hóa rồi mới tiến hành hiện đại hóa, mà phải thực hiện đồng thời và đồng bộ công nghiệp hóa và hiện đại hóa như một quá trình thống nhất. Do đó, khoa học, công nghệ là động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình khó khăn, phức tạp của sự phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa không những từ một nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu, lại đang lúng túng, thiếu một chiến lược phát triển rõ ràng, có cơ sở khoa học vững chắc. Hoạt động sản xuất nông nghiệp thời gian qua còn mang khá nhiều tính tự phát, chạy theo

phong trào. Trong lĩnh vực nông nghiệp, còn thiếu quy hoạch dài hạn để tạo ra những vùng nguyên liệu, thiếu các ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ đi kèm; đất đai phân tán, manh mún, thiếu quỹ đất với quy mô lớn để thu hút các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta lại chịu hậu quả của chiến tranh, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, thiếu thốn về cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị máy móc hiện đại, mà quan trọng hơn là trình độ khoa học, công nghệ, trình độ quản lý nói chung còn rất thấp chưa đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên càng khó khăn, phức tạp. Cho nên, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta vừa phải tập trung phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, vừa tập trung phát triển công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa công nghiệp thành ngành kinh tế quan trọng, là mục tiêu, là điều kiện để phát triển toàn diện nền kinh tế - xã hội của đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản. Trước đây, Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, kế hoạch hóa thì giờ đây, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thực hiện theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Cơ chế thị trường tạo ra cơ hội và điều kiện thuận lợi cho con người tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội đa dạng, cho sự dịch chuyển cơ cấu lao động, tạo cho con người có thể chủ động lựa chọn lao động và việc làm... Nói một cách khái quát, cơ chế thị trường có tác dụng làm chủ thể của công nghiệp hóa, hiện đại hóa năng động, biết tính toán và luôn đề cao tính hiệu quả. Tuy nhiên, cơ chế thị trường cũng có nhiều hạn chế của nó mà nếu không được chủ động khắc phục, điều tiết thì công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ không đạt được mục tiêu ổn định xã hội và bền vững của môi trường. Thực tế, khách quan này đòi hỏi phải có sự quản lý của Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và các chính sách kinh tế - xã hội. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải hướng vào việc ưu tiên phát triển sự tăng trưởng và phát triển của

các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế... có khả năng đem lại tích lũy nhanh, lớn và hiệu quả kinh tế cao để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, bảo đảm an ninh quốc gia và sự phát triển bền vững.

Bốn là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Sự phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ hiện đại ngày nay đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất xã hội. Nếu trước đây công nghiệp hóa, hiện đại hóa tập trung khai thác tài nguyên thiên nhiên thì bây giờ công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại hướng vào việc khai thác nguồn lực người lao động, đặc biệt là tiềm năng trí tuệ của người lao động làm yếu tố cơ bản. Mặt khác, công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ đơn thuần là đạt được mục tiêu tăng trưởng phát triển nhanh, bền vững về lượng mà còn cả về chất, trước hết là phúc lợi nhân dân. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay đòi hỏi phải tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao trình độ và khoa học, công nghệ của người lao động và của toàn xã hội, coi đó là nguồn lực quan trọng nhất, là lợi thế để Việt Nam hội nhập, đi tắt, đón đầu, nhanh chóng hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Năm là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam phải gắn với việc phát triển kinh tế tri thức. Bởi vì, Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế thế giới đã chuyển sang kinh tế tri thức. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam phải nắm bắt các tri thức và công nghệ mới nhất của thời đại để hiện đại hóa nông nghiệp và các ngành kinh tế hiện có, đồng thời phát triển nhanh các ngành công nghiệp và dịch vụ dựa vào tri thức, vào khoa học, công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành kinh tế tri thức. Đảng ta cũng khẳng định: “Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của

nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại¹.

2.5. Nhiệm vụ của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay

Để công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta thành công thì cần tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục thực hiện tốt chủ trương và có chính sách phù hợp để xây dựng, phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng hàm lượng khoa học, công nghệ, tập trung vào những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh, cạnh tranh, có ý nghĩa chiến lược và khả năng tham gia sâu, hiệu quả vào mạng sản xuất, phân phối toàn cầu. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và sản xuất vật liệu mới; từng bước phát triển công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường và công nghiệp văn hóa.

Hai là, đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại gắn với việc phát huy vai trò của công nghệ truyền thống nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao. Công nghiệp hóa phải gắn với hiện đại hóa, nhưng cũng phải phát huy những tiềm năng vốn có về lực lượng lao động dồi dào, hạ tầng cơ sở của công nghệ truyền thống để phát triển sản xuất, tích lũy vốn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của xã hội. Đó chính là việc kết hợp giữa phát triển nhảy vọt từ nền sản xuất thủ công lên hiện đại hóa với việc phát triển tuần tự từ thủ công lên cơ khí, tự động hóa, hiện đại hóa. Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sdd, tr. 87-88.

sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu; phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế. Phát triển mạnh kinh tế biển, nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế ven biển.

Ba là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển trên quy mô toàn bộ nền kinh tế, vùng và liên vùng, gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ nên chúng ta cần mở cửa nền kinh tế để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tiếp nhận chuyển giao khoa học, công nghệ, tận dụng hết thế mạnh về lực lượng lao động dồi dào nhằm phát triển lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, mở cửa, hội nhập sẽ dễ bị lệ thuộc vào đầu tư nước ngoài, lệ thuộc về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, tăng nợ công. Bởi vậy, chúng ta phải phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng; đổi mới cơ chế, chính sách, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Tư tưởng, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải từng bước được thể chế hóa thành pháp luật, cơ chế, chính sách.

Bốn là, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh, điều đó có nghĩa là nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng bị khai thác cạn kiệt; cùng với đó là tình trạng ô nhiễm môi trường, sự biến đổi khí hậu, sự gia tăng về dân số, về rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt làm cho môi trường bị xâm hại, ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội và đời sống người dân. Do vậy, cần phải giải quyết những vấn đề nan giải về môi trường, về biến đổi khí hậu,...

Ưu tiên và đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm là hạ tầng giao thông đồng bộ, có trọng điểm, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn và giữa các trục giao thông đầu mối; hạ tầng ngành điện bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt,

đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Chú trọng phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ nano, công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, thay thế nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới, gọn nhẹ, ít phụ thuộc vào tự nhiên, nhưng có hàm lượng tri thức, giá trị gia tăng cao. Đồng thời phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển ổn định đời sống xã hội.

Tóm lại, để tránh khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và đưa nước ta mau chóng đạt tới trình độ của một nước phát triển, Việt Nam tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với tư cách là “một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội”. Từ những vấn đề lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung, trên cơ sở những đặc điểm mang tính đặc thù của Việt Nam đã cho chúng ta thấy rõ nội dung, mục tiêu, nguyên tắc, phương thức, nhiệm vụ tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách phù hợp, hiệu quả theo từng thời kỳ của quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam.

3. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam năm 1986 đến năm 2019

3.1. Những thành tựu đạt được trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2019

Kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao. Trong suốt hơn 30 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng cao. Với tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân hàng năm khoảng 7% trong giai đoạn 1986-2020, dự báo, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2021-2025. GDP bình quân đầu người năm 2018 đạt 2.540 USD, Việt Nam được đánh giá là một trong hai quốc gia được các tổ chức quốc tế đánh giá có thành tích xóa đói giảm nghèo tốt nhất thế giới, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02%. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58% năm 1992 xuống còn 7,8% năm 2014, đến năm 2018 theo chuẩn nghèo mới

thì Việt Nam có tới gần 5,35% hộ nghèo. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng lên 41% trong vòng 30 năm gần đây (1986-2016), Việt Nam hiện đang thuộc nhóm trung bình cao, chỉ số HDI năm 2019 là 0,63¹, Việt Nam xếp thứ 118 trong tổng số 189 nước. Cơ cấu lao động xã hội đã chuyển dịch theo hướng tích cực, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, phục vụ tốt hơn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng lao động của các ngành công nghiệp và dịch vụ tăng. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng tương đối nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Việc phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao có nhiều tiến bộ, tạo những tiền đề để bước đầu chuyển sang xây dựng kinh tế tri thức. Nhìn chung, tiềm lực kinh tế của đất nước đã được tăng cường đáng kể, chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được giữ vững. Hội nhập quốc tế ngày càng được đẩy mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu trên hầu hết các lĩnh vực, uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trong các tổ chức quốc tế và trên các diễn đàn toàn cầu, khu vực và trong quan hệ đa phương và song phương với các quốc gia mà Việt Nam là thành viên tích cực, chủ động và có trách nhiệm, v.v.².

Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng khá. GDP theo giá hiện hành năm 2018 đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần quy mô GDP năm 2011. GDP bình quân đầu người năm 2018 ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Lực lượng sản xuất có nhiều tiến bộ cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng tăng trưởng có mặt được cải thiện, trình độ công nghệ sản xuất có bước được nâng lên. Lao động đã qua đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng, chất lượng và đạt thấp so với mục tiêu đến năm 2015 và 2020. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm. Năng suất lao động mặc dù đã được

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Sdd, tr. 80, 85.

2. Theo Báo cáo phát triển con người năm 2019 do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố, ngày 09/12/2019.

cải thiện nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Những đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp TFP (TFP là chỉ tiêu đo lường năng suất của đồng thời cả “lao động” và “vốn” trong một hoạt động cụ thể hay cho cả nền kinh tế, TFP phản ánh sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, qua đó sự gia tăng đầu ra không chỉ phụ thuộc vào tăng thêm về số lượng của đầu vào (phương thức truyền thống) mà còn tùy thuộc vào chất lượng các yếu tố đầu vào là lao động và vốn) trong giai đoạn 2011-2015 đã đạt 28,94%. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát¹.

Cơ cấu kinh tế của Việt Nam đã bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm khu vực nông nghiệp, tăng khu vực dịch vụ và công nghiệp. Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu.

Cơ cấu lao động có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có cải thiện đáng kể. Kim ngạch xuất khẩu thường xuyên tăng với tốc độ hai con số, giai đoạn 2011-2015 tăng đến 18%/năm. Xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng sản phẩm công nghiệp và giảm dần tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp, giảm dần sản phẩm nguyên liệu thô. Các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành để làm động lực cho phát triển kinh tế vùng, miền và cả nước; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển, đồng thời hình thành các vùng chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi gắn với chế biến công nghiệp².

Về việc khai thác, sử dụng tài nguyên quốc gia và bảo vệ môi trường gắn với yêu cầu phát triển bền vững đã được quan tâm và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Sdd, tr. 98.

2. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 235.

đem lại kết quả bước đầu. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thông tin, viễn thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị, giáo dục, y tế. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, đã tạo những tiền đề để bước đầu chuyển sang xây dựng kinh tế tri thức. Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn đã đặt ra yêu cầu phát triển hệ thống thủy lợi nhằm cung cấp hệ thống tưới tiêu cho ngành nông nghiệp trong quá trình phát triển cơ sở hạ tầng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất của nước ta hiện nay. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy việc mở rộng hệ thống hạ tầng sản xuất đã góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất của Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, với hệ thống viễn thông được xác định là kết cấu hạ tầng sản xuất quan trọng trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của nước ta hiện nay đã có nhiều đột phá quan trọng. Tuy nhiên, điện năng có thời điểm chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất trong các trung tâm công nghiệp. Chi phí cho điện năng và viễn thông còn cao.

Về cơ cấu kinh tế theo các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Ngành công nghiệp và xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá liên tục, tốc độ triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ được cải thiện. Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và chất lượng, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo đảm cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; chú trọng đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao.

Khu vực nông nghiệp phát triển khá ổn định; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn có sự chuyển biến quan trọng, từ chỗ cả nước còn thiếu lương thực nay đã trở thành nước xuất khẩu gạo với khối lượng lớn, đứng thứ ba thế giới, góp phần vào an ninh lương thực quốc tế; xuất khẩu cà phê, cao su, hạt điều, hạt tiêu, thủy sản với khối lượng lớn đứng thứ hạng cao trên thế giới.

Các ngành dịch vụ đã phát triển đa dạng hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và đời sống. Ngành du lịch, bưu chính viễn thông phát triển với tốc độ nhanh; các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn pháp lý có bước phát triển theo hướng tiến bộ, hiệu quả.

Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu. Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế. Tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 và hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Cho đến nay đã có 69 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam¹.

Về hệ thống pháp luật, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đang tích cực được hoàn thiện, bộ máy quản lý nhà nước đã và đang được điều chỉnh theo hướng tinh giản, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế cũng được nhận thức lại đúng đắn hơn, đổi mới cả trong nhận thức và thực hiện phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Hiến pháp năm 2013 và hàng loạt bộ luật, luật để thể chế hóa Hiến pháp 2013 cơ bản đã tạo cơ sở pháp lý hình thành và thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Qua hơn 30 năm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam đã dần hình thành đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, vận hành cơ bản thông suốt, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Thị trường hàng hóa, dịch vụ đã có bước phát triển và hoàn thiện về quy mô, cơ cấu hàng hóa - thị trường trong và ngoài nước, kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ, cơ chế quản lý, mức độ cạnh tranh.

3.2. Một số hạn chế của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2019

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay vẫn còn những hạn chế như: *tăng trưởng kinh tế nước ta những năm gần đây*

1. Xem <https://baodautu.vn>, đăng ngày 05/02/2018.

cũng phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức. Kinh tế phát triển chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng kinh tế và sản xuất công nghiệp thấp so với tiềm năng. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, vào các ngành công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Yêu cầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng rút ngắn đứng trước nhiều thách thức. Bên cạnh đó, nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực đang hiện hữu. Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực về phát triển kinh tế, song đến nay thu nhập bình quân đầu người của nước ta vẫn còn thấp, còn chênh lệch khá lớn so với các nước trong khu vực. Nhiều mục tiêu, nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đề ra trong giai đoạn đầu không thực hiện được.

Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh nền kinh tế yếu, năng suất lao động nước ta còn có khoảng cách lớn so với nhiều nước và chậm cải thiện. Trình độ công nghệ còn lạc hậu; tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm, không đều và chưa đạt yêu cầu phát triển; phần lớn sản xuất công nghiệp là hoạt động gia công, lắp ráp, chủ yếu sử dụng máy móc, thiết bị và nguyên liệu nhập khẩu; các ngành, các lĩnh vực các sản phẩm có hàm lượng tri thức và công nghệ cao chiếm tỷ lệ thấp, tốc độ tăng chậm.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã chứng lại. Nhiều mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu của nước ta theo các nghị quyết của Đảng chưa đạt được, nhất là sự dịch chuyển về cơ cấu ngành. Các ngành dịch vụ sử dụng tri thức, khoa học, công nghệ phát triển còn chậm. Tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế của nước ta còn khoảng cách lớn để đạt đến mức là một nước có nền kinh tế phát triển. Việc định hướng phát triển các ngành công nghiệp mang tính xương sống, chủ lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia còn yếu nên tác động không nhỏ tới thị trường lao động.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng người lao động ở nước ta trong thời gian qua cũng đang bộc lộ một số vấn đề. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp tuy

có giảm nhưng vẫn còn cao so với nhiều nước trong khu vực. Chất lượng người lao động của nước ta chậm được cải thiện. Tỷ trọng lao động qua đào tạo còn thấp, lao động thiếu việc làm và không việc làm còn nhiều. Lao động trong nông nghiệp là chủ yếu, chiếm 60%. Năng suất lao động của Việt Nam thấp so với khu vực và thế giới.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, còn lạc hậu, thiếu tính kết nối. Hệ thống giao thông còn thiếu các tuyến nối đến các cảng biển lớn, cửa khẩu quốc tế; sự kết nối của giao thông vận tải đường bộ với các hệ thống giao thông khác còn rất thấp. Hạ tầng đô thị kém chất lượng và quá tải. Kết cấu hạ tầng nông thôn phát triển chậm, chưa đồng đều. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ hạ tầng còn yếu, hiệu quả thấp. Về hạ tầng năng lượng, công tác thăm dò, tìm kiếm, đánh giá tài nguyên năng lượng chưa được đầu tư đầy đủ; các công trình khai thác, chuyển hóa năng lượng đầu tư kéo dài, chậm đi vào khai thác ảnh hưởng không nhỏ tới cân bằng năng lượng quốc gia. Đối với hạ tầng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực và chăm lo sức khỏe còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đô thị, nông thôn còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch tổng thể cũng như quy hoạch cấp vùng. Sự liên kết kinh tế, giữa đô thị và nông thôn, công nghiệp và dịch vụ với nông nghiệp trong không gian vùng không có định hướng rõ ràng. Trong nhiều trường hợp, đô thị hóa nông thôn được thực hiện bằng các quyết định hành chính chứ không phải xuất phát từ hiện trạng phát triển. Hệ quả là nhiều hộ nông dân giàu lên một cách nhanh chóng do bán đất, hoặc được đền bù từ thu hồi đất, nhưng khả năng sinh kế lâu dài bị mất đi do không còn đất để sản xuất nông nghiệp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã không có sự gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, thực hiện quy hoạch, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển theo chiều rộng đã dẫn đến hiện tượng khai thác bừa bãi và sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, gây nên suy thoái môi trường và làm

mất cân đối các hệ sinh thái. Còn có tình trạng phá vỡ các quy hoạch chuyên ngành, gây mất cân đối về cung cầu sản phẩm, về cung ứng nguồn nhân lực và phá vỡ sự liên kết giữa các vùng và địa phương. Trong vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã coi nhẹ thậm chí buông lỏng công tác quy hoạch, kế hoạch. Các tiêu chí, chỉ tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa cụ thể nên công tác quy hoạch cũng không đưa vào các chỉ tiêu pháp lệnh làm căn cứ triển khai thực hiện. Sự phối hợp trong quản lý công nghiệp giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành còn hạn chế do có sự chồng chéo, phân tán quá nhiều đầu mối.

Công tác cảnh báo môi trường, việc ứng phó với biến đổi khí hậu mặc dù đã có nhiều cải thiện, song so với diễn biến thực tế còn có nhiều hạn chế. Nhiều vấn đề xã hội và môi trường đặt ra như môi trường đô thị, khu công nghiệp và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Việc phát triển công nghiệp và đô thị hóa gây ô nhiễm nghiêm trọng đến tài nguyên, môi trường ở các vùng nông thôn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân ở nông thôn. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đất đai, không khí ngày càng tăng, nhất là các vùng ven đô thị và khu công nghiệp. Sản xuất, chăn nuôi và một số ngành nghề chế biến phát triển thiếu kiểm soát đã gây ra tình trạng ô nhiễm ở nhiều nơi tại khu vực nông thôn, đặc biệt nghiêm trọng ở các làng nghề sản xuất thép, làm gạch, đồ gốm, thuộc da, chế biến nông sản,... gây thiệt hại nghiêm trọng cho các nghề trồng rau, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản và cả sức khỏe con người. Tình trạng sản xuất thâm canh, sử dụng quá nhiều phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích sinh trưởng và tạo nhiều chất thải của các vùng chăn nuôi tập trung, nuôi thủy sản tập trung, các vùng chuyên canh các cây trồng thâm canh như bông, nho, rau,... đang làm ô nhiễm môi trường, tạo ra dư lượng các chất độc hại trong nông sản thực phẩm, làm tăng khả năng chống chịu và đột biến của sâu bệnh. Môi trường nước, không khí ô nhiễm nặng nề, hệ thống giao thông kết cấu hạ tầng phục vụ dân sinh ở những vùng khai thác tài nguyên bị phá hủy

ng nghiêm trọng. Việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên còn lỏng lẻo và gây lãng phí nghiêm trọng. Hiện vẫn còn không ít những vấn đề xã hội và văn hóa rất bức xúc ở nông thôn và đô thị nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa chưa được giải quyết tốt¹. Nếu so sánh với các nước trong khu vực có thể thấy, bất bình đẳng thu nhập của nước ta đang gia tăng nhưng với tốc độ chậm hơn so với nhiều nước. Song, hiện tại còn kém xa so với yêu cầu phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Ở nước ta, Hệ số bền vững môi trường (ESI) được quy định là một trong các chỉ tiêu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, nhưng đến nay chỉ tiêu này vẫn chưa được các cơ quan có trách nhiệm tính toán. Thực tế là nước ta đang đứng trước thách thức gay gắt về môi trường trong việc bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững.

Hàm lượng khoa học, công nghệ trong sản xuất thấp. Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và công nghệ thấp vẫn chiếm hơn 70% giá trị gia tăng công nghiệp chế biến trong khi mức bình quân thế giới là khoảng 18%. Sản phẩm chế biến công nghệ cao chỉ xấp xỉ 5% trong tổng giá trị xuất khẩu chứ chưa phải là nơi chế biến có giá trị gia tăng cao. So với những năm đầu đổi mới, trình độ công nghệ của công nghiệp Việt Nam đã có nhiều tiến bộ, song so với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như trình độ phát triển của khu vực và thế giới thì Việt Nam vẫn còn khoảng cách phát triển công nghệ khá xa.

Công nghiệp sử dụng công nghệ cao có xu hướng phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm 46% giá trị sản lượng công nghiệp, tức là cứ 2 sản phẩm công nghiệp thì có 1 sản phẩm là do khu vực FDI tạo ra. Khu vực FDI hiện nay đang chiếm tỷ trọng cao trong một số ngành công nghiệp như điện tử, lọc - hóa dầu, ô tô,... Xu hướng “FDI hóa” công nghiệp còn thể hiện qua xuất khẩu sản phẩm công nghiệp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Sđd, tr. 87.

Về việc quản lý khoa học, công nghệ, kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội còn chậm đổi mới; chưa có chính sách, biện pháp tốt để huy động các nguồn lực và để sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ; thiếu cơ chế gắn kết nghiên cứu khoa học, công nghệ với đào tạo nhân lực, nhất là ở bậc đại học và với hoạt động sản xuất - kinh doanh; chưa có sự phát huy tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội. Thị trường khoa học, công nghệ chậm được hình thành, hiệu quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh. Trình độ công nghệ còn lạc hậu, chưa đồng bộ và sử dụng kém hiệu quả.

Nhìn chung, qua hơn 30 năm tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần đổi mới thì các quan điểm, định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta đã trải qua nhiều thời kỳ phát triển và bổ sung qua các kỳ Đại hội Đảng, song tính cụ thể trong các mục tiêu, yêu cầu chưa cao; trong một số giai đoạn còn lúng túng trong việc xác định mô hình và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa được hoàn thiện kịp thời để bảo đảm sự phù hợp với các thay đổi trong quá trình phát triển của đất nước cũng như diễn biến của tình hình kinh tế khu vực và thế giới.

Theo giới phân tích, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, nhất là trong các lĩnh vực: công nghệ gốc, công nghệ nguồn, nhân lực chất lượng cao; chính sách và hạ tầng kỹ thuật số; quyền lực mềm, biên giới mềm, an ninh không gian mạng, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia...

Về công nghệ, do trình độ công nghệ của Việt Nam ở mức vừa phải và không đồng đều, nên khi tiếp cận với cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ rất khó khăn. Tuy nhiên, đây cũng lại là thuận lợi, vì chúng ta không phải chi phí quá tốn kém để phá hủy cái cũ thay thế cái mới.

Trong lĩnh vực sản xuất, xu hướng robot thông minh thay thế con người đang ngày càng trở nên phổ biến hơn. Thể hiện rõ nhất

ở các công việc có những thao tác đơn giản khi robot đóng vai trò ngày càng lớn. Trong tương lai, con người có thể còn không được làm những công việc đơn giản khi mà robot làm tốt và chính xác hơn. Công nghệ năng lượng, vật liệu mới, in 3D sẽ ảnh hưởng lớn đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên, khi thế giới không còn phụ thuộc quá nhiều vào các hoạt động như khai thác, quặng, than, dầu khí... Những lao động thủ công trong các ngành dệt, may, lắp ráp, nông nghiệp truyền thống sẽ chịu tác động lớn nhất từ cuộc cách mạng lần này.

Theo dự báo, 20 năm tới, sẽ có từ 70-75% những công việc đơn giản, thủ công bị thay thế, khiến hàng chục triệu lao động truyền thống bị thất nghiệp, đòi hỏi Nhà nước ta cần có sự chủ động ứng phó và kiểm soát tốt nhất để bảo đảm đời sống cho người dân và chủ quyền của đất nước¹.

Ông Justin Wood, Giám đốc khu vực châu Á của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) nhận định, Việt Nam là nền kinh tế rất nổi bật với dân số gần 100 triệu người có nhân khẩu học rất tích cực, tầng lớp trung lưu phát triển rất nhanh. Do đó, cơ hội để hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế số nói riêng cũng như các lĩnh vực khác nói chung là rất lớn.

3.3. Bài học kinh nghiệm của Việt Nam khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong hơn 30 năm (1986-2019)

Một là, trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, ngay từ đầu Đảng ta xác định lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm. Việc chủ động, sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam... đã thể hiện trước hết và trên hết ở lĩnh vực kinh tế, mà trọng điểm là xây dựng nền kinh tế thị trường vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng đặc điểm của

1. Xem *baodansinh.vn*, đăng ngày 31/12/2018.

Việt Nam, vừa tương thích với nền kinh tế thế giới đang trong quá trình toàn cầu hóa ngày càng rộng hơn, sâu hơn.

Hai là, xác định rõ mục tiêu, định hướng và nội dung công nghiệp hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và trên cơ sở thế mạnh, lợi thế địa chính trị của Việt Nam. Cần phát huy lợi thế kinh tế biển trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cần phải đặc biệt chú trọng. Thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp để tăng năng suất lao động; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để gia tăng chất lượng sản phẩm, bảo đảm tiêu chuẩn quốc tế.

Ba là, quán triệt quan điểm “dân là gốc”, thể hiện ở nội dung yêu cầu là phát huy vai trò làm chủ, sức sáng tạo, tinh thần đoàn kết, dân chủ hóa, nhằm phát huy mọi nguồn lực của Nhân dân phải được thể hiện trên các tiêu chí hiệu quả tổng hợp, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... thông qua đa dạng hóa các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế, loại hình sản xuất kinh doanh, phân phối và quản lý; dân chủ về kinh tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi thể chế kinh tế với nhiều tác động bất thường của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đang ở giai đoạn bắt đầu phục hồi nhưng chưa vững chắc gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta. Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước ta cần thường xuyên sơ kết và tổng kết từng giai đoạn để kịp thời đề ra giải pháp thích hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên từng lĩnh vực, ngành, địa phương và cả nước.

Năm là, việc phát triển các tiền đề của công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần phải được tiến hành bài bản, đồng bộ; kiên định với việc thực hiện những nhiệm vụ được xác định là trọng tâm, then chốt. Đồng thời, phải nâng cao hiệu quả của công tác xây dựng và thực hiện phát triển quy hoạch, kế hoạch; coi trọng vai trò và ý nghĩa của việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chủ trương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sáu là, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần phải kiên định độc lập, tự chủ về kinh tế, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên lĩnh vực kinh tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực trong đó chú trọng lĩnh vực kinh tế; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ điều hành vĩ mô, - năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành nhà nước kết hợp với sự tham gia của cả hệ thống chính trị bảo đảm cho nền kinh tế nước nhà phát triển nhanh và bền vững.

Tóm lại, nhìn lại hơn 30 năm qua, trong bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; trong nước những thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, chúng ta đã đạt được “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử” cả trên lĩnh vực kinh tế cũng khẳng định đổi mới là sự lựa chọn chính xác và chứng minh đường lối đổi mới nói chung và đổi mới kinh tế nói riêng của Đảng ta là đúng đắn, khoa học, sáng tạo. Sự vấp vấp, hạn chế trên con đường phát triển càng chứng tỏ đổi mới là một sự nghiệp khó khăn, lâu dài, phức tạp, đòi hỏi phải chủ động, kiên định và không ngừng sáng tạo, phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, đúc rút những kinh nghiệm thành lý luận để điều chỉnh, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng “để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, thực hiện mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

II. THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có vai trò tác động to lớn đến sự phát triển xã hội nói chung, cũng như sự phát triển lực lượng sản xuất nói riêng. Trong đó, sự tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, chủ yếu tác động đến hai yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất, đó là yếu tố người lao động và yếu tố tư liệu sản xuất. Vì thế, cuốn sách sẽ tập trung phân tích sự tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa tới hai yếu tố trên.

1. Thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới yếu tố người lao động của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đặt ra yêu cầu đối với người lao động trong việc dùng thể lực, trình độ và kỹ năng lao động của mình tác động vào máy móc, công nghệ hiện đại để làm tăng năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất. Từ đó, hình thành nên những tầng lớp người lao động có trình độ, kỹ thuật cao. Họ không phải hao tốn nhiều sức lực lao động của mình trong quá trình sản xuất mà dùng trình độ chuyên môn và kỹ năng lao động để điều khiển những thiết bị hiện đại. Đó là những tầng lớp công nhân “cổ cồn”, có trình độ khoa học, công nghệ cao. Ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đã làm thay đổi yếu tố người lao động.

Nguồn lực người lao động của nước ta đã không ngừng phát triển, theo Niên giám thống kê 1995-1997 của Tổng cục Thống kê, dân số nước ta từ 59.872.000 người (năm 1986) lên 76.709.000 người (năm 1997), dân số của Việt Nam là 97.650.242 người tính đến ngày 26/9/2019 (theo số liệu từ Liên hợp quốc). Dân số Việt Nam hiện chiếm 1,27% dân số thế giới. Việt Nam đang đứng thứ 14 trên

thế giới trong bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ¹. Hằng năm trung bình có khoảng 1,5-1,6 triệu người lao động là thanh niên bước vào tuổi lao động. Trong đó, số người trong độ tuổi từ 20 đến 39 tuổi có khoảng 30 triệu người, chiếm 35% tổng dân số và chiếm 61% lực lượng lao động. Với lực lượng người lao động trẻ, dồi dào đã tạo lợi thế để nước ta tiến hành phát triển các ngành công nghiệp và tham gia xuất khẩu lao động. Lực lượng người lao động ở nước ta đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng (tỷ lệ lao động trẻ rất cao, chiếm khoảng 45%). Do quy mô dân số đông và lực lượng lao động dồi dào, đây vốn được coi là một thế mạnh của nước ta, là yếu tố cơ bản để mở rộng và phát triển sản xuất. Tất nhiên, để khai thác được lợi thế này, đòi hỏi phải có rất nhiều điều kiện tương ứng.

Trong nền sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay cũng đã và đang đặt ra những vấn đề về sức khỏe thể lực và tâm lý của người lao động. Về thể lực và tâm vóc của người lao động Việt Nam trong thời gian qua cũng đã được cải thiện và từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, so với các nước trên thế giới và trong khu vực (Nhật Bản, Thái Lan, Xingapo, Trung Quốc,...) với các chỉ số về nhân trắc, các chỉ số về sức khỏe, thể lực, nhất là thần kinh, tâm lý... thì người lao động nước ta nói chung đều thấp hơn về các chỉ số trên. Điều này gây khó khăn khi người lao động tham gia vào quá trình sử dụng, vận hành các máy móc, thiết bị hiện đại, kích cỡ lớn, hoặc làm việc trong môi trường không thuận lợi (trên cao, dưới lòng đất...), hay với cường độ lao động cao, điều kiện lao động nặng nhọc, áp lực tâm lý lớn... Sở dĩ người lao động của nước ta có thể lực, sức khỏe, tâm lý kém là do điều kiện ăn uống, sinh hoạt còn nghèo nàn, chưa được đầy đủ về dinh dưỡng nên sức khỏe không được bảo đảm, kiến thức, kỹ năng, nhận thức tâm lý, sinh lý trong việc nuôi dạy, chăm sóc thể hệ trẻ đang còn thấp.

1. <https://danso.org/viet-nam>.

Chính vì thế, việc phát triển thể lực của người lao động Việt Nam cần phải tính đến yếu tố chất lượng sinh sản và yếu tố bồi dưỡng thể lực, sức khỏe, tâm lý, thần kinh cho người lao động trong tương lai. Vì vậy, Đảng, Nhà nước cũng đã ban hành nhiều bộ luật, chủ trương, chính sách về phát triển xã hội, phát triển y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, tiền lương,... nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động nước ta, chẳng hạn như Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tuy nhiên, những chủ trương, chính sách trên vẫn chưa được giải quyết một cách cơ bản và triệt để. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang đặt ra vấn đề cần phải chú trọng vào cải thiện mức sống và chất lượng cuộc sống, đặc biệt là chế độ chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, tâm lý, thể lực của người lao động.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đã đặt ra yêu cầu với người lao động nước ta trong việc định hình những phẩm chất nghề nghiệp để tăng năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng và cải thiện khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập. Phẩm chất nghề nghiệp của cá nhân người lao động và của cả đội ngũ lao động của quốc gia có mối quan hệ mật thiết với nhau và bổ sung cho nhau. Bên cạnh mặt thể lực, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao để làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp với những công nghệ và dây chuyền hiện đại, điều khiển tự động, công nghệ tinh vi, đòi hỏi sự tỉ mỉ và tính kiên nhẫn cao. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đặt ra yêu cầu đối với người lao động là phải có năng lực chuyên môn kỹ thuật, nhất là về kỹ năng nghề nghiệp. Đây là phẩm chất về chất lượng cực kỳ quan trọng của người lao động. Điều này được phản ánh ở tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung (cao đẳng, đại học, sau đại học và dạy nghề) và qua đào tạo nghề theo các cấp trình độ; chỉ số về năng lực

cạnh tranh của lao động; chỉ số đánh giá chất lượng lao động... Các chỉ số nói trên càng cao sẽ tỷ lệ thuận với phẩm chất này của người lao động. Nhưng thực tế cho thấy, tỷ lệ lao động tham gia vào thị trường lao động chính thức còn thấp. Chất lượng và cơ cấu lao động vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển và hội nhập. Chất lượng lao động cũng đã từng bước được nâng lên và đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Lao động qua đào tạo nghề hiện nay đạt 30%. Lực lượng lao động kỹ thuật của Việt Nam đã làm chủ được khoa học, công nghệ, đảm nhận được hầu hết các vị trí công việc phức tạp trong sản xuất kinh doanh mà trước đây phải thuê chuyên gia nước ngoài. Tuy nhiên, chất lượng của người lao động nước ta còn thấp, là một trong những “điểm nghẽn” cản trở công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay ở nước ta thì đa phần người lao động là lao động phổ thông - đa phần là lao động làm các công việc như: sơ chế và chế biến thực phẩm nông lâm thủy hải sản; gia công những sản phẩm may mặc, còn lực lượng lao động chất lượng cao có rất ít. Sở dĩ có thực trạng trên là do người lao động nước ta hiện nay trình độ nhìn chung còn thấp, việc chăm sóc, nhận thức, hiểu biết khoa học về cách giáo dục, rèn luyện sức khỏe, rèn luyện đạo đức, tác phong nghề nghiệp của người lao động trẻ còn hạn chế.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy sự chuyển dịch lao động của nước ta hiện nay. Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách mạnh mẽ, làm cho năng suất lao động ở nông thôn vẫn không ngừng nâng lên. Một phần quan trọng lao động đã được đào tạo với các hình thức khác nhau trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hoặc đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

Vì thế, có thể nói, thách thức lớn nhất mà của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với Việt Nam là phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng cao mà không thể thay thế bằng bằng máy móc tự động hay robot và yêu cầu đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực của Việt Nam có tính cấp thiết.

Tuy nhiên so với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, lực lượng lao động Việt Nam hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, vẫn còn tình trạng thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi lao động. Tình trạng vừa thừa, vừa thiếu lao động đang cùng tồn tại trong nền kinh tế. Đồng thời sự chênh lệch về trình độ lao động và phân bố lao động giữa các vùng là quá lớn, điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước.

Nguồn lao động của nước ta chất lượng thấp, cộng với sự khó khăn của nền kinh tế nên số người thất nghiệp gia tăng. Đối với các lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao thì lực lượng lao động đã qua đào tạo cũng phải đào tạo lại nên các doanh nghiệp FDI không tuyển được đủ công nhân và cán bộ có trình độ thích hợp. Việc đô thị hóa diễn ra nhanh cũng làm cho việc chuyển đổi lao động bậc thấp trở nên khó khăn khi chuyển đổi ngành nghề. Điều này làm cho các doanh nghiệp FDI khi vào Việt Nam họ lại chọn kiểu nhà máy có công nghệ thấp, sử dụng lao động giá rẻ. Đó là cách làm gây thiệt hại tới việc phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam.

Lực lượng người lao động có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp khá đã được thu hút và phát huy hiệu quả lao động cao ở một số ngành, lĩnh vực như: bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, sản xuất ô tô, xe máy, đóng tàu, công nghiệp năng lượng, y tế, giáo dục,... và xuất khẩu lao động. Người Việt Nam được đánh giá là có nhiều tư chất thông minh và sáng tạo, nhạy bén trong tiếp thu và tiếp cận tri thức. Đây là điểm nổi trội của nguồn nhân lực nước ta.

Đảng, Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân, tư bản phát triển nên đã huy động được một lực lượng không nhỏ nguồn lực người lao động là doanh nhân của Việt Nam ngày càng tăng về số lượng và cải thiện về kiến thức, kỹ năng kinh doanh, từng bước tiếp cận trình độ quốc tế. Song trong quá trình phát triển của mình, người lao động nước ta vốn chịu ảnh hưởng của nền nông nghiệp tiểu nông lúa nước nên yếu điểm cơ bản hiện nay là tỷ lệ lao động qua đào tạo, nhất là đào tạo nghề còn thấp, chỉ bằng

1/3 các nước và các nền công nghiệp mới như Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Xingapo... Trong số lao động qua đào tạo, nhất là qua đào tạo nghề, chỉ 1/3 là được đào tạo dài hạn và có trình độ cao.

Nhìn chung, người lao động nước ta về kỹ năng và tay nghề còn yếu, đặc biệt là so với tiêu chuẩn nghề của khu vực và thế giới, dẫn đến thiếu nghiêm trọng lực lượng lao động có kỹ thuật trình độ cao, các nhà quản lý và chuyên gia giỏi; mất cân đối nghiêm trọng trong cơ cấu đào tạo. Vì vậy, trong việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tiếp tục chú trọng phát triển toàn diện yếu tố người lao động trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của nước ta hiện nay.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, không chỉ yêu cầu người lao động phải có thể lực tốt, trình độ chuyên môn cao, kỹ năng lao động chuyên nghiệp mà còn yêu cầu về văn hóa nghề nghiệp của người lao động, bao gồm thái độ, suy nghĩ, cách thức hành vi của người lao động hướng tới những giá trị nhân bản (về đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, về thái độ, tác phong trong lao động, về ý thức chấp hành luật pháp, kỷ luật lao động...) trong hoạt động nghề nghiệp. Người lao động phải không ngừng được hoàn thiện những giá trị, chuẩn mực này để điều chỉnh hành vi của mình trong thực hiện công việc, hay một nghề nghiệp nhất định. Người lao động phải có văn hóa nghề nghiệp thì họ mới trở thành những người có trách nhiệm và có ý thức tự giác. Văn hóa nghề nghiệp phải được kết tinh thành yếu tố bên trong, thành bản chất của người lao động.

Văn hóa nghề nghiệp của người lao động Việt Nam thể hiện qua việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay. Trong quá trình phát triển của mình, người lao động Việt Nam có truyền thống là thông minh, khéo léo, cần cù, sáng tạo và linh hoạt, có tấm lòng nhân ái, tình yêu và say mê nghề nghiệp với tư duy, nếp nghĩ “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”, “một nghề cho chín hơn chín mươi nghề”, làm việc có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp. Đó là truyền thống quý báu được người lao động nước ta gìn giữ và phát huy.

Tuy nhiên, công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc chuyển sang nền kinh tế thị trường và nền sản xuất công nghiệp hiện đại, lao động nước ta cũng bộc lộ những nhược điểm rất cơ bản. Bởi vì, nước ta do xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp chuyển sang nền sản xuất hàng hóa và công nghiệp hiện đại, người lao động còn bị ảnh hưởng nặng nề tư tưởng, thói quen của nền sản xuất tiểu nông manh mún, ham lợi trước mắt mà thiếu tính toán hiệu quả kinh tế, lãng phí...; tác phong công nghiệp chưa trở thành phổ biến, nên tính tự do, ý thức chấp hành luật pháp, kỷ luật trong lao động còn yếu...; khả năng làm việc theo nhóm, làm việc trong môi trường đa văn hóa, đa sắc tộc... còn rất hạn chế, đặc biệt là những rào cản về văn hóa, về ngôn ngữ khi có yếu tố lao động nước ngoài hoặc làm việc ở nước ngoài. Có thể nói, văn hóa nghề nghiệp của người lao động nước ta trong một nền công nghiệp hiện đại chưa hình thành. Do đó phẩm chất nghề nghiệp này của người lao động cần phải xây dựng ngay trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay.

Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nên người lao động phải có năng lực thích ứng và năng động trong công việc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước đã đặt ra yêu cầu cần phải phát triển người lao động, điều này thể hiện trong sự định hướng đúng về nghề nghiệp. Việc đào tạo nghề nghiệp của người lao động nước ta cần xem xét để phù hợp với tư chất, sở thích, năng lực bản thân, với hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của thị trường lao động; phải có ý thức và ý chí quyết tâm trong học tập, phải học tập suốt đời; có kỹ năng nắm bắt nhanh nhạy thông tin thị trường; kỹ năng trả lời phỏng vấn, đàm phán, thỏa thuận; khả năng sẵn sàng di chuyển, thay đổi việc làm trên thị trường lao động; khả năng ứng phó với các cú sốc, các rủi ro trong kinh tế thị trường, nhất là do doanh nghiệp phá sản, khủng hoảng kinh tế, cải cách thể chế... dẫn đến bị sa thải, bị thiếu việc làm và thất nghiệp. Trong những năm qua, phẩm chất này của lao động Việt Nam có xu hướng tốt lên, nhất là ở nhóm lao động trẻ và lao động

qua đào tạo, đặc biệt là được đào tạo ở trình độ cao, song nhìn chung vẫn còn hạn chế. Đặc biệt là rất thụ động và thiên lệch trong định hướng nghề nghiệp; thiếu nhanh nhạy trong nắm bắt và tiếp cận thông tin thị trường; yếu kém về kỹ năng phỏng vấn, đàm phán và thỏa thuận; tính năng động, cơ động trong di chuyển và thay đổi việc làm không cao; khá thụ động trong ứng phó với các rủi ro xảy ra.

Tóm lại, công nghiệp hóa, hiện đại hóa mang ý nghĩa quyết định đến quá trình phát triển người lao động của lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ sở, mục tiêu, yếu tố quyết định đến sự phát triển của người lao động.

2. Thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới tư liệu sản xuất của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Cùng với sự tác động đến yếu tố người lao động, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến yếu tố tư liệu sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tạo động lực thúc đẩy tư liệu sản xuất phát triển bằng sự thay thế các công cụ, phương tiện, máy móc hiện đại, tự động hóa, đó là quá trình phát triển không ngừng ở tất cả các nước dưới những hình thức và mức độ khác nhau. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm thay đổi quá trình sản xuất, làm cho quy trình sản xuất được rút ngắn thời gian hơn, năng suất cao hơn, chất lượng và mẫu mã sản phẩm tốt hơn. Sở dĩ như vậy là do, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới quá trình phát triển tư liệu sản xuất thể hiện trong quá trình người lao động tác động vào tư liệu lao động mà trước hết là đối tượng lao động, công cụ lao động và kết cấu hạ tầng sản xuất để sản xuất ra của cải vật chất. Chính công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm chuyển biến tư liệu sản xuất trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất.

2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới đối tượng lao động

Đối tượng lao động gồm hai loại: loại có sẵn, ví dụ như các loại khoáng sản trong lòng đất, thủy, hải sản ở sông, biển, đất đá

ở núi, gỗ trong rừng nguyên thủy...; loại đã qua cải biến của bàn tay, trí tuệ, kỹ năng lao động của người lao động. Đối với loại thứ hai, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh thì càng phát triển đối tượng lao động.

Hiện nay, đối tượng lao động ở dạng có sẵn như: Tài nguyên nước phong phú, với tổng lưu lượng nước 328 tỷ m³/năm, trong đó lớn nhất là vùng đồng bằng sông Hồng. Nguồn thủy năng có trữ lượng 270 tỷ kwh, trong đó trữ lượng kinh tế 50-60 tỷ kwh, tương ứng với 12-15 triệu kw công suất lắp máy, nguồn thủy năng này là cơ sở để phát triển công nghiệp điện lực. Tiềm năng về dầu khí với trữ lượng tiềm năng khoảng 10 tỷ tấn, trữ lượng khai thác dự kiến 4-5 tỷ tấn dầu quy đổi, phân bố tại các bể trầm tích trải dài từ Bắc đến Nam. Tiềm năng trữ lượng than Việt Nam có thể đạt 220 tỷ tấn, trong đó có khoảng 10 tỷ tấn thuộc bể than Đông Bắc. Tổng diện tích rừng của Việt Nam trên 12 triệu ha, tỷ lệ che phủ 35%, phân bố nhiều nhất ở Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Bắc Bộ. Nước ta với diện tích tự nhiên khoảng 331.698km², bờ biển dài hơn 3.260km, được xếp ở quy mô trung bình, đứng thứ 59 trong tổng số 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đồng thời, với diện tích vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên 1 triệu km², Việt Nam thực sự là một quốc gia biển với nhiều loại hình tài nguyên đa dạng và phong phú, nhất là nguồn lợi thủy sản, tiềm năng vị thế phát triển giao thông, cảng biển, du lịch... Với vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế, vị trí địa - chính trị quan trọng trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam nằm trên điểm giao lưu, hội tụ của các tuyến giao thông thương mại quan trọng của thế giới (tuyến giao thông Bắc - Nam, Đông - Tây và Đông Bắc Á - Tây Nam Á)¹. Đối với tài nguyên thiên nhiên, nước ta được đánh giá là quốc gia có số lượng chủng loại tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú, trong đó có những tài nguyên có nhiều tiềm năng và có khả năng cạnh tranh quy mô toàn cầu. Với việc tận dụng những ưu thế này để phát triển hệ thống

1. Xem <http://www.monre.gov.vn/>.

cảng biển, nuôi trồng thủy hải sản, khai thác tài nguyên biển và phát triển giao thông, du lịch nhằm phát huy những ưu thế về cạnh tranh giá thành thông qua quy mô số lượng, chất lượng và tính chất đặc thù của tài nguyên thiên nhiên mà quốc gia khác không thể có được do thiên nhiên ban tặng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa Việt Nam đã sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên với tư cách là đối tượng lao động có sẵn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, tiếp cận mô hình tăng trưởng xanh. Thực tế, việc khai thác, sử dụng tài nguyên quốc gia và bảo vệ môi trường gắn với yêu cầu phát triển bền vững của nước ta đã được quan tâm và đem lại kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, việc khai thác tài nguyên của nước ta hiện nay tuy tiềm năng nhưng vẫn chưa được đánh giá đầy đủ và khai thác hợp lý để phục vụ phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Đối với tài nguyên nước, do địa hình hẹp, nhiều vùng dốc ra biển, hơn 60% lượng nước mặt có nguồn gốc từ nước ngoài, nên tình trạng thiếu nước cục bộ theo vùng và theo mùa vẫn xảy ra, có lúc, có nơi gay gắt. Trải dài trên nhiều vĩ tuyến, từ nhiệt đới ẩm đến á nhiệt đới, với nhiều vùng núi cao, Việt Nam có nhiều hệ sinh thái rừng với sự đa dạng và phong phú về các loài động vật, thực vật. Rừng nguyên sinh ngày càng bị thu hẹp, chất lượng rừng trồng chưa cao, cộng với việc khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản và lâm sản đang làm cho tình trạng lũ lụt thêm nghiêm trọng. Diện tích đất trồng lúa và làm nông nghiệp đang bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa và một phần do quản lý yếu kém, gây tác hại nghiêm trọng tới tài nguyên và môi trường. Tình trạng ô nhiễm không khí, nguồn nước ở các khu đô thị lớn và khu công nghiệp được đánh giá là nghiêm trọng do mức ô nhiễm vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép.

Các quá trình hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến ô nhiễm môi trường không khí. Các quá trình gây ô nhiễm là quá trình đốt các nhiên liệu hóa thạch: than, dầu, khí đốt tạo ra: CO₂, CO, SO₂, NO_x, các chất hữu cơ chưa cháy hết: muội than, bụi,

quá trình thất thoát, rò rỉ trên dây truyền công nghệ, các quá trình vận chuyển các hóa chất bay hơi, bụi.

Nguồn gây ra ô nhiễm không khí từ hoạt động công nghiệp có nồng độ chất độc hại cao, thường tập trung trong một không gian nhỏ. Tùy thuộc vào quy trình công nghệ, quy mô sản xuất và nhiên liệu sử dụng thì lượng chất độc hại và loại chất độc hại sẽ khác nhau. Hoạt động giao thông vận tải cũng là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây ra ô nhiễm môi trường không khí. Các quá trình tạo ra các khí gây ô nhiễm là quá trình đốt nhiên liệu động cơ: CO, CO₂, SO₂, NO_x, Pb, CH₄..., các bụi đất đá cuốn theo trong quá trình di chuyển. Nếu xét trên từng phương tiện thì nồng độ ô nhiễm tương đối nhỏ nhưng nếu mật độ giao thông lớn và quy hoạch địa hình, đường xá không tốt thì sẽ gây ô nhiễm nặng cho hai bên đường. Đối với việc ô nhiễm nguồn nước là do chất thải sinh hoạt của con người (phân, nước, rác), chất thải nhà máy và khu chế xuất và việc khai thác các khoáng sản, mỏ dầu khí. Ngoài ra, chất thải khu chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, chất thải khu giết mổ, chế biến thực phẩm... cùng với hoạt động lưu thông với khí thải và các chất thải hóa chất cặn sau sử dụng cũng gây tác hại lớn cho môi trường.

Để thúc đẩy phát triển bền vững, Đại hội Đảng lần thứ XII đã xác định rõ tầm quan trọng của tài nguyên, việc khai thác, quản lý và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đảng đã đề ra phương hướng: “Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn”¹. Nhà nước và các cơ quan quản lý đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách quản lý và tăng cường đầu tư; đã thành lập được các cơ quan nghiên cứu và dự báo,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr. 141.

quản lý rủi ro. Hợp tác quốc tế về quản lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai được đẩy mạnh; đã tham gia nhiều tổ chức của thế giới về các lĩnh vực này.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới quá trình phát triển đối tượng lao động thể hiện trong việc làm cho nông nghiệp, nông thôn phát triển khá ổn định và đã hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh với lợi thế có các sản phẩm chủ lực của vùng là lúa gạo, thủy sản, trái cây, xuất khẩu cà phê, cao su, hạt điều, hạt tiêu, thủy sản với khối lượng lớn đứng thứ hạng cao trên thế giới...

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp cả nước có sự gia tăng. Tổng diện tích các loại đất của cả nước năm 2010 là 33.093.857ha. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp cả nước có sự gia tăng tương đối, giai đoạn 2000-2010, tăng bình quân 114.000 ha/năm. Sự gia tăng này có thể đến từ việc mở rộng một phần quỹ đất chưa sử dụng, khai phá rừng, đất lâm nghiệp... Diện tích đất nông nghiệp đã có sự thay đổi đáng kể, tăng trưởng mạnh trong 10 năm qua¹.

Nhìn chung, đối tượng lao động của nước ta hiện nay đa phần là lực lượng và chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay với việc tập trung khai thác tài nguyên thiên nhiên cũng như đổi mới công nghệ cần gắn với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đổi mới công nghệ hiện đại.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới đối tượng lao động được thể hiện qua quá trình biến đổi của đối tượng lao động chuyển từ trực tiếp sang gián tiếp. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy người lao động tác động vào đối tượng lao động đã qua chế biến. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã chuyển hóa và phát triển đối tượng lao động sang một dạng khác để hình thành nên các ngành công nghiệp: cơ khí chế tạo, điện tử, công nghệ thông tin,... từ đó tạo nên những sản phẩm có độ chính xác, có chất lượng, có giá trị gia tăng cao; hay

1. Ban Kinh tế Trung ương: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 93.

các ngành tạo ra nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp như: công nghiệp lọc dầu, hóa dầu, hóa chất, luyện kim...; công nghiệp hỗ trợ gắn với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp mà toàn thể sản phẩm do các doanh nghiệp này cung cấp như: linh kiện, phụ kiện, phụ tùng, sản xuất bao bì, nguyên liệu để sơn, nhuộm,... Hơn nữa, trong quá trình phát triển nền sản xuất vật chất, khoa học, công nghệ sẽ tạo ra nhiều nguyên vật liệu mới với những tính năng mới, có chất lượng tốt hơn, đó là các vật liệu “nhân tạo”. Tuy nhiên, những nguyên liệu này vẫn có nguồn gốc từ tự nhiên. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tác động tới đối tượng lao động trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất được thể hiện trong các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá. Ngành công nghiệp và xây dựng duy trì tốc độ tăng trưởng khá liên tục, tốc độ triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ được cải thiện. Sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và chất lượng, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo đảm cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; chú trọng đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta đã thúc đẩy việc phát triển kết cấu hạ tầng, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền. Một số công trình hiện đại được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, góp phần tạo diện mạo mới cho đất nước. Năng lực công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực trên các lĩnh vực xây dựng, quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng được nâng lên.

Tuy đã có cố gắng đầu tư, song kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu, hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống đường bộ chưa hoàn chỉnh, chất lượng thấp, nhiều nơi còn bị tắc nghẽn; chưa bảo đảm giao thông thông suốt trong mùa mưa ở các khu vực thường bị ngập lụt và

miền núi. Hệ thống cảng biển, đường sắt, hàng không còn bất cập về năng lực vận chuyển, khả năng kho bãi, về thông tin, quản lý; chi phí dịch vụ vận tải còn cao, có nơi đầu tư còn dàn trải, lãng phí. Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp nông thôn; các hồ chứa nước ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền núi chưa được đầu tư hoàn chỉnh; chất lượng một số công trình thấp, hiệu quả sử dụng kém. Hệ thống điện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về nguồn điện, lưới điện và chất lượng; tỷ lệ tổn thất còn cao. Hạ tầng bưu chính, viễn thông thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ còn thấp; giá dịch vụ còn cao; hoạt động bưu chính, viễn thông ở vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu. Kết cấu hạ tầng đô thị phát triển chậm, chất lượng quy hoạch đô thị kém. Hệ thống phân phối nước và nguồn nước nhiều nơi chưa được đầu tư đồng bộ. Hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp vừa thiếu, vừa yếu, vừa kém chất lượng; chưa ngăn được tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Hạ tầng cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao còn thiếu, chưa đồng bộ và chất lượng thấp.

Nhìn chung, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm phát triển đối tượng lao động không chỉ tập trung khai thác ở nguồn tài nguyên có sẵn, tự nhiên mà hiện nay đang dần tập trung vào việc phát triển các đối tượng lao động đã qua quá trình cải biến như: điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu mới, công nghệ sản xuất ô tô, công nghệ sản xuất thiết bị di động cầm tay, chip và các sản phẩm viễn thông, các công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ xây dựng cầu đường và đặc biệt công nghệ thông tin trong các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng đã góp phần đưa các ngành này từng bước tiếp cận và đạt đến trình độ của thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã phát triển đối tượng sản xuất thông qua việc người lao động tham gia vào quá trình lao động trên những dây chuyền công nghệ, khoa học tiên tiến của thế giới, phát triển những ứng dụng, những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện trong việc phát triển

khoa học, công nghệ hiện nay của nước ta. Qua đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tác động lên đối tượng lao động trong việc làm nâng cao năng suất lao động, giảm nhẹ cường độ lao động, giảm chi phí, giá thành sản xuất, giảm rõ rệt tỷ lệ tiêu hao vật chất, tăng tỷ lệ chất xám trong cấu tạo sản phẩm, chu kỳ sản xuất cũng được rút ngắn đáng kể. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đưa Việt Nam từng bước thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu, kém phát triển. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ kinh tế nông nghiệp là chủ yếu sang kinh tế công nghiệp hiện đại và dịch vụ; phát triển các khu công nghiệp. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần chuyển hóa ngày càng mạnh mẽ hơn đối tượng lao động trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của nước ta hiện nay. Tuy vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta vẫn chưa tạo ra sự chuyển đổi vượt bậc, chưa đủ về lượng và chất để chuyển sang một giai đoạn mới trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất nước ta nên lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay vẫn chủ yếu là gắn với việc khai thác, tận dụng những đối tượng lao động có sẵn trong tự nhiên.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển làm cho việc phân định chính xác giữa đối tượng lao động, công cụ lao động, kết cấu hạ tầng sản xuất, khoa học, công nghệ chỉ mang tính tương đối. Hơn nữa, cùng với người lao động, công cụ lao động là yếu tố động nhất trong tư liệu sản xuất. Chính vì vậy, kết cấu hạ tầng và khoa học, công nghệ vừa tồn tại ở đối tượng lao động vừa tồn tại ở công cụ lao động trong quá trình sản xuất vật chất của xã hội. Trình độ của công cụ sản xuất là một tiêu chí biểu hiện trình độ phát triển của nền sản xuất trong xã hội. Chính sự không ngừng được cải tiến và hoàn thiện mà công cụ lao động đã làm biến đổi toàn bộ tư liệu sản xuất. Hơn nữa, trình độ phát triển của công cụ lao động còn là thước đo trình độ của con người Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Bên cạnh đó, công cụ lao động còn là bộ phận trực tiếp tác động vào đối tượng lao động trong quá trình sản xuất vật chất.

2.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới công cụ lao động

Trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, công cụ lao động thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người. Công cụ lao động là bộ phận trực tiếp tác động vào đối tượng lao động; biến đổi đối tượng lao động theo mục đích của con người. Ở Việt Nam hiện nay, công cụ lao động được thể hiện trong quá trình thay đổi những phương tiện sản xuất, lao động máy móc thay thế cho lao động thủ công, quá trình tự động hóa được thực hiện ngày càng nhiều với quy mô rộng, việc chuyển giao công nghệ của các nước phát triển ngày càng nhiều.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới công cụ lao động góp phần làm tăng trưởng kinh tế đất nước. Về cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu. Doanh nghiệp nhà nước đang được tổ chức lại, đổi mới và chiếm 38,4% GDP, chi phối nhiều thành phần kinh tế then chốt và tập trung hơn vào những lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế. Doanh nghiệp tư nhân phát triển khá nhanh, hoạt động chủ yếu ở nhiều lĩnh vực, chiếm 45,7% GDP. Về cơ cấu ngành, lĩnh vực: có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ không ngừng tăng lên. Cơ cấu kinh tế vùng đã có bước điều chỉnh theo hướng phát huy thế mạnh của từng vùng; các vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế và vùng sản xuất chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi đang phát triển khá nhanh, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng của nền kinh tế.

Thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn của nước ta đã thúc đẩy việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường. Nhiều công trình thủy lợi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hệ thống đê điều, đường giao thông, kết cấu hạ tầng nghề cá... đều được

củng cố. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ngày càng phổ biến theo hướng sử dụng giống mới, công nghệ sinh học, phương thức canh tác tiên tiến. Đặc biệt, bên cạnh việc cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp như tưới nước, tuốt và làm sạch nông sản, chế biến thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản... các khâu sơ chế, bảo quản nông, lâm, thủy sản sau thu hoạch cũng được ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, giúp kéo dài thời gian bảo quản sản phẩm mà vẫn giữ được giá trị dinh dưỡng.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển cơ cấu ngành: mặc dù có tốc độ tăng cao trong những năm gần đây nhưng tỷ trọng dịch vụ trong GDP còn thấp, các loại dịch vụ cao cấp, có giá trị gia tăng thêm lớn chưa phát triển mạnh. Trong công nghiệp, ít sản phẩm có hàm lượng công nghệ và tri thức cao; công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng lớn còn mang tính gia công, lắp ráp, giá trị nội địa tăng chậm. Ngành công nghiệp nước ta hiện nay với 60-70% giá trị sản phẩm công nghiệp là ngoại nhập. Trong nông nghiệp, sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả cao với thị trường; việc đưa khoa học, công nghệ vào còn chậm; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn vẫn còn lúng túng. Trong kinh tế vùng: các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh đặc thù. Chính sách hỗ trợ các vùng kém phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự liên kết vùng chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp. Quy hoạch phát triển ngành, vùng tràn lan, mang tính cục bộ và thiên cận. Về phát triển các thành phần kinh tế: chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; chưa khai thác tốt các nguồn lực trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước còn chậm, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Kinh tế tư nhân chưa được tạo đủ điều kiện thuận lợi để phát triển, quy mô còn nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu và chưa được quản lý tốt. Kinh tế tập thể phát triển chậm, còn nhiều lúng túng. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

phát triển nhưng chưa có hiệu quả lan tỏa về công nghệ và kỹ năng quản lý, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn kém so với một số nước trong khu vực.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc phát triển khoa học, công nghệ đã làm cho trình độ công nghệ sản xuất có bước được nâng lên. Khoa học, công nghệ góp phần quan trọng vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất của nước ta, nhất là trong những ngành ứng dụng công nghệ cao. Một số viện nghiên cứu và các phòng thí nghiệm đầu ngành được trang bị tương đối hiện đại. Lực lượng cán bộ khoa học, công nghệ khá dồi dào, có trình độ nghiên cứu và khả năng giải quyết những vấn đề về khoa học, công nghệ đang đặt ra trong nền kinh tế.

Với những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ trên thế giới đã tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành công nghiệp truyền thống trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao nhằm góp phần làm thay đổi công cụ lao động vốn đã lạc hậu. Khoa học và công nghệ đã góp phần quan trọng trong việc tiếp thu, làm chủ, thích nghi và khai thác có hiệu quả các công nghệ nhập từ nước ngoài. Nhờ đó, trình độ công nghệ trong một số ngành sản xuất, dịch vụ đã được nâng lên đáng kể, nhiều sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao hơn. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, khoa học và công nghệ đã tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng và năng suất cao, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa nước ta từ chỗ là nước nhập khẩu lương thực trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo, cà phê, v.v., hàng đầu trên thế giới.

Các chương trình nghiên cứu trọng điểm về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, tự động hóa, công nghệ cơ khí - chế tạo máy đã góp phần nâng cao năng lực nội sinh trong một số lĩnh vực công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nhiều ngành kinh tế.

Khoa học và công nghệ trong những năm qua đã góp phần đào tạo và nâng cao trình độ nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân,

bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã tạo đà cho việc thúc đẩy khoa học, công nghệ nhằm phát triển công cụ lao động của cả nước. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nêu rõ: “Ưu tiên phát triển và hoàn thành những công trình then chốt về cơ khí chế tạo, sản xuất máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng; công nghiệp công nghệ cao sản xuất linh kiện điện tử, máy tính, công nghiệp dầu khí, điện, than, khai khoáng, hóa chất, luyện thép, xi măng, phân đạm..., công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc phòng, an ninh với trình độ công nghệ ngày càng cao, sạch, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng”¹.

Khoa học, công nghệ ở nước ta nhìn chung đã có sự chuyển biến tích cực, nhiều lĩnh vực mới, hiện đại đã được áp dụng trong quy trình sản xuất với tư cách là đối mới tư liệu sản xuất, công cụ lao động trong lực lượng lao động. Khoa học, công nghệ Việt Nam đã có nhiều thành tựu, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việt Nam có nhiều thành tựu và sản phẩm khoa học có vị trí xứng đáng trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung khoa học, công nghệ nước ta còn nhiều mặt yếu kém, còn có khoảng cách khá xa so với khu vực và thế giới, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội. Năng lực khoa học và công nghệ còn nhiều yếu kém. Đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ còn thiếu cán bộ đầu ngành giỏi, các “tổng công trình sư”, đặc biệt là thiếu cán bộ khoa học, công nghệ trẻ kế cận có trình độ cao. Cơ cấu nhân lực khoa học, công nghệ theo ngành nghề và lãnh thổ còn nhiều bất hợp lý. Đầu tư của xã hội cho khoa học, công nghệ còn rất thấp, đặc biệt là đầu tư từ khu vực doanh nghiệp. Trang thiết bị của các viện nghiên cứu, trường đại học nhìn chung còn rất thiếu,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 193.

không đồng bộ, lạc hậu so với những cơ sở sản xuất tiên tiến cùng ngành. Hệ thống giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao, đặc biệt đối với những lĩnh vực khoa học, công nghệ tiên tiến; hệ thống dịch vụ khoa học, công nghệ, bao gồm thông tin khoa học, công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng còn yếu kém cả về cơ sở vật chất và năng lực cung cấp dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của hội nhập khu vực và quốc tế. Thiếu sự liên kết hữu cơ giữa nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục - đào tạo và sản xuất - kinh doanh; thiếu sự hợp tác chặt chẽ giữa các tổ chức nghiên cứu - phát triển, các trường đại học và doanh nghiệp. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, nước ta còn có khoảng cách rất lớn về tiềm lực và kết quả hoạt động khoa học, công nghệ: tỷ lệ cán bộ nghiên cứu khoa học, công nghệ trong dân số và mức đầu tư cho nghiên cứu khoa học theo đầu người thấp; các kết quả nghiên cứu - phát triển theo chuẩn mực quốc tế còn rất ít. Nhìn chung, năng lực khoa học, công nghệ nước ta còn yếu kém, chưa giải đáp được kịp thời nhiều vấn đề của thực tiễn đổi mới, chưa gắn kết chặt chẽ và đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân làm cho khoa học, công nghệ chưa được đẩy mạnh là do:

- Đường lối chính sách phát triển khoa học, công nghệ của Đảng và Nhà nước chưa được quán triệt đầy đủ và chậm được triển khai trong thực tiễn. Quan điểm khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực phát triển đất nước đã được khẳng định trong các nghị quyết của Đảng nhưng trên thực tế chưa được các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt đầy đủ và triển khai trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội; nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ chậm được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật; việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện chính sách thiếu kiên quyết nên kết quả còn hạn chế.

- Chưa có nhận thức sâu sắc và thống nhất cao về mô hình tăng trưởng mới, nhất là về các động lực cho tăng trưởng. Mô hình

tăng trưởng chưa có sự đổi mới rõ rệt theo chủ trương của Đảng; nền kinh tế vẫn chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng, còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như vốn, tài nguyên; lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học, công nghệ. Năng lực của các cơ quan tham mưu, quản lý khoa học, công nghệ các cấp còn yếu kém. Cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp ăn sâu vào tiềm thức và thói quen của không ít cán bộ khoa học, công nghệ và quản lý khoa học, công nghệ đã tạo ra sức ỳ không dễ khắc phục trong cơ chế mới, không đáp ứng được yêu cầu về đổi mới quản lý khoa học, công nghệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; chưa làm rõ trách nhiệm của Nhà nước đối với những hoạt động khoa học, công nghệ mà Nhà nước cần đầu tư phát triển như: các lĩnh vực khoa học, công nghệ trọng điểm, ưu tiên; nghiên cứu chiến lược, chính sách phát triển; nghiên cứu cơ bản; nghiên cứu mang tính công ích, v.v.; chưa có cơ chế, chính sách phù hợp đối với các hoạt động khoa học, công nghệ cần và có thể vận dụng cơ chế thị trường như nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học, công nghệ.

- Việc quản lý nhà nước đối với khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp trong hệ thống khoa học, công nghệ chưa được tách biệt rõ ràng, làm cho công tác quản lý các tổ chức khoa học, công nghệ còn mang nặng tính hành chính; chậm tổng kết thực tiễn để nhân rộng các điển hình tiên tiến về gắn kết giữa nghiên cứu khoa học, công nghệ với giáo dục - đào tạo và sản xuất - kinh doanh. Đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ còn hạn hẹp. Đầu tư xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ trong thời gian dài còn chưa được chú trọng đúng mức, thiếu tập trung vào lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, dẫn đến cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ lạc hậu, hiệu quả đầu tư thấp. Thiếu quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao ở các lĩnh vực khoa học, công nghệ ưu tiên, đặc biệt là cán bộ khoa học, công nghệ đầu ngành, các “tổng công trình sư”; cơ chế quản lý kinh tế chưa tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học và công nghệ.

Như vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm chuyển biến tích cực đối tượng lao động và công cụ lao động của nước ta hiện nay. Song, công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới chỉ đáp ứng được 50% cơ giới hóa so với thế giới; tỷ lệ tự động hóa không đáng kể; nhiều khâu lao động trong công nghiệp vẫn còn thủ công. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm cơ giới hóa công cụ lao động trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất là điều kiện bắt buộc phải đẩy mạnh trong giai đoạn hiện nay.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển công cụ lao động đã tăng cường việc chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất. Kết cấu hạ tầng phát triển là điều kiện tiên đề quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, nước ta đang thực hiện quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế nên việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thông tin, viễn thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị, giáo dục, y tế là cơ sở để phát triển công cụ lao động của lực lượng sản xuất. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, đã tạo những tiên đề để bước đầu chuyển sang xây dựng kinh tế tri thức. Vì thế, hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất là toàn bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật, tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện của một quốc gia từ kinh tế - xã hội cho đến bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ môi trường và phục vụ đời sống nhân dân. Cụ thể hơn, hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất thường được chia thành hai loại: hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất kinh tế (bao gồm: hệ thống giao thông vận tải, thủy lợi, cấp thoát nước, điện, khí, viễn thông,...) và hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội (bao gồm: trường học, bệnh viện, cơ sở văn hóa, nghiên cứu khoa học, công trình công cộng, nhà ở, công trình bảo vệ môi trường...). Trong giai đoạn 2010-2020, tổng đầu tư kết cấu hạ tầng ở Việt Nam đã chiếm bình quân hơn 10% GDP, vượt qua khỏi các nền kinh tế Đông Á vốn nổi tiếng về mức đầu tư cơ sở hạ tầng cao.

Kết quả từ tỷ lệ đầu tư cao của Việt Nam đã nhanh chóng mở rộng khối lượng cơ sở hạ tầng và cải thiện tiếp cận, góp phần vào sự thành công về tăng trưởng và phát triển của đất nước¹. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đẩy nhanh việc phát triển giao thông với tư cách là phương tiện sản xuất của tư liệu sản xuất. Vậy, có thể xem xét kết cấu hạ tầng sản xuất như là một phần của công cụ lao động.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trong nước đồng bộ, hiện đại để kết nối với hạ tầng giao thông khu vực, trên cơ sở sử dụng nguồn lực hợp lý để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; Đảng, Nhà nước đã ưu tiên các công trình có tính lan tỏa, bảo đảm kết nối các phương thức vận tải, các trung tâm kinh tế lớn, các vùng kinh tế trọng điểm, các cửa ngõ, đầu mối giao thông quan trọng gắn với với mạng lưới hạ tầng giao thông trong các liên kết khu vực.

Đồng thời Đảng, Nhà nước cũng đã có chính sách về phát triển đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông trong nước, đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, nâng vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên hợp quốc. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và toàn bộ nền kinh tế. Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, thúc đẩy ngành công nghiệp phần mềm phát triển nhanh, bền vững...

Quy mô, thực lực của nền kinh tế tăng lên không ngừng, tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trong những năm qua, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Hầu hết các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng đã được lập quy hoạch, kế hoạch phát triển. Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Chương trình Việt Nam, Trung tâm kinh doanh và nhà nước của Đại học Havard, Chương trình phát triển Liên hợp quốc: *Những trở ngại về cơ sở hạ tầng của Việt Nam*, TP. Hồ Chí Minh, 2010, tr. 1.

Nguyên nhân làm cho kết cấu hạ tầng của nước ta còn chậm phát triển là do cơ sở hạ tầng là một trong ba trụ cột chính nhằm hỗ trợ để đạt được mục tiêu chất lượng cao và phát triển kinh tế bền vững. Tốc độ tăng trưởng nhanh của Việt Nam đã vượt quá sự phát triển của cơ sở hạ tầng và làm hạn chế đáng kể sự phát triển và đầu tư trong tương lai. Thêm vào đó, Việt Nam dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu và như vậy phải xây dựng cơ sở hạ tầng có sức chống chịu tốt hơn.

Tóm lại, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy sự phát triển của nguồn lực người lao động, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của tư liệu sản xuất, phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển khoa học, công nghệ, từng bước phát triển, góp phần tạo điều kiện, định hướng, động lực cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất của Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì cũng không ít những khó khăn. Kể từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa mặc dù đã thực hiện được hơn 30 năm song tốc độ tăng trưởng kinh tế nhìn chung còn thấp so với nhiều nước trong khu vực ở thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, việc định hình mô hình tăng trưởng kinh tế tiếp theo vẫn còn chưa thực sự rõ ràng, đặc biệt là xét từ góc độ phát triển bền vững.

3. Thực trạng về sự tác động trở lại của quá trình phát triển lực lượng sản xuất đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

3.1. Yếu tố người lao động của quá trình phát triển lực lượng sản xuất tác động tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta đòi hỏi tiếp thu một cách có hiệu quả tri thức của thế giới, đồng thời phát huy năng lực nội sinh của đất nước. Điều này phụ thuộc rất lớn vào vai trò của người lao động có trí óc, sáng tạo, có kỹ năng nghề nghiệp,... trong quá trình sản xuất. Vì vậy, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

ở nước ta đòi hỏi cần được phát triển một cách liên tục và mạnh mẽ yếu tố người lao động trong lực lượng sản xuất.

Đặc điểm yếu tố người lao động với tư cách là nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay là khá dồi dào và trẻ về mặt số lượng, đồng thời phẩm chất của họ thì cần cù chịu khó, thông minh và sáng tạo, tuy nhiên trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kỹ năng lao động của người lao động nước ta lại kém, khó có khả năng vận dụng và thích ứng nhanh trong công việc, sự bất hợp lý về phân công lao động được đào tạo trong các lĩnh vực sản xuất và những khó khăn trong phân bổ dân cư cũng không phải là nhỏ. Mặt khác, người lao động Việt Nam còn hạn chế về thể lực, sự phát triển về phương diện sinh lý và thể lực dường như còn chững lại, hơn nữa người lao động nước ta nhìn chung văn hóa lao động công nghiệp còn kém, lao động công nghiệp nhưng vẫn giữ thói quen theo kiểu sản xuất nhỏ và lao động giản đơn.

Quá trình phát triển nguồn nhân lực của nước ta đã tạo ra nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp khá đã được thu hút và phát huy hiệu quả lao động cao ở một số ngành, lĩnh vực như bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, sản xuất ô tô, xe máy, đóng tàu, công nghiệp năng lượng, y tế, giáo dục,... và xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Đây là cơ sở để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta. Tuy nhiên, do yêu cầu về trình độ của lao động kỹ thuật, đặc biệt là lao động trình độ cao cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, các ngành trọng điểm, vùng kinh tế động lực thì người lao động nước ta vẫn chưa đáp ứng được. Trong sản xuất nông nghiệp, người lao động tham gia rất lớn với khoảng hơn 70% lao động cả nước. Đây là tỷ trọng áp đảo trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, cho đến nay chủ yếu vẫn là lao động thủ công và bán cơ giới, vẫn sử dụng phổ biến những công cụ thô sơ như cày, bừa, liềm hái, cuốc, thuổng,... đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào thiểu số.

Về mặt xã hội, sự thay đổi về thói quen sản xuất, tiêu dùng, cách thức quản lý sẽ làm biến đổi mạnh mẽ trong sinh hoạt và thu nhập.

Những người có trình độ tay nghề cao sẽ tận dụng được sức mạnh công nghệ và sẽ có thu nhập cao hơn. Sự chênh lệch giàu nghèo của tầng lớp được coi là “sáng tạo” nhất so với những lao động “tay chân” là rất lớn. Từ đó, bất bình đẳng xã hội có thể sẽ tiếp tục tăng. Tình trạng bị mất việc làm do sự thay đổi của công nghệ, đặc biệt đối với những tầng lớp trung niên chưa thích nghi kịp sẽ tạo ra những cú sốc cho xã hội. Điều này diễn ra không chỉ ở các nước đang phát triển mà còn ở cả các nước phát triển. Khi rôbot và tự động hóa lên ngôi, những người làm trong các lĩnh vực trung gian, đặc biệt là nhân công trong ngành vận tải, kế toán, môi giới bất động sản hay bảo hiểm cũng sẽ thất nghiệp.

Thực tế trong những năm gần đây, bất bình đẳng về thu nhập đã có xu hướng tăng nhanh và cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể sẽ khuếch đại xu hướng này do lợi nhuận từ kỹ năng cao và quá trình số hóa, tự động hóa tăng mạnh. Trong khi đó, lợi nhuận của kỹ năng giản đơn bị thay thế và giảm mạnh. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng trên toàn cầu.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội ở nhiều nước với sự xuất hiện ngày càng đông đảo tầng lớp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, thiết kế, văn hóa, nghệ thuật, giải trí, truyền thông, giáo dục, đào tạo, y tế, pháp luật... Về việc làm, trong trung hạn và dài hạn, các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều lao động kỹ năng thấp sẽ bị tác động trực tiếp và nhiều nhất do nhu cầu sử dụng lao động tay nghề cao tăng trong khi nhu cầu sử dụng lao động kỹ năng thấp ngày càng giảm. Nhóm lao động chịu tác động mạnh nhất là lao động phổ thông do rất dễ bị thay thế bởi quá trình tự động hóa và người máy. Quá trình phát triển nguồn nhân lực đã góp phần làm tăng năng suất lao động của người lao động trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, năng suất lao động của nước ta hiện nay vẫn còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực và không đồng đều giữa các ngành và lĩnh vực.

Quá trình phát triển người lao động đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của đất nước, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam tuy đã chậm lại nhưng vẫn đạt 5,9%/năm, là mức cao của khu vực và thế giới. Quy mô nền kinh tế tăng nhanh.

Như vậy, trong quá trình phát triển của mình, người lao động giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay.

3.2. Yếu tố tư liệu sản xuất của quá trình phát triển lực lượng sản xuất tác động tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay

Quá trình phát triển của tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động) đã thúc đẩy nhanh việc phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đầu tư phát triển tư liệu sản xuất đã làm chuyển đổi các mô hình tăng trưởng và nâng cao chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với tư cách là tư liệu sản xuất, tài nguyên thiên nhiên cần được nhìn nhận, đánh giá là đối tượng lao động, có vai trò như nguồn vốn, đầu vào của nền kinh tế, là tài sản quốc gia có hạn, phải được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; coi việc khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên là một trong những thước đo đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế... để khắc phục tình trạng chạy theo thành tích tăng trưởng bằng việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên. Nguồn tài nguyên thiên nhiên là một nguồn lực quan trọng cho lợi nhuận và giao thương quốc tế. Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta, tài nguyên thiên nhiên đóng vai trò là nguồn tài nguyên nền tảng bảo đảm cho sự sinh tồn. Thêm vào đó, trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta từ một nước nghèo mà thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì tài nguyên thiên nhiên là nguồn lực cho tài chính phát triển. Trên thực tế, tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý với tư cách là đối tượng lao động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay đã mang lại tăng trưởng kinh tế liên tục và

có một sự tăng tiến vượt bậc, từ vị trí là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới, nay đã bước vào ngưỡng cửa các quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp.

Như vậy, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên là cơ sở tiền đề cho tăng trưởng và phát triển kinh tế, nhìn từ góc độ vĩ mô một quốc gia trong quá trình phát triển nếu biết tận dụng lợi thế của tự nhiên sẽ nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay.

Quá trình phát triển tư liệu sản xuất còn có vai trò là biểu hiện cụ thể và tập trung nhất của tiến bộ khoa học, công nghệ, những thành tựu của khoa học, công nghệ được thể hiện qua công cụ lao động. Thực tế ở Việt Nam cho thấy không thể nào sớm thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu, kém phát triển nếu như không tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cách mạng khoa học, công nghệ đã cải tiến và thay thế dần các công cụ lao động thô sơ, cũ kỹ, lạc hậu như: trong nông nghiệp, cái cày, cái cuốc, cái liềm đã được thay thế bằng máy cày ruộng, máy cắt lúa, máy gặt liên hoàn....

Tư liệu sản xuất ngày càng hiện đại đã tạo điều kiện cho việc thay đổi, cải tiến những công cụ ngày càng tinh vi và sắc bén hơn trong quá trình sản xuất. Nước ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ những công cụ lao động thô sơ bằng tay như cái cày, cái cuốc, khung dệt vải,... thì hiện nay chúng ta nhập khẩu những công nghệ máy móc hiện đại hơn trong nông nghiệp, công nghiệp, nhờ đó năng suất cao hơn, hiệu quả hơn. Quá trình cơ giới hóa của công cụ lao động nhằm phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước từng bước được tiến hành. Tuy nhiên, công cụ thủ công vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn trong hệ thống máy móc, tốc độ đổi mới công cụ theo kỹ thuật tiến bộ vẫn còn chậm chạp.

Quá trình phát triển tư liệu sản xuất của nước ta trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học, công nghệ và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra sâu rộng là điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực tế cũng cho thấy, quá trình phát triển tư liệu sản xuất có nhiều tiến bộ cả về số lượng và chất lượng đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay. Điều này thể hiện trong việc trình độ công nghệ sản xuất có bước được nâng lên. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trong giai đoạn 2011-2015 đã đạt 28,94%. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát¹.

Bên cạnh đó, quá trình phát triển tư liệu sản xuất với việc nâng cao kết cấu hạ tầng sản xuất để từng bước hiện đại hóa những phương tiện giao thông hiện đại nhất trên thế giới cũng được đưa vào sử dụng như: ô tô, xe lửa, máy bay, tàu điện ngầm, tàu cao tốc, máy bay siêu cao tốc cùng những phương tiện thông tin viễn thông tiên tiến như: thông tin liên lạc hữu tuyến, vô tuyến, mạng truyền số liệu điện tử cao tốc, dịch vụ thương mại điện tử, internet... Với những công nghệ hiện đại đã giúp cho quá trình giao lưu, trao đổi máy móc, thiết bị, thông tin, tri thức khoa học, công nghệ giữa các quốc gia một cách nhanh chóng, thuận tiện và kịp thời. Việc chuyển giao các dây chuyền công nghệ, khoa học tiên tiến của thế giới vào từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể ở Việt Nam. Đây là cơ sở để tư liệu sản xuất góp phần làm rút ngắn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhất là khu vực nông thôn là vô cùng cần thiết. Nhưng tư liệu sản xuất ở đây chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù được quan tâm đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng sản xuất để phục vụ, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển nhưng thực tế chưa có sự thay đổi. Thực tế cho thấy, tư liệu sản xuất ở nước ta hiện đang sử dụng công nghệ của những năm 80 của thế kỷ XX; 69% doanh nghiệp phụ thuộc vào nguyên vật liệu; 52% phụ thuộc vào thiết bị, công nghệ nhập khẩu và 19% lệ thuộc

1. World Bank: *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới: Tri thức cho phát triển*, 2014, xem <http://www.worldbank.org>.

vào bí quyết công nghệ, số cán bộ có kỹ thuật chuyên môn cũng chỉ đạt khoảng 7%. Chính vì vậy, trong quá trình phát triển tư liệu sản xuất, Đảng xác định: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh”¹ và “Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta”².

Do quá trình phát triển của tư liệu sản xuất còn thấp nên công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu là khai thác tài nguyên, gia công, lắp ráp, công nghiệp chế tạo, chế biến còn phát triển chậm. Vì thế, phát triển khoa học, công nghệ cao là vấn đề bức thiết trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta hiện nay.

*

* *

Từ sự trình bày, phân tích khái quát về tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam và thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay có thể đi đến những kết luận sau:

Một là, Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất kỹ thuật thấp kém, trình độ của lực lượng sản xuất chưa cao, quan hệ sản xuất mới chưa hoàn thiện. Trong khi đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất và kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội để sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ phương tiện và phương pháp tiên tiến hiện đại dựa trên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr. 119-120.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr. 121.

sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ tạo ra năng suất lao động cao. Vì vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một xu hướng khách quan, phù hợp với xu thế của thời đại và hoàn cảnh đất nước, góp phần tạo dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển lực lượng sản xuất. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tất yếu để đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn và cũng là một trong những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Hai là, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã không ngừng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay đã đạt được nhiều kết quả to lớn. Điều này được thể hiện rõ trong: *Thứ nhất*, thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với yếu tố người lao động trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay thể hiện rõ trong việc nâng cao thể lực, phẩm chất nghề nghiệp, trình độ và kỹ năng lao động khi tác động vào máy móc, công nghệ hiện đại đã làm tăng năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất. Đây là cơ sở để hình thành nên đội ngũ người lao động có trình độ cao, có khoa học, kỹ thuật, công nghệ, tay nghề cao, có phẩm chất, có sức khỏe tốt, có tác phong công nghiệp, hiện đại. Tuy nhiên, người lao động nước ta mặc dù có nhiều tiến bộ, song nhìn chung so với các nước trên thế giới thì vẫn đang yếu về thể lực, sức khỏe, trình độ lao động còn thấp, nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu và chưa cân đối, phù hợp với yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về văn hóa nghề nghiệp, tác phong lao động, kỷ luật lao động của người lao động nước ta vẫn đang còn yếu. *Thứ hai*, thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với tư liệu sản xuất trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của Việt Nam hiện nay được thể hiện qua hai thành tố là đối tượng lao động và công cụ lao động. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ với tư cách

là đối tượng, từ đó người lao động dùng công cụ lao động của mình tác động lên đối tượng lao động để làm nên khối lượng tài sản vật chất nhằm phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm thay đổi về đối tượng lao động thể hiện trong việc dùng khoa học, công nghệ tác động để khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển tốt một số ngành nông - lâm nghiệp và công nghiệp. Đồng thời công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đã làm biến đổi công cụ lao động, điều này được thể hiện trong quá trình phát triển cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng của nước ta. Tuy vậy, vấn đề khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm công nghiệp chưa được khắc phục.... Trình độ của công cụ lao động giữa các vùng trong cả nước không đồng đều và ở trình độ thủ công tiến dần lên cơ khí hóa, trong khi các nước trên thế giới đã chuyển sang tự động hoàn toàn; sự phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; công nghệ, trang thiết bị, máy móc còn chậm đổi mới, hiện đại hóa, nền sản xuất còn dựa nhiều vào lao động giản đơn, gia công, tái chế. Những tồn tại, hạn chế đó làm cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước chưa tương xứng với tiềm năng phát triển. Vấn đề đặt ra cho công cụ lao động ở Việt Nam hiện nay là phải đi tắt đón đầu ở một số lĩnh vực trọng yếu phù hợp với tiềm năng của từng vùng cụ thể.

Chương III

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NHẪM PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I. PHƯƠNG HƯỚNG ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NHẪM PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu của chiến lược phát triển đất nước

Sở dĩ phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu của chiến lược phát triển đất nước, bởi vì:

Thứ nhất, mục tiêu của chiến lược phát triển đất nước là cơ sở, là nền tảng cơ bản, là yếu tố không thể thiếu để nhằm thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển đất nước chính là nền tảng để cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Vì thế, Việt Nam phải phát huy những điều kiện phát triển sẵn có như: khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, bốn mùa rõ rệt, có nguồn dân cư và lao động dồi dào, có nhiều đồi núi, mạng lưới sông ngòi dày đặc, có nhiều tài nguyên khoáng sản, thủy điện, khí hậu, phong cảnh đẹp mang lại nguồn lợi du lịch cao, hệ thực vật tự nhiên

phong phú, bờ biển dài, đa dạng về động thực vật... Trên nền tảng đó, Việt Nam cần đặt ra mục tiêu chiến lược phát triển đất nước, đó là chú trọng phát triển nền sản xuất nông nghiệp, trong đó phát huy thế mạnh về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, đóng góp lớn vào xuất khẩu nông thủy sản của cả nước; đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp giống, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Thứ hai, mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với việc phát triển các ngành, lĩnh vực có trọng tâm, trọng điểm nhằm phát triển lực lượng sản xuất. Vì vậy, Đảng, Nhà nước ta đặt ra mục tiêu chiến lược là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại; chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; tạo điều kiện tập trung phát triển các ngành công nghệ mũi nhọn, có giá trị gia tăng cao, có lợi thế so sánh và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, như: cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, hóa dược, cao su, chế biến tinh lương thực, thực phẩm, các ngành công nghiệp phụ trợ,... đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển nhanh, bền vững, tham gia có hiệu quả vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đây chính là việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển lực lượng sản xuất.

Thứ ba, mục tiêu chiến lược phát triển đất nước cũng chính là động lực, phương hướng cho công nghiệp hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất, nghĩa là điều kiện để thúc đẩy, là cơ sở để từ đó thôi thúc việc thực hiện những yêu cầu, nhiệm vụ, mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất. Trong bối cảnh nước ta đẩy mạnh việc phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mục tiêu chiến lược với tư cách là

động lực, phương hướng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng được cơ sở vật - chất kỹ thuật tiên tiến; tiến hành tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; tăng cường phát triển lực lượng giai cấp công nhân; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội; góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc, xây dựng con người mới ở Việt Nam.

Từ mục tiêu này đã đặt ra những yêu cầu cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất, thể hiện qua các nội dung:

Một là, đổi mới mô hình tăng trưởng và tiến hành cơ cấu lại nền kinh tế. Đảng chủ trương: “Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh”¹. Có thể khẳng định, đó là một trong những “điểm nhấn” về phát triển kinh tế để đẩy mạnh thực hiện “3 đột phá chiến lược” theo tinh thần Đại hội XII.

Đổi mới mô hình tăng trưởng là yêu cầu bắt buộc, tất yếu của sự phát triển bền vững nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, những mâu thuẫn, bất cập, thể hiện tập trung nhất ở cơ cấu kinh tế không hợp lý, mô hình tăng trưởng không phù hợp, đã trở thành lực cản khiến cho sự phát triển của nền kinh tế trở nên kém hiệu quả, không bền vững. Muốn đổi mới mô hình tăng trưởng phải thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, muốn cơ cấu lại nền kinh tế đúng hướng và đạt hiệu quả phải gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng. Đảng ta nhận thức rõ mối quan hệ biện chứng này khi xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XII, trong đó có nhiệm vụ: “...Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược..., (thể chế, nhân lực và kết cấu hạ tầng), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 87.

tăng trưởng...”¹, trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế và trong nước cần xây dựng kinh tế tuần hoàn nên cần thực hiện cải cách và xây dựng thể chế mới, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển bền vững. Từ đó tạo ra sức mạnh tiềm lực để nâng cao tầm phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam, đó là việc tập trung vào các ngành công nghiệp, công nghệ cao. Tiếp tục phát triển bốn nhóm ngành công nghiệp mũi nhọn trọng yếu trên cơ sở xác định chiến lược phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ; xác định sản phẩm chủ lực để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, cung ứng cho công nghiệp chủ lực trong nước và xuất khẩu. Từ đó đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển kinh tế tri thức và tăng trưởng xanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh. Tiếp tục cải cách, đổi mới điều hành một cách đồng bộ, hệ thống, linh hoạt và hiệu quả các chính sách tài khóa, tiền tệ, tín dụng, đầu tư, thương mại và các chính sách kinh tế vĩ mô khác để bảo đảm kiểm soát lạm phát và những cân đối lớn trong nền kinh tế về tiết kiệm, đầu tư, tiêu dùng, tài chính, tín dụng, xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán... cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; các ngành dịch vụ chất lượng cao, có hàm lượng tri thức khoa học, giá trị gia tăng cao như các ngành dịch vụ: tài chính, tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm; thương mại; kho bãi, vận chuyển, dịch vụ cảng; bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông; kinh doanh tài sản - bất động sản; dịch vụ thông tin tư vấn, khoa học, công nghệ; du lịch; y tế; giáo dục, đào tạo.... Bên cạnh đó cần chú trọng phát triển các vùng kinh tế, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, tập trung phát triển một số vùng kinh tế trọng điểm, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, đặc khu kinh tế có lợi thế so sánh về địa kinh tế kết hợp với chuyển dịch cơ cấu ngành, hình thành chuỗi giá trị và mạng lưới liên kết sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh chuyên môn hóa, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm. Không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 87.

thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổ chức rà soát, xây dựng và triển khai áp dụng nghiêm hệ thống quy định các yêu cầu bắt buộc về công nghệ, chuyển giao công nghệ, thu hút và đào tạo kỹ năng cho người lao động Việt Nam, bảo vệ môi trường; khuyến khích thu hút các dự án đầu tư hình thành mạng lưới liên kết sản xuất, kinh doanh, các ngành công nghiệp hỗ trợ để hình thành chuỗi giá trị.

Để thực hiện được định hướng trên cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; tăng cường đầu tư phát triển khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, chú trọng phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với việc xây dựng nông thôn mới. Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay phải xuất phát từ những thế mạnh sẵn có của đất nước, tập trung: “phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu, có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất”¹. Với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu chiến lược phát triển đất nước thì Việt Nam cần tăng cường công tác dự báo, triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào nông nghiệp, phát triển nông thôn.

Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” tại Quyết định số 899/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 24.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn hiện nay ở nước ta là thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả thể hiện bằng giá trị và lợi nhuận; sản xuất hàng hóa chất lượng, giá trị cao đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Chú trọng phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, các sản phẩm có giá trị kinh tế cao kết hợp với du lịch sinh thái và phát triển nghề truyền thống; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp, tập trung ưu tiên phát triển công tác nghiên cứu, tạo ra những giống vật nuôi, cây trồng cho năng suất và hiệu quả cao; khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng nông sản tiêu thụ trong nước để thay thế hàng nhập khẩu.

Ba là, cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại trên thế giới đang tiếp tục tăng tốc mạnh mẽ gắn liền với sự phát triển của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với các nội dung rất mới như Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, rôbot mang một số những tính năng của con người... Sự phát triển mới về bản chất và quy mô của lực lượng sản xuất hiện đại thế giới làm sâu sắc hơn quá trình toàn cầu hóa, hình thành “nền kinh tế ảo” xuyên biên giới tách rời tương đối với nền kinh tế thực; hình thành các hình thức kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử, ứng dụng Blockchain; sự chuyển dịch của các dòng vốn, hàng hóa, công nghệ, lao động, các làn sóng di dời các cơ sở sản xuất và chuỗi cung ứng giữa các nước. Các thay đổi quan trọng đó thúc đẩy quá trình xã hội hóa, quốc tế hóa lực lượng sản xuất, quốc tế hóa quan hệ sản xuất (trong đó có các quan hệ sở hữu) không chỉ trong từng nước mà trên bình diện toàn cầu. Đó là cơ sở hình thành những mô hình,

những “kiểu quan hệ sản xuất mới” không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ “biên giới cứng” của một quốc gia, và đã trở thành các kiểu quan hệ sản xuất quốc tế vượt qua khỏi biên giới cứng của từng nước, mà Nhà nước trong từng nước, kể cả các nước phát triển nhất (với thể chế xác định riêng) không thể một mình “điều tiết” có hiệu quả các quan hệ sản xuất quốc tế này, do đó đòi hỏi phải hình thành các chế định, các thể chế quốc tế để điều tiết trên cơ sở hình thành và bảo vệ các giá trị chung giữa các nước, trong khi vẫn tôn trọng các giá trị riêng của từng nước ở mức độ chấp nhận được. Việc thích ứng có hiệu quả với các quá trình này, đòi hỏi phải đổi mới tư duy đạt tới tầm toàn cầu, đây là thách thức rất lớn đối với các nước còn ở trình độ phát triển thấp khi tham gia sâu rộng vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc nắm bắt kịp thời các thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có thể coi là chìa khóa, cơ hội để tạo bước phát triển mang tính đột phá cho nền kinh tế nước ta trong thời gian tới nhằm thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên cũng còn tồn tại nhiều thách thức trong ngắn và trung hạn. Lợi thế về lao động, đặc biệt là lao động chi phí thấp, lợi thế về tài nguyên sẽ giảm đáng kể; các ngành sản xuất thâm dụng lao động, thâm dụng tài nguyên sẽ mất lợi thế và dần bị thu hẹp.

Như vậy, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước được Đại hội VI của Đảng đề ra năm 1986 cũng là hệ quả trực tiếp của đổi mới tư duy mang tính đột phá, trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng đất nước, bối cảnh quốc tế, xu thế phát triển khách quan của đất nước trong thời điểm bước ngoặt đó. Nhưng do hoàn cảnh, điều kiện lịch sử, trình độ phát triển, tư duy đổi mới mang tính đột phá trong hơn 30 năm qua với trọng tâm chủ yếu là đổi mới về kinh tế, thể chế kinh tế với nội dung chủ yếu là: chuyển từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển từ chế độ sở hữu với cấu trúc sở hữu quốc doanh và tập thể chiếm tỷ trọng tuyệt đối sang nền kinh tế đa sở hữu với nhiều thành phần kinh tế cùng

phát triển. Tuy nhiên sự tăng trưởng và phát triển trong hơn 30 năm qua lại chủ yếu nằm trong dòng tư duy và mô hình phát triển theo chiều rộng. Tư duy và mô hình phát triển đó đã phát huy tác dụng chủ đạo trong gần 30 năm qua, nay cần phải thay đổi thích ứng với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất phải gắn với cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt

Để phát triển lực lượng sản xuất cần phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt trên cơ sở yêu cầu, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo đường lối của Đảng. Sở dĩ cần đưa ra phương hướng trên bởi vì:

Thứ nhất, phát triển kinh tế tri thức lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt vì đây là nội dung chủ yếu, là khuynh hướng phát triển chủ đạo của các nước trên thế giới. Đó chính là lợi thế và là cơ hội rút ngắn khoảng cách của nước ta khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Việt Nam thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, với sự bùng nổ của tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ gen, công nghệ nano, công nghệ vật liệu mới... đúng như dự đoán của C.Mác và Ph.Ăngghen từ giữa thế kỷ XIX: tri thức sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp¹. Từ một nền kinh tế nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam phải tiến thành đồng thời hai quá trình: chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp lên kinh tế công nghiệp; chuyển từ kinh tế nông - công nghiệp lên kinh tế tri thức. Trong khi ở các nước đi trước, đó là hai quá trình kế tiếp nhau, thì ở nước ta, tận dụng cơ hội là nước đi sau,

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t. 46, tr. 383.

hai quá trình này được lồng ghép với nhau, kết hợp các bước đi tuần tự với các bước phát triển nhảy vọt, tức là gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức.

Chính vì thế, tại Đại hội lần thứ IX, lần đầu tiên, Đảng ta đưa ra luận điểm quan trọng về phát triển kinh tế tri thức: “Đi nhanh vào công nghệ hiện đại ở những ngành và lĩnh vực then chốt để tạo bước nhảy vọt về công nghệ và kinh tế, tạo tốc độ tăng trưởng vượt trội ở những sản phẩm và dịch vụ chủ lực. Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển. Nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta”¹.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) cũng đã xác định: “*Khoa học, công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế; Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...”².

Thực tiễn cho thấy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình làm chuyển đổi căn bản và toàn diện nền sản xuất xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính với năng suất, chất lượng và hiệu quả thấp sang sử dụng lao động được đào tạo ngày càng nhiều hơn cho năng suất chất lượng và hiệu quả cao hơn dựa trên phương pháp sản xuất công nghiệp, vận dụng những thành tựu mới của khoa học, công nghệ tiên tiến. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành sản xuất có hàm lượng khoa học, công nghệ cao, giá trị gia tăng cao. Thực chất và nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sáng tạo và ứng dụng tri thức do giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sdd, tr. 111-112.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sdd, tr. 78.

tạo ra vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo nên sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Đồng thời, nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xã hội, từ sử dụng lao động thủ công là phổ biến sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động được đào tạo cùng với công nghệ tiên tiến, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Đối với nước ta đó là một quá trình tất yếu để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, Việt Nam cần chú trọng tới chất lượng giáo dục, đào tạo trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta diễn ra trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư nên nó đòi hỏi trình độ của người lao động phải cao. Do đó, chất lượng của nguồn nhân lực là sức mạnh của nội lực và là sức hút chủ yếu của ngoại lực. Chất lượng nguồn nhân lực, tri thức con người phải thông qua giáo dục, đào tạo mới có được. Phát triển kinh tế tri thức được thúc đẩy bởi giáo dục, đào tạo. Sở dĩ như vậy là vì, giáo dục, đào tạo là hoạt động trực tiếp tác động đến việc nâng cao trí tuệ, nâng cao sự hiểu biết và vận dụng những tri thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất của con người. Cho nên, nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người Việt Nam trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo là động lực của sự phát triển kinh tế tri thức, là vấn đề có ý nghĩa sống còn trước xu thế toàn cầu hóa. Trong thời đại ngày nay, giáo dục, đào tạo là con đường tốt nhất để con người luôn luôn tiếp cận kịp thời những thông tin mới nhất, cập nhật, làm giàu thêm nguồn tri thức và năng lực sáng tạo của mình; chỉ có thông qua giáo dục và đào tạo mới tạo dựng, động viên và phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội, trước hết là nguồn lực con người cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đối với Việt Nam, việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới đang đặt ra ngày càng

cấp thiết. Bởi chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo ở nước ta còn thấp so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục, đào tạo ở nước ta còn bị khép kín, thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo, còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Hơn nữa, giáo dục và đào tạo ở nước ta chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, với sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường, dẫn đến tình trạng thừa thầy, thiếu thợ, lực lượng lao động thì đông nhưng thiếu về chất lượng, không cân đối về lao động giữa các ngành, ngành thì nhiều, ngành thì thiếu lao động. Nền giáo dục cũng chưa chú trọng đúng mức đến giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống và kỹ năng, phương pháp làm việc. Phương pháp giáo dục còn lạc hậu, chủ yếu truyền thụ kiến thức một chiều; tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả còn thiếu thực chất, mắc bệnh thành tích. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu. Cơ chế, chính sách, đầu tư cho giáo dục, đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất - kỹ thuật thiếu đồng bộ, còn lạc hậu... Muốn thế, cần tiến hành đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

Thứ ba, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được tích hợp từ những thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại để từ đó tạo ra những sản phẩm có kích thước gọn nhẹ, ít tiêu tốn nguyên, nhiên, vật liệu, sức lao động trong quá trình sản xuất hao phí ít nhưng lại kết tinh giá trị lao động ở trình độ cao, chuyên sâu, từ đó tạo ra sản phẩm có chất lượng, có tính năng vượt trội, có giá trị gia tăng cao, lại thân thiện với môi trường. Phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, hàm lượng tri thức khoa học và giá trị gia tăng của sản phẩm, từ đó tạo thành lợi thế to lớn trong cạnh tranh đối với doanh nghiệp nói riêng cũng như nền kinh tế nói chung trong

quá trình phát triển. Những ưu điểm, tính năng vượt trội của kinh tế tri thức, khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao được kết tinh trong những sản phẩm, dịch vụ đã trở thành những tiêu chí phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước. Nguồn nhân lực chất lượng cao của nước ta đa phần có phẩm chất đạo đức tốt, lại có tư duy năng động, sáng tạo, dễ tiếp thu cái mới, cái tiến bộ, ham học tập, nâng cao trình độ tay nghề, do đó cần phát huy cao độ vai trò của khoa học, công nghệ để phát triển khoa học, công nghệ cao, từng bước đưa khoa học, công nghệ cao thành công nghệ chủ lực hướng tới phát triển kinh tế tri thức.

Thứ tư, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển giúp người tiêu dùng có quyền ưu tiên lựa chọn sản phẩm, dịch vụ do khoa học, công nghệ cao sản xuất, cung ứng, từ đó trong quá trình phát triển cần xây dựng nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ hiện đại, tối ưu nhất. Muốn vậy, cần phải hội nhập và tạo lợi thế cạnh tranh, phải gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt. Tuy nhiên, trình độ khoa học, công nghệ ở Việt Nam hiện nay về cơ bản vẫn ở mức thấp, nền sản xuất còn dựa nhiều vào lao động thủ công, nếu Việt Nam tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách tuần tự thì sẽ khó bắt kịp sự phát triển của thời đại để hội nhập vào nền kinh tế tri thức, làm cho khoảng cách phát triển giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới không thể rút ngắn. Vì vậy, để Việt Nam nhanh chóng hướng tới một nền công nghiệp hiện đại thì cần phải lồng ghép, đan xen công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức. Chính điều đó đã đặt ra yêu cầu cho Việt Nam khi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ sở, định hướng, điều kiện thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Hơn nữa, kinh tế tri thức dựa chủ yếu vào sự phát triển của khoa học, công nghệ cao, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu”¹.

Việc phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ làm nền tảng, cần dựa vào hàm lượng tri thức có trong sản phẩm và sản xuất công nghệ cao thể hiện qua các nhiệm vụ cụ thể:

Một là, cần nhanh chóng thay thế, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, khả năng hội nhập của đất nước. Hiện nay, thế giới đang chuyển sang nền kinh tế tri thức, nên việc phát triển khoa học, công nghệ là cơ sở để ra đời các công nghệ mới (vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ điện tử...) đã làm cho nền kinh tế phát triển theo chiều sâu tức là tăng trưởng kinh tế dựa trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Sự phát triển của khoa học, công nghệ đã thúc đẩy quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đồng thời, sự phát triển của khoa học, công nghệ còn góp phần làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường. Những phát minh, sáng chế mới được ứng dụng trong sản xuất đã giải phóng được lao động nặng nhọc, độc hại cho người lao động và tạo ra sự tăng trưởng nhanh chóng, góp phần vào sự phát triển kinh tế của xã hội hiện đại. Vậy, có thể thấy rằng khoa học, công nghệ không chỉ tạo ra công cụ lao động mới mà còn tạo ra phương pháp sản xuất mới. Điều này mở ra khả năng mới về kết quả sản xuất và tăng năng suất lao động.

Việc phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt trong quá trình phát triển đất nước, nhằm tạo ra bước đột phá trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như mục tiêu, kết hoạch phát triển đất nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 90.

Hai là, cần tập trung phát triển các ngành công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng mới, công nghệ hàng không - vũ trụ... Hiện nay những ngành công nghệ cao được xem là trụ cột của nền kinh tế tri thức. Công nghệ cao được xác định là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại; nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, trị giá gia tăng cao và thân thiện với môi trường; đóng một vai trò rất quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa, công nghiệp hóa các ngành sản xuất, dịch vụ hiện có. Các ngành này được xem là những “đầu tàu” dẫn dắt kinh tế tri thức bởi sự kích ứng và chi phối mạnh mẽ của nó đối với các ngành, các lĩnh vực khác trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đặc biệt, các ngành công nghệ cao có đặc điểm là tốc độ tăng trưởng cao và nhanh chóng; đóng góp to lớn vào nền kinh tế quốc dân và tạo việc làm mới; có khả năng cạnh tranh quốc tế; thời gian từ nghiên cứu khoa học đến sáng tạo công nghệ ngày càng rút ngắn hơn trước; có khả năng thâm nhập trực tiếp, nhanh chóng mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự, quản lý); sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời khai thác nguồn tài nguyên tri thức để khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách có hiệu quả; công nghệ cao không những nối dài các giác quan và tăng sức mạnh vật chất của con người, mà còn mở rộng sức mạnh tư duy, là cơ sở và điều kiện để nâng cao năng lực nhận thức và cải tạo thế giới của con người. Để có các ngành công nghệ cao nói trên, đòi hỏi Việt Nam cần xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao và các đặc khu công nghệ cao; cần xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại; đột phá mạnh mẽ vào công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng mới, công nghệ hàng không - vũ trụ.

Ba là, cần xây dựng và triển khai nội dung, kế hoạch hợp tác khoa học, công nghệ tiên tiến với các nước mạnh về khoa học, công nghệ, coi họ là đối tác chiến lược của Việt Nam. Công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đã thúc đẩy Việt Nam tăng cường hợp tác với các nước và khu vực nhằm tiến hành thực hiện các nhiệm vụ, dự án nghiên cứu chung, các dự án nhập kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ, các hội thảo khoa học, triển lãm công nghệ, trao đổi chuyên gia, tài liệu, thông tin khoa học, v.v.. Cụ thể như công nghệ sản xuất vật liệu composit carbon, đúc chính xác bằng mẫu tự thiêu; công nghệ sản xuất anolit trung tính phục vụ cho các cơ sở nuôi tôm, đánh giá tổn thất môi trường do hoạt động nuôi tôm ở một số vùng ven biển; ứng dụng các công nghệ viễn thám và hệ thống tin địa lý đã lập được các bản đồ chuyên đề phục vụ quy hoạch môi trường cho phát triển bền vững ở vùng ven biển Việt Nam; nghiên cứu xác định được loại vi khuẩn gây bệnh cho tôm ở vùng ven biển; nghiên cứu tạo giống cá chép mang gen hoocmon sinh trưởng tái tổ hợp có tốc độ phát triển nhanh; tăng cường chống chịu và cải tiến được chất lượng giống lúa bằng công nghệ sinh học thực vật; xử lý nước lợ phục vụ sinh hoạt cho dân cư ven biển; mô hình sử dụng năng lượng mặt trời cho vùng sâu, vùng xa, sản xuất các chế phẩm vi sinh, v.v.. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và triển khai nội dung, kế hoạch hợp tác khoa học, công nghệ tiên tiến của các nước mạnh về khoa học, công nghệ vẫn còn gặp nhiều hạn chế như: làm nảy sinh các vấn đề tranh chấp mối liên quan đến sở hữu trí tuệ, bản quyền, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp - những lĩnh vực mà nước ta đang ở trình độ phát triển rất thấp so với họ. Chính vì thế cần hình thành các trung tâm nghiên cứu khoa học xuất sắc trên cơ sở hợp tác dài hạn giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học của Việt Nam và của nước ngoài. Thí điểm hợp tác xây dựng một số viện khoa học, công nghệ tiên tiến có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời, tiếp tục xây dựng mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ, xây dựng báo cáo về thông tin công nghệ quốc tế, hồ sơ công nghệ quốc tế và các báo cáo khác liên quan đến xu hướng phát triển công nghệ ở nước sở tại và thế giới. Tổ chức nhóm chuyên gia theo từng lĩnh vực khoa học, công nghệ ưu tiên của quốc gia, kết hợp giữa chuyên gia công nghệ với chuyên gia quản trị công nghệ; tổ chức

hội nghị, hội thảo khoa học; sinh hoạt chuyên đề, giao lưu giữa các nhóm chuyên gia tìm kiếm công nghệ với các doanh nghiệp, tổ chức cơ quan trong nước có nhu cầu tìm kiếm công nghệ nước ngoài; Tiến hành thí điểm cử các nhà khoa học, công nghệ trẻ Việt Nam vào làm việc trong các doanh nghiệp công nghệ của thế giới.

Bốn là, cần xây dựng các tiêu chí phấn đấu để trở thành một nước công nghiệp hiện đại. Với việc xác định mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới cần xác định là mô hình công nghiệp hóa hiện đại. Chính vì thế cần xác định nội dung cơ bản của công nghiệp hiện đại bao gồm: công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp vật liệu - sản phẩm chủ yếu và tiêu chí của nước công nghiệp Việt Nam. Do đó, Việt Nam cần xây dựng các hệ tiêu chí phát triển công nghiệp hiện đại. Tiêu chí công nghiệp hóa có thể hiểu là những đặc trưng để nhận biết hay để phân biệt trình độ đạt được trong tiến trình công nghiệp hóa. Đây là những chỉ tiêu cần phải hoàn thành trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn khác nhau như thu nhập quốc dân, cơ cấu kinh tế, cơ cấu công nghiệp, cơ cấu lao động, mức độ phát triển công nghiệp chế tác, loại công cụ sản xuất, các hàm sản xuất cơ bản, phương thức sản xuất để xác định. Đảng, Nhà nước luôn đặt ra yêu cầu phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phấn đấu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nhưng chúng ta chưa có tiêu chí để đánh giá và làm thước đo xác định “nước công nghiệp”, “cơ bản trở thành nước công nghiệp” và đặc biệt là “nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Vì thế, cần xây dựng hệ tiêu chí “nước công nghiệp theo hướng hiện đại” đủ rõ để có thể nhìn thấy chúng ta đang đứng ở đâu trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bởi lẽ, tiêu chí xác định một nước công nghiệp theo hướng hiện đại sẽ là thước đo khoa học để đánh giá kết quả đã đạt được một cách cụ thể, rõ ràng, khắc phục tình trạng chủ quan, duy ý chí và là cơ sở để xác định mức độ tiếp cận hay hoàn thành, phát hiện những bất cập, hạn chế, từ đó định hướng và đề ra các mục tiêu, giải pháp thực hiện trong bước đi, giai đoạn kế tiếp.

Để xác định các tiêu chí cần dựa vào kinh nghiệm quốc tế để xác định đối với mỗi chỉ tiêu cần đạt đến mức chuẩn nào là đủ thỏa mãn yêu cầu của một nước công nghiệp hoặc hoàn thành quá trình công nghiệp hóa. Mặt khác, dựa vào số liệu thống kê có thể thu thập được để tính toán các chỉ tiêu tương ứng của nước ta và so sánh với chuẩn đã chọn để đánh giá xem hiện nay chúng ta đang ở điểm nào trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ước lượng mỗi năm ta có thể phát triển được bao nhiêu theo mỗi chỉ tiêu công nghiệp hóa, chúng ta sẽ dễ dàng làm rõ được thời hạn công nghiệp hóa của nước ta còn cần bao nhiêu năm và sắp xếp các nguồn lực ưu tiên hợp lý để đạt được trong thời gian ngắn nhất. Tuy nhiên việc xác định thời gian để hoàn thành các tiêu chí là một việc làm khó khăn trong bối cảnh toàn cầu hóa có nhiều biến động như hiện nay, chính vì vậy, cần phải xác định lộ trình phù hợp, không nóng vội và chủ quan; đồng thời, phải tăng cường xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Các nhà khoa học cho rằng cần xây dựng các tiêu chí để Việt Nam thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại dựa trên 3 tiêu chí lớn: *Thứ nhất là tiêu chí kinh tế*: Việt Nam cần bảo đảm được thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người theo giá hiện hành USD ở mức 6.300-6.500, việc đưa ra mức đề xuất trên phải dựa vào mức của các nước mới công nghiệp hóa (NICs) khi hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao theo phân loại của Ngân hàng thế giới, tiêu chí trên thuộc chỉ tiêu hệ thống thống kê quốc gia của Việt Nam và được so sánh với các nước trên thế giới; Về cơ cấu ngành kinh tế, cần bảo đảm trong nông nghiệp chiếm 10%, công nghiệp là 40-45%, dịch vụ là 45-50%, việc xây dựng tiêu chí cơ cấu ngành kinh tế phải phù hợp với xu thế chung về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tiêu chí trên thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, tham chiếu phân thích quan hệ tương tác giữa các ngành và cơ cấu nội bộ mỗi ngành qua chỉ tiêu tỷ trọng công nghiệp chế biến, tỷ trọng các ngành công nghiệp cao; Về tiêu chí cơ cấu lao động phải bảo đảm nông nghiệp là dưới 30%, công nghiệp là dưới 35%, dịch vụ là trên 35%, việc xây dựng tiêu chí trên dựa vào

việc phù hợp với xu thế chung về chuyển dịch cơ cấu lao động. Tiêu chí này thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia của Việt Nam, gắn với nâng cao chất lượng lao động theo yêu cầu nâng cao trình độ công nghệ; Về chỉ số kinh tế tri thức (KEI) phải bảo đảm lớn hơn 7/10 điểm. Việc xây dựng tiêu chí KEI dựa vào bốn trụ cột cơ bản: thể chế kinh tế, hệ thống đổi mới công nghệ, giáo dục và nguồn nhân lực, công nghệ thông tin và truyền thông. Hiện nay nước ta chưa có chỉ số KEI trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. *Thứ hai là tiêu chí xã hội*: có tiêu chí tỷ lệ đô thị hóa phải trên 50%, sở dĩ như vậy là do đo bằng tỷ lệ dân số đô thị trong tổng dân số, tiêu chí này đã nằm trong hệ thống chỉ tiêu thống kê của nước ta, cần chú ý tới việc phát triển đô thị sinh thái và quản lý đô thị; Chỉ số phát triển con người (HDI) phải đạt trên 7,0/10 điểm, bởi tiêu chí này bao hàm cả tuổi thọ trung bình, phổ cập giáo dục và mức sống bình quân của người dân, tiêu chí này thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia của Việt Nam; Hệ số GINI¹ phải đạt từ 0,4-0,45/1, tiêu chí trên bao hàm cả chênh lệch thu nhập, độ bao phủ các chính sách an sinh xã hội, tiêu chí trên thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia của Việt Nam. *Thứ ba là tiêu chí môi trường*: bao gồm chỉ số bền vững môi trường (ESI) phải đạt trên 55,0/100 điểm vì tiêu chí này thể hiện toàn diện chất lượng môi trường (chất lượng nước, không khí, giảm chất thải, tiếp cận nước sạch) và giảm tổn thương do thảm họa môi trường, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được coi là yếu tố tiền đề và nền tảng cho phát triển, đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, nâng cao năng lực đổi mới, bảo đảm sự ổn định về mặt xã hội².

Vậy, với việc đề ra những tiêu chí để trở thành nước công nghiệp hiện đại là cơ sở, định hướng để nước ta đặt ra kế hoạch, mục tiêu,

1. Hệ số biểu thị độ bất bình đẳng trong thu nhập trên nhiều vùng, miền, tầng lớp của một đất nước (B.T).

2. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Sđd, tr. 190-201.

nhiệm vụ cụ thể để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất của Việt Nam hiện nay.

3. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 phải trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực trong nước đồng thời thu hút hiệu quả các nguồn lực nước ngoài

Cùng với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt, Việt Nam phải nhanh chóng hội nhập và bắt kịp với trình độ khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới để rút ngắn quãng thời gian thực hiện các bước đi tuần tự, thực hiện nhảy vọt công nghệ, chuyển sang các ngành công nghệ cao nhằm phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Bởi lẽ:

Thứ nhất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất nhằm phát triển toàn bộ nền kinh tế - xã hội của đất nước trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước đồng thời thu hút hiệu quả các nguồn lực nước ngoài trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Trước hết, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tạo điều kiện nhằm phát huy mọi nguồn lực trong nước, những năng lực nội sinh vốn có của khoa học, công nghệ. Việc kế thừa, tiếp thu các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cũng đặt ra những yêu cầu nâng cao tri thức khoa học, trình độ tay nghề, chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động,... của người lao động để tiếp nhận, vận hành, làm chủ và phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Thứ hai, phát huy tối đa những tri thức khoa học, trình độ, tay nghề, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp,... trong quá trình lao động, sản xuất; mọi nguồn lực trong nước kết hợp với khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới được kết tinh vào người lao động, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, vốn là nguồn lực quan trọng bậc nhất, là lợi thế hàng đầu của nước ta trong việc

phát triển lực lượng sản xuất đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh đó, Việt Nam cần kết hợp các nguồn lực nước ngoài để góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, nâng cao chất lượng sống của nhân dân, bảo đảm quốc phòng và an ninh; từ đó dần chuyển nền kinh tế lạc hậu, chất lượng hiệu quả thấp dựa vào sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp là chính sang nền kinh tế có năng suất, chất lượng hiệu quả cao theo phương pháp sản xuất công nghiệp. Đây là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là yếu tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng an ninh.

Thứ ba, việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất phải kết hợp với các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ góp phần quan trọng trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng lối sống, đạo đức và nhân cách mới của toàn bộ xã hội. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không chỉ là quá trình đổi mới về khoa học, công nghệ, hiện đại hóa, thị trường hóa nền sản xuất xã hội mà còn là quá trình chuyển đổi về tâm lý, phong tục tập quán, lối sống thích ứng với nhịp độ và tốc độ của xã hội công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế. Các chủ trương, quyết định, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng phải có luận cứ xác đáng về khoa học, công nghệ. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phải hướng vào giải quyết có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội. Mọi ngành, mọi cấp phải đẩy mạnh việc triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học, công nghệ vào hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, từ việc định hướng chiến lược phát triển, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đến việc tổ chức thực hiện. Đặc biệt, trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, cần phải làm thay đổi tư duy,

cách nghĩ, cách làm, nhanh chóng ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo ra các ngành nghề mới, các sản phẩm mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Ứng dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới không phải chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

Để thực hiện được điều này, Việt Nam cần tiến hành những nhiệm vụ sau:

Một là, cần đẩy mạnh khoa học, công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong phương hướng phát triển cần xác định khoa học, công nghệ thực sự trở thành cơ sở, nền tảng vững chắc, là động lực hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Trên cơ sở đó, việc xây dựng phương hướng, mục tiêu, giải pháp phát huy vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất phải gắn với việc phát huy mọi nguồn lực trong nước cho phép Việt Nam phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc bảo tồn, bảo vệ nguồn tài nguyên sẵn có, như: vị trí tự nhiên, khí hậu bốn mùa rõ rệt và nóng, ẩm quanh năm, hệ thống sông ngòi, kênh rạch nhiều, nền đất yếu, tài nguyên đang bị khai thác cạn kiệt, bảo vệ tài nguyên môi trường chưa được quan tâm đúng mức... Đó vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với các ngành như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sạch, công nghệ vật liệu nhẹ... Mặt khác, với hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật phát triển, gồm: hệ thống chợ, cảng biển, hệ thống đường giao thông thủy, bộ và hàng không, hệ thống thông tin liên lạc, cách dịch vụ chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường tương đối phát triển; cùng với đó là những cơ sở sản xuất với trang thiết bị tiên tiến, hiện đại hiện có đã đặt ra yêu cầu và cho phép Việt Nam phát huy tối đa hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để phát triển sản xuất, ổn định đời sống kinh tế - xã hội, từ đó từng bước hiện đại hóa công nghệ, chuyển từ sản xuất sản phẩm có

giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học, công nghệ thấp sang sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa, hàm lượng khoa học, công nghệ cao nhằm tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển lực lượng sản xuất. Việc ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ để phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu, có lợi thế so sánh để từ đó xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ và những sản phẩm chủ yếu mà Việt Nam có điều kiện, lợi thế tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu như: tập trung phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, có chiến lược lựa chọn ưu tiên phát triển nhóm ngành cơ khí và luyện kim (đầu tư phát triển sản xuất thép chế tạo cho ngành cơ khí: thép tấm, thép hình, thép hợp kim); hóa chất (ưu tiên nhóm sản phẩm hóa dầu); chế biến nông, lâm, thủy sản (ưu tiên sản phẩm chế biến xuất khẩu có tính cạnh tranh cao, kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng cho nông, lâm, thủy sản Việt Nam); dệt may, da giày (thúc đẩy các thị trường tiềm năng như Nga, Trung Đông, Đông Âu, châu Phi; xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ mang thương hiệu Việt Nam); điện tử và viễn thông (khuyến khích phát triển các phần mềm, đặc biệt là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng, điện tử, viễn thông, đáp ứng nhu cầu nội địa); năng lượng mới và năng lượng tái tạo (tập trung ứng dụng công nghệ cao cho nguồn phát điện năng lượng mặt trời, gió, biogas, biomas, địa nhiệt..., đối với năng lượng vì mục đích hòa bình tiếp tục nghiên cứu về an toàn hạt nhân và các công nghệ điện nguyên tử phổ biến hiện nay). Cùng với những đặc điểm về tự nhiên, thế mạnh về hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối hoàn thiện phục vụ nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì Việt Nam còn có nguồn lực vô cùng to lớn đó là nguồn lao động dồi dào và đang nâng dần về chất lượng đào tạo, có khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ hiện đại. Đây là lợi thế, tiềm năng to lớn để Việt Nam phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm hướng tới một nền công nghiệp hiện đại.

Hai là, cần dựa vào điều kiện phát triển sẵn có, cùng lúc huy động tối đa mọi nguồn nhân lực trong nước để tạo thành tiềm năng,

thế mạnh vốn có, đồng thời phải tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ tiến bộ của khu vực và thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy khoa học, công nghệ trên thế giới phát triển với tốc độ như vũ bão, với khả năng tích hợp và sức lan tỏa cao, vòng đời khoa học, công nghệ ngày càng ngắn hơn. Để tránh nguy cơ tụt hậu chúng ta cần tạo những bước đột phá nhằm “đi tắt, đón đầu” “đứng trên vai người khổng lồ”, đưa Việt Nam nhanh chóng phát triển ngang tầm với các nước phát triển, hiện đại của khu vực và thế giới. Do đó, Việt Nam cần phát huy mọi nguồn lực trong nước kết hợp với việc tiếp thu có hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ tiến bộ của khu vực và thế giới, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và mang tính hội nhập cao. Bởi hiện nay, thế giới đang hội nhập và tiến vào nền kinh tế tri thức với công nghệ cao là chủ đạo, trong khi đó công nghệ của Việt Nam vẫn còn ở trình độ thấp, sản xuất còn chủ yếu là dựa vào lao động giản đơn. Chính điều đó đã đặt ra yêu cầu Việt Nam phải nghiên cứu, tiếp thu những tiến bộ, thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại trên thế giới để hiện đại hóa công nghệ, nâng cao sức sản xuất, hàm lượng giá trị gia tăng của nền kinh tế. Việt Nam đang tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Yêu cầu hội nhập đã đặt ra những tiêu chuẩn về hàm lượng tri thức khoa học, hàm lượng giá trị gia tăng trong công nghệ, sản phẩm, dịch vụ được cung ứng vào thị trường, nếu không đáp ứng được những tiêu chuẩn đó, Việt Nam sẽ bị thua ở thị trường trong nước và trên thế giới. Vì vậy, cần đặt ra yêu cầu phải đổi mới thiết bị công nghệ, mở rộng kinh doanh. Mặt khác, việc nghiên cứu tiếp thu những tiến bộ, thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại của thế giới để phát triển những công nghệ trọng yếu làm nền tảng, động lực, đòn bẩy thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển lực lượng sản xuất trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Những phương hướng cơ bản nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay đã thể hiện tư tưởng, quan điểm của Đảng, Nhà nước về vai trò, sứ mệnh của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với việc thực hiện yêu cầu,

mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời phát huy tối đa những tiềm năng, thế mạnh sẵn có kết hợp với việc tiếp thu những thành tựu của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới nhằm phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, để những phương hướng, mục tiêu đó phát huy tác dụng hiệu quả, chuyển hóa đời sống xã hội, Việt Nam cần xây dựng, tổ chức thực hiện đồng bộ một hệ thống giải pháp khoa học, phù hợp, mang ý nghĩa khả thi cao trong việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NHẪM PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Xây dựng, hoàn thiện chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Từ thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất, để hiện thực vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào trong thực tiễn sản xuất vật chất và đời sống xã hội, giải pháp đầu tiên cần phải đẩy mạnh là việc xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách. Bởi lẽ:

Một là, xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách vừa thể hiện ý chí, quyền lực, năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý xã hội của Đảng, chính quyền, vừa là định hướng, đặt ra mục tiêu, nội dung cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay. Không những thế, việc xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách còn tạo ra khung hành lang pháp lý, tạo môi trường để công nghiệp

hóa, hiện đại hóa phát triển và phát huy vai trò của nó đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

Hai là, việc xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách còn có tác dụng là đòn bẩy quan trọng để thúc đẩy, khuyến khích, điều chỉnh việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất đối với từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương. Chính những điều này đã đặt ra yêu cầu đẩy mạnh việc xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất.

Như vậy, để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu, chiến lược phát triển của đất nước thì giải pháp đầu tiên phải là xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách. Việc xây dựng chủ trương, đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay thể hiện qua những nhiệm vụ và giải pháp sau:

1.1. Xây dựng, hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Với yêu cầu cần bảo đảm việc xây dựng Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng thì cần phải hoàn thiện nhà nước pháp quyền để thực hiện hiệu quả cao chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước. Chăm lo, phục vụ Nhân dân, bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của người lao động. Bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân lao động và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền; tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, trước hết là quy trình xây dựng luật, pháp lệnh; luật, pháp lệnh cần tăng tính cụ thể, tính khả thi để đưa nhanh vào cuộc sống. Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; xác định rõ hoạt động điều tra theo tố tụng và hoạt động trình sát trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tiếp tục đổi mới và kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Tăng cường các cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

1.2. Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, tập trung vào quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực

Để tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần phải đổi mới công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước, nâng cao chất lượng công tác xây dựng thể chế, chính sách. Hơn nữa, trên cơ sở khắc phục sự chồng chéo hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý để xây dựng tốt việc phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ nhằm bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, vì vậy cần xây dựng, hoàn thiện các cơ chế phân cấp theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời bảo đảm sự quản lý thống nhất từ trung ương tới địa phương. Rà soát, điều chỉnh, khắc phục

những chồng chéo, không rõ về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với các sở, ngành cấp tỉnh.

Xây dựng cơ chế ưu đãi đối với các ngành, nghề có lợi thế cạnh tranh, có giá trị xuất khẩu lớn, ngành huyết mạch như điện và năng lượng, hạ tầng và giao thông đường sắt, biển, hàng không, lấy đó là điểm tựa lôi kéo, phát triển, lan tỏa, đúc rút kinh nghiệm cho những ngành nghề, khu vực đi sau. Cần tiếp tục thực hiện Quyết định số 702/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Đề án công nghiệp hóa, hiện đại hóa Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Nâng cao quy hoạch đầu tư và thực hiện quản lý đầu tư theo quy hoạch. Muốn vậy, cần xây dựng cơ chế nâng cao chất lượng công tác quản lý, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, bảo đảm các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng. Cần tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm hệ thống luật của Quốc hội, chính sách của Nhà nước ban hành, như: Luật Công nghệ cao năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014); Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao; Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển (bao gồm 58 công nghệ thay vì 46 công nghệ như trước đây). Thông tư số 13/2015/TT-BNN&PTNT ngày 10/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Nhà nước tăng cường đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn. Tiếp tục đẩy mạnh giao quyền

tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài Nhà nước trên cơ sở các định mức, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật và sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính, từng bước thực hiện chính quyền điện tử, số hóa trong quản lý hành chính. Nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hóa các loại dịch vụ công phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu 100% đơn vị, cơ quan điều hành các cấp xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008. Đặc biệt coi trọng công tác cải cách thủ tục hành chính theo phương thức một cửa liên thông.

1.3. Xây dựng, hoàn thiện các công cụ của chính sách tiền tệ một cách chủ động và linh hoạt theo diễn biến cụ thể của thị trường. Việt Nam cần nhanh chóng hoàn thiện khung thể chế tài chính, vì đây là cơ sở để điều chỉnh mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giảm theo kỳ vọng của thị trường về lạm phát với lãi suất hợp lý bảo đảm hài hòa lợi ích của người tiết kiệm, người đầu tư và các tổ chức tín dụng, đồng thời, góp phần tích cực vào kiềm chế lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền.

Bên cạnh đó, cũng cần thực hiện tốt các chủ trương, cơ chế, chính sách nhằm phát triển, phát huy vai trò của khoa học, công nghệ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết nối những tổ chức, các nhà khoa học với các doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy việc nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cũng như việc đẩy nhanh những ứng dụng, những thành tựu khoa học, công nghệ vào thực tiễn cũng như việc xây dựng, phát triển đất nước ngày càng văn minh, hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới.

Đồng thời cần thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, kiểm soát mức tăng tổng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán với quy mô và hình thức thích hợp. Thực hiện điều hành cung ứng tiền tệ và tín dụng một cách chủ động và linh hoạt tùy theo diễn biến của thị trường; đồng thời, có chính sách hợp lý ưu tiên phân bổ tín dụng cho sản xuất nông nghiệp và các ngành liên quan phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu, các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng người lao động nhằm bảo đảm an sinh xã hội. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để ổn định chính trị - xã hội, phát triển bền vững. An sinh xã hội được xác định là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội, nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bảo đảm an sinh xã hội là điều kiện để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường, phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Do vậy Việt Nam phải cơ bản hình thành hệ thống an sinh xã hội bao phủ toàn dân, bảo đảm cho người dân tiếp cận đến các chính sách việc làm, giảm nghèo, tham gia bảo hiểm xã hội, hỗ trợ những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi thu thập thấp, người khuyết tật nặng, người nghèo...), tăng cường các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin), từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng của nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý, các chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội. Cụ thể là: **Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật về an sinh xã hội**, trong đó cần nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Tiền lương tối thiểu, Luật Cứu trợ xã hội, Luật Ưu đãi xã hội; nghiên cứu ban hành các văn bản pháp luật về an sinh xã hội cộng đồng nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, hiệu quả các quy định, chính sách, chế độ an sinh xã hội; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách hiện hành về an sinh xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, ưu đãi

xã hội, hệ thống hỗ trợ tích cực...; Phối hợp đồng bộ chính sách an sinh xã hội với các chính sách kinh tế - xã hội khác, như chính sách việc làm, chính sách tiền lương và thu nhập, thực hiện các chương trình hỗ trợ tích cực, các chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo bền vững..., tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho các đối tượng và vùng đặc thù.

2. Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Mô hình tăng trưởng nền kinh tế là xác lập định hướng, cách thức vận hành nền kinh tế để đạt các mục tiêu tăng trưởng, phát triển. Cơ cấu lại nền kinh tế là việc thực hiện hay hiện thực hóa cách thức vận hành nền kinh tế đã được lựa chọn. Trong điều kiện hiện nay, tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế phải là quá trình hiện thực hiệu quả ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường. Do đó cần phải thực hiện giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế và tái cơ cấu nền kinh tế vì:

Một là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong hơn 30 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều mặt. Kinh tế vĩ mô trong suốt thời kỳ về cơ bản duy trì ổn định; các cân đối lớn của nền kinh tế nhìn chung vẫn được bảo đảm. Tuy vậy, trong thời gian gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã bộc lộ không ít yếu kém nội tại. Tăng trưởng GDP tuy vẫn ở mức tương đối cao nhưng đang có xu hướng chậm lại; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Trong khi tốc độ tăng trưởng giảm sút, thì lạm phát luôn ở mức cao. Các cân đối vĩ mô (gồm cân đối cán cân vãng lai, cân đối ngân sách, cân đối tiết kiệm nội địa và đầu tư xã hội, dự trữ ngoại tệ quốc gia, v.v.) chưa vững chắc, nợ nước ngoài và nợ công có xu hướng gia tăng; nợ xấu ngân hàng tăng mạnh. Đồng thời, tăng trưởng theo chiều rộng đang bị thu hẹp dần, thậm chí có yếu tố đã cạn kiệt nguồn khai thác nhưng động lực của tăng trưởng theo chiều sâu (hiệu quả sử dụng

nguồn lực, năng suất lao động, năng suất tổng hợp) lại không tăng, không được cải thiện để bù đắp sự suy giảm của động lực tăng trưởng theo chiều rộng. Tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế đang giảm; bản thân nền kinh tế tự nó không còn khả năng đạt mức tăng trưởng cao như trước đây. Văn kiện Đại hội XII của Đảng cũng đã xác định: “Trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững”¹.

Hai là, hiện nay công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta không còn khả năng duy trì mức tăng trưởng cao và bền vững. Trong mấy năm gần đây, đóng góp của TFP (năng suất yếu tố tổng hợp) vào tăng trưởng đã giảm xuống một cách đáng kể, chỉ còn một tỷ trọng nhỏ trong tăng trưởng GDP. Tăng trưởng chủ yếu nhờ vào tăng số lượng vốn đầu tư. Do hiệu quả đầu tư thấp và có xu hướng giảm xuống, nên tuy đầu tư vẫn cao, nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt mức như kế hoạch. Chính vì thế, Việt Nam càng đầu tư nhiều thì càng lạm phát gia tăng và bất ổn kinh tế vĩ mô. Đóng góp của lao động vào tăng trưởng không lớn, và cũng có phần suy giảm. Với cách tăng trưởng như trên, thì lợi ích của tăng trưởng chủ yếu dành cho người sở hữu vốn; bất bình đẳng thu nhập gia tăng, bất lợi cho người lao động. Cách thức tăng trưởng đó rõ ràng không thể tiếp tục, và tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng đã trở nên cần thiết. Chính vì vậy, Đảng, Nhà nước ta đã tiến hành đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế có quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế, bởi để thực hiện việc đổi mới mô hình tăng trưởng, phải cơ cấu lại nền kinh tế, nhằm khắc phục những khuyết tật, những hạn chế nảy sinh trong quá trình tăng trưởng; đồng thời xây dựng một cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu của mô hình tăng trưởng... Do đó,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 37.

trong thời gian tới, kinh tế thế giới phục hồi chậm và còn nhiều khó khăn, khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới. Ở trong nước, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế; việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức...

Trong bối cảnh đó, để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh, đạt được mục tiêu bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô Việt Nam cần thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh - bền vững. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng an ninh. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Chú trọng phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các khu kinh tế, các khu công nghiệp tạo sức lan tỏa, kết nối, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời chăm lo phát triển hài hòa các khu vực, các địa bàn còn nhiều khó khăn. Sớm triển khai xây dựng hiệu quả một số đặc khu kinh tế. Nâng cao hiệu quả và tập trung nguồn lực đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường. Khuyến khích khu vực ngoài nhà nước đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

Thứ hai, cơ cấu lại nền kinh tế. Việc cơ cấu lại nền kinh tế phải vừa khai thác lợi thế cạnh tranh hiện có, vừa tạo điều kiện để hình thành và xây dựng các lợi thế cạnh tranh trong tương lai ở một số

ngành của nền kinh tế. Đồng thời, Đảng xác định, cần cơ cấu lại nền kinh tế: “Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”¹. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế cần chú trọng với việc phát triển theo ngành, nghề, lĩnh vực, lãnh thổ và cơ sở hạ tầng của nước ta. Cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hội nhập và định hướng xuất khẩu; kết nối được nền kinh tế nước ta với nền kinh tế khu vực và toàn cầu; cải thiện vị thế của từng doanh nghiệp, từng ngành và cả nền kinh tế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Chú trọng việc nâng cao hiệu quả tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; những nguy cơ, thách thức của biến đổi khí hậu... Do đó, phải tận dụng tối đa các cơ hội phát triển, hạn chế thấp nhất các nhân tố bất lợi, biến nguy cơ thành cơ hội. Phấn đấu đến năm 2025 có 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, kiểu mẫu; 50% số huyện, thị xã đạt chuẩn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó có 10% được công nhận huyện, thị xã nông thôn kiểu mẫu; có ít nhất 9 tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập bình quân tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020². Đồng thời, đẩy mạnh tái cơ cấu công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến chế tạo, năng lực xây lắp kỹ thuật cao. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,0-8,5%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng khu vực công nghiệp trong GDP khoảng 40%. Tỷ trọng hàng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 90.

2. Mạnh Tùng, Phương Liên: “Phấn đấu đến năm 2025 có 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới”, 2019, <https://baodautu.vn/phan-dau-den-nam-2025-co-75-so-xa-dat-chuan-nong-thon-moi-d109419.html>.

công nghiệp xuất khẩu/tổng kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 85-88%, sau năm 2025 đạt trên 90%¹. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nhanh các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có lợi thế, có công nghệ và giá trị gia tăng cao. Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân 6,6-7,1%/năm. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đạt 45% vào năm 2020². Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 43-44% vào năm 2025³.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế để cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, nâng cao năng lực quản trị, tiềm lực tài chính, chất lượng tín dụng, hiệu quả hoạt động, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế. Tập trung tái cơ cấu các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém. Tăng cường thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng, ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật, thao túng, gây hậu quả nghiêm trọng, xử lý nghiêm các sai phạm.

Nhìn chung cần đẩy mạnh tái cơ cấu theo hướng cơ khí hóa, điện khí hóa, hiện đại hóa, tập trung khoa học, công nghệ phát triển một số ngành sản xuất chính, sản phẩm chính có chất lượng tốt, tính cạnh tranh cao.

Thứ ba, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước và tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước. Việc chú trọng nguồn vốn dành cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải hài hòa giữa nội lực (tích lũy của nền kinh tế) kết hợp với ngoại lực (vay ODA, Liên kết PPP (hợp tác công - tư), đầu tư trực tiếp (FDI). Sử dụng đồng bộ các giải pháp nhằm khuyến khích

1. Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sdd, tr. 281-286.

3. Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

sự tham gia của các thành phần kinh tế, sử dụng có hiệu quả và kịp thời các nguồn tài chính trong và ngoài nước đầu tư vào việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đối với nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước cần bố trí vốn tập trung ưu tiên cho vốn đối ứng các dự án ODA quan trọng; thu hồi vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; vốn cho các công trình chuyển tiếp cấp thiết; hỗ trợ cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng theo hình thức đối tác công - tư (PPP); đầu tư cho xây dựng nông thôn mới và các vùng còn nhiều khó khăn. Phân cấp rõ, đề cao trách nhiệm, tạo sự chủ động cho các bộ, ngành, địa phương trong quản lý đầu tư công, bảo đảm công khai, minh bạch. Khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ gia đình. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng nhiều lao động. Phát triển bền vững và nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Muốn vậy, Đảng và Nhà nước cần ban hành các văn bản định hướng, hoàn thiện thể chế liên quan đến đầu tư nước ngoài quan trọng như: Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị. Đồng thời, để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư và phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế cần thực hiện tốt Chỉ thị số 27/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương, hằng năm rà soát, đánh giá việc đàm phán, ký và thực hiện các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế của Việt Nam về đầu tư; song song với đó là đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực của các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về đầu tư không còn phù hợp với Việt Nam; xử lý kịp thời các vướng

mắc, khó khăn, đặc biệt là các nguyên nhân cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về đầu tư.

3. Phát triển nguồn nhân lực nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Từ thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với sự phát triển của yếu tố người lao động trong lực lượng sản xuất; đồng thời để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay cần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, bởi lẽ:

Một là, đây vừa là cơ sở, định hướng, điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất, vừa là mục tiêu phát triển nền kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung. Đây cũng là cơ sở để phát hiện những điều chưa phù hợp, những hạn chế, bất cập về việc phát triển, phát huy vai trò của nguồn nhân lực; là nơi để triển khai, hướng dẫn, thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển nguồn nhân lực; là nơi để kết nối những tổ chức, nhà khoa học với các doanh nghiệp từ đó thúc đẩy việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời góp phần nâng cao hơn nữa công tác tổ chức, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay. Đảng ta đã xác định phải lấy việc phát huy chất lượng nguồn nhân lực làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Hai là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xã hội, từ sử dụng lao động thủ công là phổ biến sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động được đào tạo cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Nguồn nhân lực là nguồn cung cấp sức lao động cho xã hội, là tổng hòa của các yếu tố: thể lực, trí lực và tâm lực của người lao động. Ngày nay, khi cuộc cách mạng khoa học, công nghệ đang diễn ra rất nhanh chóng

và toàn diện trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, vai trò quan trọng của nguồn nhân lực càng được khẳng định rõ ràng, nó trở thành nguồn lực giữ vai trò quyết định quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ vừa tạo ra cơ hội lớn, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mỗi quốc gia, dân tộc, nhất là các nước đang phát triển. Do vậy, Việt Nam cần có chiến lược phát triển nguồn lực con người đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

Ba là, việc phát triển nguồn nhân lực mang tính chiến lược. Trong điều kiện xã hội đang chuyển sang nền kinh tế tri thức, các nhân tố công nghệ, vốn, nguyên vật liệu đang giảm dần vai trò. Bên cạnh đó, nhân tố tri thức của con người ngày càng chiếm vị trí quan trọng. Nguồn nhân lực có tính năng động, sáng tạo và hoạt động trí óc của con người ngày càng trở nên quan trọng. Hơn nữa, nguồn nhân lực là nguồn lực lâu bền và quyết định bởi xã hội không ngừng tiến lên, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển thì nguồn lực con người càng có vai trò to lớn. Cần khai thác nguồn lực này đúng cách sẽ tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của con người.

Tuy nhiên, hiện nay nguồn nhân lực nước ta đang gặp phải một số hạn chế như: chất lượng đào tạo, cơ cấu theo ngành, nghề, lĩnh vực, sự phân bố theo vùng, miền, địa phương của nguồn nhân lực chưa thực sự phù hợp với nhu cầu sử dụng của xã hội, gây lãng phí nguồn lực của Nhà nước và xã hội; đội ngũ nhân lực chất lượng cao, công nhân lành nghề vẫn còn rất thiếu so với nhu cầu xã hội để phát triển các ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam, nhất là để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng như nâng cấp vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị đó; Người lao động chưa được sử dụng hiệu quả; Người lao động còn kém về năng lực thực hành và khả năng thích nghi trong môi trường cạnh tranh công nghiệp; Khả năng làm việc theo nhóm, tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực còn rất hạn chế; Trong môi trường làm việc có yếu tố nước ngoài, năng lực sử dụng ngoại ngữ, hiểu biết văn hóa thế giới vẫn là điểm yếu của lao động Việt Nam; tinh thần trách

nhệm làm việc, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công dân, ý thức văn hóa công nghiệp, kỷ luật lao động của một bộ phận đáng kể người lao động chưa cao; Năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Mặt khác, đáng lo ngại là năng suất lao động của Việt Nam có xu hướng tăng chậm hơn so với các nước đang phát triển trong khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia. Hơn nữa, lực lượng lao động nước ta lại khá đông. Điều đó đặt ra yêu cầu quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam.

Do vậy, việc phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay là một yêu cầu cấp thiết. Để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, Việt Nam cần tập trung một số yếu tố sau:

Thứ nhất, xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cần phải thường xuyên, liên tục xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như tiến hành đánh giá năng lực, trình độ, khả năng đáp ứng công việc thực tế, khả năng làm chủ phát triển công nghệ theo từng vị trí công tác. Cần tiến hành xây dựng mục tiêu, chương trình phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực của các doanh nghiệp, của từng đơn vị cơ sở để từ đó có kế hoạch và tổ chức đào tạo nâng cao trình độ khoa học, công nghệ, từng kỹ năng, nghiệp vụ, tác phong,... đối với từng đối tượng lao động cụ thể. Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất. Do đó, cần chú trọng tới việc phát triển toàn diện nguồn nhân lực với tư cách là chủ thể tham gia vào trong quá trình sản xuất vật chất. Người lao động không chỉ có sức khỏe tốt, trình độ chuyên môn cao mà còn cần phải có năng lực, đạo đức, phẩm chất tốt. Khi đó, tinh thần, thái độ, động lực làm việc của họ cùng với công cụ lao động họ đã tác động vào đối tượng lao động để tạo ra những sản phẩm đạt yêu cầu, thân thiện với môi trường. Đảng ta nhấn mạnh: “tạo điều kiện để xây dựng con người Việt Nam đẹp về nhân cách, đạo đức, tâm hồn; cao về trí tuệ, năng

lực, kỹ năng sáng tạo; khỏe về thể chất; nâng cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật; phát huy tốt vai trò chủ thể sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”¹. Có như vậy người lao động mới được phát triển toàn diện cả về thể chất, văn hóa, đạo đức lẫn trình độ chuyên môn.

Cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau. Chú trọng tới tính chuyên nghiệp, kỹ năng thực hành của người lao động trong quá trình đào tạo họ. Cần nâng cao trình độ học vấn của nguồn nhân lực Việt Nam. Xây dựng toàn xã hội học tập và làm việc. Bên cạnh đó, Nhà nước phải có kế hoạch phối hợp tạo nguồn nhân lực từ nông dân, công nhân, trí thức; có kế hoạch khai thác, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng các nguồn nhân lực cho đúng. Cần xây dựng kỹ năng nghề cho người lao động và an toàn vệ sinh lao động nhằm ngăn ngừa tai nạn xảy ra trong quá trình tác nghiệp. Hướng dẫn cơ sở đào tạo căn cứ đặc điểm thị trường tiếp nhận lao động để rèn luyện tác phong lao động công nghiệp cho người lao động. Cụ thể: đối với lao động đi tu nghiệp tại Nhật Bản thì cơ sở đào tạo phải rèn cho người lao động bỏ thói quen ngủ trưa, đi làm việc đúng giờ, tác nghiệp phải chính xác, tu nghiệp sinh chỉ được thực hiện công việc khi đã hiểu rõ yêu cầu của người quản lý... Cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đẩy mạnh đào tạo kỹ năng, năng lực thực hành, phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế và nhu cầu học tập suốt đời của người dân, chuẩn hóa chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

Do đó, việc xây dựng chiến lược nguồn nhân lực gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế; xác định thật rõ xây dựng nguồn nhân lực là trách nhiệm của các nhà hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Đồng thời, cần khai thác, đào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 29.

tạo, sử dụng nguồn nhân lực, tạo một chuyển biến thật sự mạnh mẽ trong việc khai thác, đào tạo, sử dụng từ nguồn nhân lực trong công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, dịch vụ.

Thứ hai, sử dụng hiệu quả, hợp lý nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực là nguồn lực quý giá, là năng lực nội sinh của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay cần được sử dụng hợp lý, hiệu quả để phát huy vai trò làm cơ sở, động lực, điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Mặc khác, việc sử dụng nguồn nhân lực của nước ta còn nhiều tồn tại, bất cập như: nguồn nhân lực đào tạo chưa được sử dụng hiệu quả, chưa phát huy đúng chuyên ngành, năng lực chuyên môn chưa gắn với cơ sở sản xuất kinh doanh, tình trạng coi trọng bằng cấp vẫn đang còn phổ biến, đời sống người lao động đang còn nghèo, lạc hậu, trình độ văn hóa, nhu cầu giải trí chưa cao... Chính những điều đó đã đặt ra yêu cầu Việt Nam cần phải đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về phát triển nhân lực. Trong đó, cần tập trung vào việc hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nhân lực. Cần hình thành một cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, xây dựng hệ thống thông tin về cung - cầu nhân lực trên địa bàn cả nước nhằm bảo đảm cân đối cung - cầu nhân lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực, kỹ năng công tác; kết hợp đào tạo, bồi dưỡng với luân chuyển để rèn luyện trong thực tiễn. Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu cấp chiến lược. Gắn chính sách tinh giản biên chế với việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Có chính sách phù hợp với đội ngũ chuyên gia, chính sách thu hút người tài vào làm việc trong cơ quan của hệ thống chính trị; thu hút cán bộ trẻ, có trình độ đại học về công tác ở cơ sở; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, thanh

niên ưu tú ở địa phương bổ sung cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện thi tuyển các chức danh quản lý ở trung ương (đến cấp vụ trưởng) và ở địa phương (đến cấp giám đốc sở) và tương đương. Sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn bằng cấp đối với cán bộ, công chức theo hướng thiết thực, tránh hình thức và phù hợp với thực tế.

Thứ ba, chú trọng việc phân bố nguồn lao động hợp lý, hiệu quả. Việc phân bố nguồn nhân lực là cơ sở, động lực trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc phát triển nguồn nhân lực cần đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm cân bằng hơn giữa các vùng miền, xuất phát từ yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất đã đặt ra yêu cầu cần phải bảo đảm phân bố lao động đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, phát triển mạnh thị trường lao động chính thức, đặc biệt chú trọng phát triển doanh nghiệp trong các đô thị lớn, các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, khu chế xuất, hỗ trợ lao động trong khu vực phi chính thức để giảm sự chia cắt giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng kinh tế, giữa các loại hình doanh nghiệp, giữa các nhóm người lao động kỹ năng và không kỹ năng. Tập trung chuyển dịch nguồn nhân lực trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ vào các khu trực tiếp sản xuất - kinh doanh, đặc biệt ưu tiên đối với các ngành công nghiệp trọng yếu, các ngành công nghiệp mũi nhọn. Tạo điều kiện phát triển chất lượng nguồn nhân lực (bao gồm các nội dung về môi trường làm việc, chính sách việc làm, thu nhập, bảo hiểm, bảo trợ xã hội, điều kiện nhà ở và các điều kiện sinh sống, định cư, chú ý các chính sách đối với bộ phận nhân lực chất lượng cao, nhân tài). Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các chủ thể tham gia phát triển nhân lực. Bảo đảm việc sử dụng nguồn nhân lực theo đúng chuyên môn, ngành nghề đã được đào tạo, có chính sách, cơ chế để đánh giá, đãi ngộ nguồn nhân lực theo năng lực, kết quả công việc thực tiễn, kết quả sản xuất - kinh doanh mà họ được phân công đảm nhiệm, phụ trách. Việc hình thành và phát triển thị trường lao động phải bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế nhằm tạo

điều kiện vật chất cần thiết phục vụ cho nhu cầu phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh và tạo cơ chế phù hợp để thu hút các nguồn vốn nước ngoài cho phát triển nhân lực Việt Nam; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của nước ngoài hỗ trợ phát triển nhân lực (ODA); thu hút đầu tư trực tiếp (FDI) của nước ngoài cho phát triển nhân lực (đầu tư trực tiếp xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo, bệnh viện, trung tâm thể thao...). Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động, nâng cao năng lực dự báo, kế hoạch hóa nguồn nhân lực dựa trên các tín hiệu của thị trường lao động trong nước và thế giới để từ đó mở rộng các hình thức đào tạo nghề ngắn hạn với chuyển giao công nghệ mới.

4. Phát triển khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Để đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất, thì cần phải phát triển khoa học, công nghệ, bởi vì:

Một là, tình trạng khoa học, công nghệ ở Việt Nam vẫn còn ở mức trung bình, việc đổi mới thiết bị, công nghệ của doanh nghiệp còn chậm, đầu tư phát triển khoa học, công nghệ còn dãn trải, hiệu quả chưa cao. Để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam cần xây dựng chương trình phát triển và có cơ chế chính sách ưu tiên thu hút đầu tư vào khoa học, công nghệ hiện đại, công nghệ cao, công nghệ sạch; đẩy mạnh chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ. Với những kế hoạch, chủ trương phát triển cần có lộ trình đầu tư và cơ chế, chính sách để tạo động lực nhằm khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu được vay vốn để đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, phát triển công nghệ cao; doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu, các viện, trường, khu công nghiệp cần số vốn rất lớn với lãi suất thấp, dài hạn để đầu tư phát triển, cho nên cần có cơ chế thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước nhằm xã hội hóa, cổ phần hóa phục vụ việc đổi mới khoa học, công nghệ, đẩy mạnh công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cùng với đó là việc bổ sung, hoàn thiện các chính sách, cơ chế về miễn giảm thuế, cho thuê đất, về đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực để tạo thành hệ thống chính sách hoàn thiện, đồng bộ thúc đẩy các doanh nghiệp chủ động, tích cực thực hiện đổi mới khoa học, công nghệ nhằm phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

Hai là, khoa học, công nghệ được xác định là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khoa học, công nghệ có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi quốc gia. Khoa học, công nghệ có thể nối dài khả năng của con người trong việc chiếm lĩnh tự nhiên, do đó trình độ khoa học, công nghệ cao đến đâu thì khả năng sản xuất của nền kinh tế sẽ tăng đến đó. Dưới tác động của khoa học, công nghệ các nguồn lực của sản xuất sẽ được mở rộng, điều này có thể thấy rõ dưới tác động của khoa học, công nghệ, con người có thể mở rộng khả năng phát hiện, khai thác và đưa vào sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên kể cả tài nguyên tái sinh và không tái sinh. Dưới tác động của khoa học, công nghệ làm biến đổi chất lượng nguồn lao động theo hướng tiến bộ. Mặt khác, khoa học, công nghệ còn mở rộng khả năng huy động tập trung di chuyển các nguồn vốn một cách an toàn, chính xác và kịp thời.

Ba là, khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ vào trong thực tiễn. Bởi, khoa học, công nghệ phát triển là yếu tố căn bản, bảo đảm cho sự phát triển bền vững vì thế phải đẩy mạnh phát triển nghiên cứu khoa học, đồng thời nâng cao khả năng ứng dụng, chuyển giao những tri thức khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống xã hội để cải tiến, chế tạo những công nghệ hiện đại, công nghệ cao, từng bước phát triển tri thức, xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới. Trong khi đó, trình độ khoa học, công nghệ của nước ta về cơ bản vẫn còn ở mức thấp và phụ thuộc vào yếu tố nước ngoài, việc khai thác tiềm lực phát triển khoa học, công nghệ chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thị trường công nghệ quy mô

còn quá nhỏ; việc đổi mới thiết bị, công nghệ của doanh nghiệp còn chậm; đầu tư phát triển khoa học, công nghệ còn dãn trải; kết quả ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học chưa cao, thủ tục đầu tư các dự án khoa học, công nghệ chưa cải tiến, chưa phù hợp với đặc thù lĩnh vực khoa học, công nghệ ở Việt Nam; do vậy thời gian thực hiện các dự án đầu tư kéo dài, cơ chế chính sách còn tình trạng chồng chéo chưa phát huy tác dụng, thậm chí cản trở lẫn nhau, một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, với tình hình thực tế và yêu cầu về việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất trong giai đoạn hiện nay chậm được chỉnh sửa, bổ sung, thay thế.

Cần hoàn thiện, bổ sung việc đẩy mạnh tiến trình hội nhập thông qua việc kết hợp nghiên cứu và phát triển trong nước với chuyển giao công nghệ nước ngoài, từ đó thúc đẩy quá trình hợp tác hóa trong nước và quốc tế về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, qua đó tiếp cận, hội nhập với khoa học, công nghệ hiện đại, công nghệ cao trên thế giới, đồng thời thu hút các nguồn lực trong nước tham gia để nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ trong nước, từng bước phát triển khoa học, công nghệ của Việt Nam ngang tầm với khu vực và thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất. Đảng ta khẳng định: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”¹. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta cũng nhấn mạnh: khoa học, công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 119-120.

Phát triển khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, thể hiện qua những nội dung sau:

Thứ nhất, việc đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ mới, công nghệ hiện đại. Để tạo cơ hội để huy động nguồn vốn xã hội và nguồn vốn nước ngoài đầu tư nhằm phát triển khoa học, công nghệ. Từ đó mới thu hút việc ứng dụng, sáng tạo công nghệ cao làm động lực cho đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện Việt Nam đang có chủ trương tập trung phát triển các ngành công nghệ mũi nhọn, có giá trị gia tăng cao, có lợi thế so sánh và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, như: công nghệ thiết kế, chế tạo các vi mạch điện tử tích hợp (IC); Công nghệ thiết kế, chế tạo màn hình độ phân giải cao; Công nghệ bảo đảm an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin ở mức cao; Công nghệ ảo hóa và tính toán đám mây; Công nghệ thiết kế, chế tạo các thiết bị điều khiển, bộ biến đổi điện tử công suất dùng cho ngành điện, ngành cơ khí chế tạo; Công nghệ chuyển hóa và lưu trữ các nguồn năng lượng tái tạo; Công nghệ hàng không, vũ trụ; Công nghệ thiết kế chế tạo robot; Công nghệ điều khiển độ chính xác gia công cơ khí; Công nghệ gen ứng dụng trong chẩn đoán điều trị; Công nghệ tế bào gốc... Bên cạnh đó, Việt Nam cũng chú ý đến phát triển công nghệ sinh học vào trong nông nghiệp theo hướng nông nghiệp tri thức, xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, khoa học, công nghệ của Việt Nam hiện vẫn chưa tập trung vào việc ứng dụng và sáng tạo, phát triển công nghệ cao.

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, nâng cao công tác tổ chức, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học, công nghệ. Nguồn lực khoa học, công nghệ là vốn quý, là năng lực nội sinh quan trọng hàng đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất; việc phát triển khoa học, công nghệ, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao cần thời gian dài, chi phí đầu tư lớn; vì vậy để phát huy vai trò to lớn của khoa học, công nghệ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần đẩy mạnh

hoạt động khoa học, công nghệ, đồng thời nâng cao công tác tổ chức, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học, công nghệ. Việt Nam cần không ngừng kiện toàn và nâng cao năng lực bộ máy, đội ngũ cán bộ, khoa học, công nghệ; phát triển, sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học, công nghệ phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong các lĩnh vực công nghiệp, Việt Nam cần phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; nâng tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng. Thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: nâng cao năng lực khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng.... Nhà nước tăng mức đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ, các sản phẩm khoa học, công nghệ trọng điểm quốc gia, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ. Để thực hiện được ba nhiệm vụ trọng tâm trên cần thực hiện quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ; xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại, nâng cao năng lực quản lý của hệ thống tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, phát triển thị trường khoa học, công nghệ. Đồng thời thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học, công nghệ công lập. Bên cạnh đó, tiến hành tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học, công nghệ với doanh nghiệp, mở rộng hình thức liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông. Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ.

Thứ ba, thực hiện dân chủ, tôn trọng và phát huy quyền tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học. Việc thúc đẩy tư duy phản biện trong khoa học để kích thích sự phát triển trong khoa học. Ngoài ra, cũng cần chú trọng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ trong khoa học, trong công tác chuyển giao công nghệ. Chú trọng phát triển các viện khoa học, công nghệ, các khu công nghệ cao, các vùng kinh tế trọng điểm có khoa học,

công nghệ tiên tiến. Đồng thời, tập trung đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ. Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, lựa chọn đối tác chiến lược, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế. Ban hành chính sách thu hút chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài có trình độ cao đến Việt Nam tham gia nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, đảm đương các chức vụ quản lý nghiên cứu khoa học, công nghệ. Tăng cường tối đa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học, công nghệ trong hợp tác quốc tế.

5. Phát triển giáo dục, đào tạo nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay

Trong đời sống xã hội, giáo dục và đào tạo là lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với mọi quốc gia, dân tộc ở mọi thời đại. Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay thì giáo dục - đào tạo được xem là chính sách, biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ:

Một là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất phải dựa trên cơ sở nguồn nhân lực chất lượng cao, mà muốn có nguồn nhân lực chất lượng cao thì phải tiến hành giáo dục, đào tạo họ. Giáo dục, đào tạo là đòn bẩy, điều kiện, cơ sở, động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất, “*Giáo dục là quốc sách hàng đầu*”¹. Bởi ngày nay, cả nhân loại đang bước vào thế kỷ XXI - thế kỷ của trí tuệ, của nền kinh tế tri thức, vấn đề con người đã được đặt ra ở tầm cao mới, coi con người là vốn quý nhất, coi sự phát triển nguồn lực con người là cuộc cách mạng trong bối cảnh thế giới đang biến động mạnh mẽ, cùng hợp tác, cùng cạnh tranh. Nguồn lực con người là số dân và chất lượng con người, bao gồm cả thể chất và tinh thần, sức khỏe và trí tuệ,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 26.

năng lực và phẩm chất. Vì vậy, việc tập trung giáo dục, chăm sóc, bồi dưỡng, đào tạo, phát huy sức mạnh của con người Việt Nam thành lực lượng lao động xã hội, lực lượng sản xuất đủ bản lĩnh và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, đủ sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cần được chú trọng thực hiện. Sức mạnh của con người và các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam, kể cả kiều bào ta ở nước ngoài phải thể hiện thành sức mạnh của đội ngũ nhân lực, trong đó có bộ phận nhân tài, trên nền sức mạnh dân trí với cốt lõi là nhân cách, nhân phẩm đậm đà bản sắc dân tộc.

Hai là, giáo dục, đào tạo là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển kinh tế; giáo dục, đào tạo góp phần ổn định chính trị xã hội; nâng cao chỉ số phát triển con người. Giáo dục, đào tạo đóng vai trò quan trọng là chìa khóa, là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Bởi vì, giáo dục, đào tạo là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển kinh tế; Giáo dục, đào tạo góp phần ổn định chính trị xã hội và trên hết giáo dục, đào tạo góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người. Giáo dục, đào tạo không chỉ có vai trò quan trọng trên lĩnh vực sản xuất vật chất mà còn là cơ sở để hình thành nền văn hóa tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Giáo dục có tác động vô cùng to lớn trong việc truyền bá hệ tư tưởng chính trị xã hội chủ nghĩa, xây dựng ý thức pháp quyền và ý thức đạo đức, xây dựng nền văn hóa, văn học nghệ thuật, góp phần cơ bản vào việc hình thành lối sống mới, nhân cách mới của toàn bộ xã hội. Đảng ta đã chỉ rõ: “Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc,... là những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹.

Vì vậy, phát triển giáo dục, đào tạo không chỉ là yếu tố quan

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sđd, tr. 28-29.

trọng hàng đầu, mà phải đi trước một bước. Trước yêu cầu của giai đoạn phát triển mới của đất nước hiện nay, Việt Nam đang cần một quyết sách toàn diện, căn bản trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Giáo dục, đào tạo của Việt Nam trong những năm qua dù đã có những đóng góp quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam, thế nhưng so với yêu cầu là động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì vấn đề giáo dục, đào tạo của Việt Nam vẫn còn khoảng cách lớn. Số lượng lao động chưa qua đào tạo còn lớn, hiện có khoảng 80% thanh niên bước vào thị trường lao động chưa được đào tạo nghề nghiệp chuyên môn. Giáo dục vẫn chưa thực sự là quốc sách hàng đầu, chưa thực sự được ưu tiên nhất trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chưa được coi là nhân tố quyết định quyết định của phát triển đất nước. Nhiều hạn chế, yếu kém của giáo dục đã được nêu vẫn chậm được khắc phục. Chính vì thế, để đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần:

Thứ nhất, đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo. Quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo là tất cả mọi thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm: nhân sự (cán bộ, giáo viên), chương trình giáo dục, các hoạt động giáo dục, người học, các nguồn lực, học liệu, môi trường giáo dục, các cơ sở giáo dục, các mối quan hệ trong giáo dục.... Chính vì thế nên công tác đổi mới, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo mang ý nghĩa quyết định tới sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà. Mặt khác, giáo dục, đào tạo của Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì còn bộc lộ không ít những hạn chế. Do đó, cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục theo tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục - đào tạo; Quy hoạch và phát triển giáo dục, đào tạo phải được đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của từng địa phương; Tăng cường công tác dự báo và kế hoạch hóa sự phát

triển giáo dục; Có chính sách điều tiết quy mô và cơ cấu đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng mất cân đối và lãng phí trong đào tạo; Gắn đào tạo với sử dụng; Xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và giáo dục, đào tạo với cơ quan quản lý nhân lực và việc làm; Nhà nước thực hiện đúng chức năng định hướng phát triển, tạo lập khung pháp lý và kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục, đào tạo, chống bệnh thành tích; Đổi mới tổ chức và hoạt động, đề cao và bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, nhất là trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý giáo dục theo hướng làm tốt chức năng quản lý nhà nước, xây dựng, hoàn thiện các chính sách, cơ chế về giáo dục, đào tạo, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện mục tiêu, chương trình và chất lượng. Xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục như tình trạng dạy thêm, học thêm, tiêu cực trong thi cử, tuyển sinh, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ, văn bằng; Đổi mới cơ chế quản lý, bồi dưỡng cán bộ, sắp xếp, chấn chỉnh và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giáo dục. Hoàn thiện hệ thống thanh tra giáo dục một cách toàn diện, đặc biệt chú trọng về công tác chuyên môn.

Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sử dụng tối ưu nguồn năng lực hiện có về đội ngũ khoa học và cơ sở vật chất kỹ thuật; Nâng cao năng lực của các đại học quốc gia và đại học khu vực; Xây dựng một số trường đại học quốc gia lớn, một số trung tâm đào tạo kỹ thuật có chất lượng và uy tín cao; Quản lý tốt nội dung, chương trình và chất lượng đào tạo của các trường đại học mở, đại học dân lập, và các loại hình không chính quy; Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng các trường công lập, bổ sung chính sách ưu đãi để phát triển các trường ngoài công lập và các trung tâm giáo dục cộng đồng; Có lộ trình cụ thể cho việc chuyển một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập sang dân lập, tư thục, xóa bỏ hệ bán công; Hiện

đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội; Khuyến khích phát triển hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập, kể cả trường do nước ngoài đầu tư; Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Từng bước xúc tiến việc nối mạng thông tin quốc tế ở trường học; Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học giáo dục nhằm giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo hiện nay; Tổ chức hoạt động của Hội đồng Quốc gia Giáo dục có hiệu quả tốt và phân cấp quản lý hợp lý giữa quản lý ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục...; Tăng cường mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quan hệ trao đổi và hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo, từng bước hiện đại hóa nền giáo dục, đào tạo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Cùng với những giải pháp chiến lược trên, nhiệm vụ cấp bách trước mắt trong những năm tới cần giải quyết dứt điểm là hoàn thiện chương trình sách giáo khoa, cải tiến chế độ thi cử, khắc phục tình trạng “thương mại hóa” giáo dục, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong giáo dục (văn bằng, công nhận học hàm, học vị, chèn chích công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập). Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện của nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới; khắc phục cách đối mới chấp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ. Phấn đấu xây dựng nền giáo dục hiện đại, của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, bảo đảm công bằng về cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để toàn xã hội học tập và học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất của đất nước.

Thứ hai, cần chú trọng việc tăng cường các nguồn lực cho giáo dục, đào tạo. Việc tăng cường các nguồn lực cho giáo dục là sự quan tâm, đầu tư, chỉ đạo quản lý của Đảng, Nhà nước, các cấp chính

quyền địa phương nhằm phát triển các nguồn lực cho giáo dục là bao gồm toàn bộ các yếu tố cả về vật chất và tinh thần như tài sản, tiền bạc, con người, chính sách, cơ chế, luật pháp, văn hóa, đời sống, sự quan tâm của toàn xã hội đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Cùng với đó là việc phát huy vai trò đào tạo nguồn nhân lực của các trường đại học, cao đẳng, trường nghề, các vườn ươm công nghệ để đào tạo lại nguồn nhân lực, thực hiện gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, xây dựng phát triển các phương thức đào tạo theo địa chỉ, thành lập các tổ hợp khép kín từ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển giao công nghệ và sản xuất - kinh doanh. Đây là giải pháp cơ bản tạo tiền đề cho phát triển giáo dục, đào tạo. Đầu tư cho giáo dục, đào tạo lấy từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực cho giáo dục, đào tạo. Ngân sách này phải được sử dụng tập trung ưu tiên cho việc giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đào tạo cán bộ cho một số ngành trọng điểm, bồi dưỡng nhân tài, trợ giúp cho giáo dục ở những vùng khó khăn và diện chính sách. Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách. Xây dựng quỹ giáo dục quốc gia, quỹ khuyến học, quỹ tín dụng đào tạo. Nhà nước quy định cơ chế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công tác đào tạo và đào tạo lại. Các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các viện nghiên cứu lập cơ sở sản xuất và dịch vụ khoa học đúng với ngành nghề đào tạo. Trong quá trình phát triển giáo dục đào tạo, cần chú trọng: *“Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo”*¹. Điều này thể hiện trong việc Nhà nước luôn giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo là 20% tổng chi ngân sách. Đồng thời, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, đào tạo, thực hiện kiên cố hóa trường học, chủ động đưa hạ tầng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr. 117.

công nghệ thông tin vào trong quá trình dạy học. Khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài giúp đỡ, đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo quy định của Nhà nước. Sử dụng một phần vốn vay và viện trợ của nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tích cực góp phần phát triển giáo dục. Kết hợp giáo dục xã hội, giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Nâng cao vai trò của hệ thống thông tin đại chúng như báo chí, xuất bản, phát thanh và truyền hình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục. Thể chế hóa chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Cần chú trọng việc nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý vào trong quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo. Cần thành lập các viện, trung tâm, hoặc sáp nhập các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học vào trong các trường đại học công lập để công tác phát triển khoa học, công nghệ trong trường học được hiệu quả. Cần xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học. Vì: *“Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo”*¹. Đội ngũ giáo viên là nhân tố cơ bản quyết định chất lượng của giáo dục cần được tôn vinh. Vì vậy, cần xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tâm huyết phấn đấu cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước nhà. Do đó, cần tăng cường thực hiện chương trình bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng chuẩn hóa, nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên. Nâng cao địa vị xã hội và địa vị kinh tế của đội ngũ giáo viên, không bố trí những người kém phẩm chất đạo đức làm giáo viên, kể cả làm giáo viên hợp đồng.

Chú trọng việc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ. Bồi đội ngũ cán

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 117.

bộ khoa học, công nghệ là nguồn lực quan trọng nhất, là yếu tố quyết định tới sự phát triển khoa học, công nghệ của nước ta. Việt Nam đang dần bước sang giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu, do vậy việc chăm lo cho đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đang trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính vì thế cần có chương trình xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là các chuyên gia giỏi, có nhiều đóng góp trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ của đất nước. Đồng thời cần tạo điều kiện vật chất và môi trường làm việc khoa học để cán bộ khoa học, công nghệ phát triển tài năng, hưởng lợi ích chính đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học. Đây được coi là nội dung cốt lõi, là nhiệm vụ tiên quyết trong sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo của nước ta hiện nay. Việc đổi mới về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp thi, kiểm tra cần thực hiện theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, đồng thời vẫn phải phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề của người lao động. Chuẩn hóa về sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo, chuẩn hóa về quy trình giáo dục, đào tạo; chuẩn hóa về mục tiêu, phương pháp giáo dục, đào tạo; chuẩn hóa về đội ngũ giáo viên và quản lý giáo dục, chuẩn hóa về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy và học tập ở các cấp, các loại hình trường lớp khác nhau... Việc xác định các tiêu chí để đánh giá về chất lượng giáo dục, đào tạo và chuẩn hóa giáo dục, đào tạo theo các tiêu chí cụ thể, hợp lý là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần thực hiện cả trong giáo dục và đào tạo. Cần tập trung hiện đại hóa trong giáo dục, đào tạo về các nội dung và quy trình đào tạo gắn với đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường phương tiện hiện đại cho công việc dạy và học (công nghệ thông tin, viễn thông, nối mạng...). Cần đổi mới

nội dung và phương pháp dạy và học theo xu hướng hiện đại hóa nhằm phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân, nâng cao trình độ giáo dục, đào tạo của đất nước ngang tầm với trình độ chung của khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, cần tiến hành “*Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập*”¹. Bởi việc đổi mới giáo dục, đào tạo cần phải “theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học: yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả”². Có như vậy, mới “quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động cho đất nước”³.

*

* *

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất nhằm phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chính vì thế, Việt Nam cần phải có các phương hướng và giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực sự trở thành cơ sở, định hướng, điều kiện phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

Từ những trình bày, phân tích về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và những phân tích, đánh giá về thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 116.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 26-27.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr. 27.

của Việt Nam hiện nay, một số phương hướng và những giải pháp cơ bản được đề xuất như sau:

Một là, những phương hướng cơ bản trong việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, đó là: *Thứ nhất*, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu, chiến lược phát triển của đất nước; *Thứ hai*, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất phải gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt; *Thứ ba*, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm phát triển lực lượng sản xuất phải trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực trong nước đồng thời thu hút hiệu quả các nguồn lực nước ngoài.

Hai là, bên cạnh những phương hướng trên, cần thực hiện những giải pháp gồm: *Thứ nhất*, xây dựng, hoàn thiện chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay. Giải pháp này bao gồm những nội dung sau: (i) Cần phải xây dựng, hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; (ii) Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, tập trung vào quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực; (iii) Xây dựng, hoàn thiện các công cụ của chính sách tiền tệ một cách chủ động và linh hoạt theo diễn biến cụ thể của thị trường; (iv) Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách nhằm nâng cao chất lượng lao động nhằm bảo đảm an sinh xã hội; *Thứ hai*, thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, có những giải pháp cụ thể sau: (i) Đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh - bền vững; (ii) Cơ cấu lại nền kinh tế; (iii) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước và tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; *Thứ ba*, phát

triển nguồn nhân lực nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, gồm những giải pháp cụ thể sau: (i) Xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (ii) Sử dụng hiệu quả, hợp lý nguồn nhân lực; *Thứ tư*, phát triển khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, bao gồm: (i) Đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; (ii) Đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, nâng cao công tác tổ chức, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học, công nghệ; (iii) Thực hiện dân chủ, tôn trọng và phát huy quyền tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học; *Thứ năm*, phát triển giáo dục, đào tạo nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay, gồm: (i) Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo; (ii) Chú trọng việc tăng cường các nguồn lực cho giáo dục, đào tạo; (iii) Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học.

Với việc làm rõ những phương hướng và đưa ra một số giải pháp, nghiên cứu đã chỉ rõ đây là vấn đề cần được sự quan tâm, tham gia của các nhà lãnh đạo, nhà khoa học và giáo dục nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, trình bày, phân tích những vấn đề lý luận chung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lực lượng sản xuất, vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất; phân tích tính tất yếu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam; đánh giá thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay từ đó đề ra những phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Những nội dung cơ bản đã được làm rõ trong cuốn sách:

Một là, làm rõ những vấn đề về lý luận của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mối quan hệ của công nghiệp hóa với hiện đại hóa; lực lượng sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất. Đồng thời, làm rõ vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất; tính lịch sử phát triển của công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đây là hai quá trình phát triển tách rời nhau trong lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của nhân loại. Tuy nhiên, sự phát triển về khoa học, công nghệ, kỹ thuật đã làm cho hai quá trình này ngày càng gắn liền với nhau trong quá trình phát triển. Chính vì thế, các nước chậm phát triển và đang phát triển có thể tận dụng áp dụng hai quá trình này như một trong quá trình phát triển của mình để rút ngắn khoảng cách thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đóng vai trò là định hướng, động lực và điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển lực lượng sản xuất, bên cạnh đó, chỉ ra những tác động trở lại của lực lượng sản xuất đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Hai là, làm rõ vấn đề thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Từ đó làm rõ thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta và sự tác động trở lại của quá trình phát triển lực lượng sản xuất đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Ba là, làm rõ những vấn đề về phương hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta hiện nay.

Với việc phân tích, trình bày rõ vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tư cách là điều kiện, định hướng, động lực cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất, dựa trên những phân tích, đánh giá về tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, mục tiêu, nội dung, đặc điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, đánh giá về thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay để nghiên cứu đề xuất những phương hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất, đó là: thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu, chiến lược phát triển của đất nước; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực trong nước đồng thời thu hút hiệu quả các nguồn lực nước ngoài; đề xuất những giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất, đó là: đề ra chủ trương đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách; thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển nguồn nhân lực; phát triển khoa học, công nghệ; phát triển giáo dục, đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tác phẩm kinh điển

1. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
4. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
5. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
6. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 19, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
7. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
8. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
9. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 27, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
10. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 34, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
11. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 39, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
12. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
13. C.Mác - Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Tập 46, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. C.Mác - Ăngghen: *Tuyển tập*, Tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
15. C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, I.V.Xtalin: *Về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
16. C.Mác: *Tư bản phê phán khoa kinh tế chính trị*, tập.3, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
17. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1974.
18. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 29, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978.
19. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 36, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977.
20. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 38, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977.
21. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 39, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977.
22. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Tập 43, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977.
23. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

Văn kiện Đảng

1. Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
2. Đảng Lao động Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1994.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1994.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Trung ương hai khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 53, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới, 1986-2016*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 1995, tập 1.
2. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2002, tập 2.
3. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tầng: *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987.
4. Hoàng Phê (chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
5. Vôn-cô-p (chủ biên): *Từ điển kinh tế chính trị học*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987.

6. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 1995.
7. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
8. Ban kinh tế trung ương: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
9. Hoàng Bình: *Thực trạng quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất ở Việt Nam*, Viện Triết học, Hà Nội, 1990.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Công tác chính trị: *Tài liệu tham khảo dùng cho giảng viên các trường đại học và cao đẳng môn học triết học Mác - Lênin*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
11. Mai Quốc Chánh: *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
12. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Thế Nghĩa, Đặng Hữu: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
13. Vũ Đình Cự: *Khoa học và công nghệ, lực lượng sản xuất hàng đầu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
14. Vũ Đình Cự và Trần Xuân Sầm: *Lực lượng sản xuất mới và kinh tế tri thức*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
15. Chương trình Việt Nam, Trung tâm kinh doanh và nhà nước của Đại học Harvard, Chương trình phát triển liên hiệp quốc: *Những trở ngại về cơ sở hạ tầng của Việt Nam*, Hồ Chí Minh, 2010.
16. Phạm Ngọc Dũng: *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
17. Nguyễn Hữu Dũng: *Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở Việt Nam*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2003.
18. Lương Quang Đăng, Nguyễn Uyên: *Báo cáo phát triển con người, Tổng cục dân số Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam*, Nxb. Thống Kê, Hà Nội, 2014.
19. Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Khoa Triết học: *Học thuyết Mác với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
20. Phạm Hảo - Võ Xuân Tiến (đồng chủ biên): *Toàn cầu hóa kinh tế, những cơ hội và thách thức đối với miền Trung*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
21. Hội đồng Trung ương biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

22. Hội đồng Trung ương biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình kinh tế học chính trị Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
23. Hà Quế Lâm: *Xóa đói giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay - Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
24. Đỗ Mười: *Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
25. Nguyễn Anh Ninh: *Thực trạng giao thông ở Việt Nam và giải pháp*, 2015, <http://www.mt.gov.vn/matgt/tin-tuc/988/32148/thuc-trang-giao-thong-viet-nam-va-giai-phap.aspx>.
26. Nguyễn Thế Nghĩa: *Triết học với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
27. Nguyễn Thế Nghĩa: *Hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
28. Đỗ Hoài Nam, Trần Đình Thiên: *Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.
29. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông: *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
30. Lê Du Phong - Hoàng Văn Hoa: *Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
31. Lê Hữu Tầng: *Về động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.
32. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2014*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2015.
33. Tổng cục Thống kê: *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2015*, www.gso.gov.vn, 2016.
34. Tổng cục Thống kê: *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2016*, www.gso.gov.vn, 2017.
35. Vũ Bá Thể: *Phát huy nguồn nhân lực để công nghiệp hóa, hiện đại hóa - kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2005.
36. Trần Đình Thiên: *Công nghiệp hóa ở Việt Nam - Phác thảo và lộ trình*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
37. Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi: *Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
38. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu con người: *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.

39. Vũ Khoan: “Về sản xuất vật chất trong thế kỷ 20”, Tạp chí *Cộng sản*, 1999 (24), tr.13-19.
40. Lê Xuân Đình: “Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất”, Tạp chí *Cộng sản*, số 5, 1999.
41. Nguyễn Trọng Chuẩn: “Góp vào vấn đề phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, 1990, (2), tr.12-19.
42. Nguyễn Trọng Chuẩn: “Để cho khoa học, công nghệ trở thành sức thúc đẩy sự phát triển của đất Việt Nam”, Tạp chí *Triết học*, 1991, (2), tr.3-6.
43. Nguyễn Trọng Chuẩn: “Nguồn nhân lực trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước”, Tạp chí *Triết học*, 1994, (3), tr.3-5.
44. Nguyễn Trọng Chuẩn: “Để cho khoa học, công nghệ trở thành động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Tạp chí *Triết học*, 1997, (1), tr.3-5.
45. Nguyễn Trọng Chuẩn: “Công nghiệp hóa theo hướng hiện đại và sự phát triển bền vững”, Tạp chí *Cộng sản*, 2011, (827), tr.49.
46. Hồ Anh Dũng: “Để cho khoa học nhanh chóng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp ở Việt Nam”, Tạp chí *Triết học*, 1994, (2), tr.19-22.
47. Lê Văn Dương: “Vấn đề đổi mới lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn”, Tạp chí *Triết học*, 2002, (1), tr.5-9.
48. Trần Thanh Đức: “Nhân tố con người trong lực lượng sản xuất hiện đại”, Tạp chí *Nghiên cứu lý luận*, 2000, (10), tr.47-51.
49. Lê Xuân Đình: “Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất”, Tạp chí *Cộng sản*, 1999, (5), tr. 23-27.
50. Nguyễn Tình Gia: “Biện chứng về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất trong cải tạo xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, Tạp chí *Triết học*, 1998, (1), tr.5-11.
51. Hoàng Trung Hải: *Định hướng và giải pháp phát triển các ngành kinh tế chủ yếu đến năm 2020*, [www.tapchicongsan.org.vn/ Home/PrintStory.aspx ?distribution=20282&print=true](http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=20282&print=true), 22/2/2013.
52. Nguyễn Đình Hòa: “Phát huy người lao động trong lực lượng sản xuất”, Tạp chí *Triết học*, 1993, (1), tr.26-28.
53. Nguyễn Đình Hòa: “Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn: Vấn đề nguồn nhân lực”, Tạp chí *Triết học*, 1999, (5), tr.17-19.
54. Nguyễn Cảnh Hồ: “Có phải khoa học đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”, Tạp chí *Triết học*, 2002, (2), tr.58-62.

55. Đặng Hữu: “Đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên tri thức của Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Cộng sản*, 2005, (4).
56. Đỗ Thị Ngọc Lan: “Vai trò của lao động trong mối quan hệ giữa thích nghi và cải tạo môi trường tự nhiên của con người”, Tạp chí *Triết học*, 1993, (1), tr.32-36.
57. Trần Đức Lương: “Đổi mới sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, 2001, (7), tr.20-25.
58. Nguyễn Khánh Mậu: “Về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nhận thức và vận dụng vào Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học chính trị*, 2001, (1), tr.46-49.
59. Nguyễn Thế Nghĩa: “Nguồn nhân lực - động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Tạp chí *Triết học*, 1996, (1), tr.9-13.
60. Nguyễn Thế Nghĩa: “Góp thêm vào vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, 1998, (4), tr.12-14.
61. Nguyễn Duy Quý: “Phát triển con người tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam”, Tạp chí *Cộng sản*, 1998, (19), tr.10-13, 19.
62. Phương Kỳ Sơn: “Con người - yếu tố quyết định nhất của lực lượng sản xuất”, Tạp chí *Triết học*, 1997, (3), tr.10-13.
63. Trương Hữu Toàn: “Vấn đề phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất xét từ tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất”, Tạp chí *Triết học*, 1994, (1), tr.8-12.
64. Trung Giang Vim: *Sự vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1998.
65. Phạm Văn Dân: *Lý luận hình thái kinh tế - xã hội với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000.
66. Hồ Anh Dũng: *Yếu tố con người trong lực lượng sản xuất và việc phát huy yếu tố đó ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.
67. Nguyễn Tĩnh Gia: *Biểu hiện đặc thù của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Luận án Phó Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1987.
68. Đoàn Văn Khái: *Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa*,

hiện đại hóa, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000.

69. Bùi Chí Kiên: *Nghiên cứu về quy luật của quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Lâm Đồng*, Luận án phó tiến sĩ Triết học, Hà Nội, 1996.
70. Vi Thái Lang: *Vấn đề phát triển lực lượng sản xuất ở miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Hà Nội, 2002.
71. Nông Thị Mông: *Từng bước xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Lạng Sơn*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2000.
72. Đoàn Quang Thọ: *Lý luận hình thái kinh tế - xã hội với công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Khoa học chính trị quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995.
73. World Bank: *Báo cáo về tình hình phát triển thế giới: Tri thức cho phát triển*, 2014, <http://www.worldbank.org>.
74. <http://www.most.gov.vn>.
75. <http://www.tdtt.gov.vn>.
76. <http://www.monre.gov.vn/>.

Tài liệu tham khảo Tiếng Anh

1. Dong Fureng, 1992.: *Industrialization and China's rural modernization*, Publisher Palgrave Macmillan.
2. K.S. Jomo, 2001.: *Southeast Asia's Industrialization*, Publisher Palgrave Macmillan.

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------|
| Lời Nhà xuất bản | 5 |
| Lời nói đầu | 7 |
| <i>Chương I</i> | |
| LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT | 11 |
| I. Quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và lực lượng sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất | 11 |
| 1. Quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa | 11 |
| 2. Quan niệm về lực lượng sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất | 23 |
| 3. Quan niệm về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 | 49 |
| II. Vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 | 54 |
| 1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là định hướng cho quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 | 54 |
| 2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là động lực của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 | 57 |
| 3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là điều kiện của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 | 61 |
| 4. Sự tác động trở lại của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa | 64 |
| <i>Chương II</i> | |
| CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 70 |
| I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay | 70 |
| 1. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa | 70 |
| 2. Mục tiêu, tiêu chí, nội dung, đặc điểm của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay | 76 |
| | 203 |

| | |
|---|----|
| 3. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam năm 1986 đến năm 2019 | 92 |
|---|----|

| | |
|--|-----|
| II. Thực trạng tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 105 |
|--|-----|

| | |
|--|-----|
| 1. Thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới yếu tố người lao động của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 105 |
|--|-----|

| | |
|---|-----|
| 2. Thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tác động tới tư liệu sản xuất của quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 112 |
|---|-----|

| | |
|--|-----|
| 3. Thực trạng về sự tác động trở lại của quá trình phát triển lực lượng sản xuất đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 128 |
|--|-----|

Chương III

| | |
|--|-----|
| PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NHẪM PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM HIỆN NAY | 137 |
|--|-----|

| | |
|--|-----|
| I. Phương hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 137 |
|--|-----|

| | |
|--|-----|
| 1. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 phải xuất phát từ yêu cầu, mục tiêu của chiến lược phát triển đất nước | 137 |
|--|-----|

| | |
|---|-----|
| 2. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển lực lượng sản xuất phải gắn với cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực then chốt | 144 |
|---|-----|

| | |
|--|-----|
| 3. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 phải trên cơ sở phát huy tối đa các nguồn lực trong nước đồng thời thu hút hiệu quả các nguồn lực nước ngoài | 155 |
|--|-----|

| | |
|---|-----|
| III. Những giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 160 |
|---|-----|

| | |
|--|-----|
| 1. Xây dựng, hoàn thiện chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 160 |
|--|-----|

| | |
|--|-----|
| 2. Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 166 |
| 3. Phát triển nguồn nhân lực nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 172 |
| 4. Phát triển khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 178 |
| 5. Phát triển giáo dục, đào tạo nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần phát triển lực lượng sản xuất trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam hiện nay | 183 |
| <i>Kết luận</i> | 194 |
| <i>Tài liệu tham khảo</i> | 196 |

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

PGS.TS.Trần Thị Vân Hoa (Chủ biên)

- * CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 - VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM
(Sách chuyên khảo)
(Xuất bản lần thứ ba, có sửa chữa, bổ sung)

TS. Phạm Thuyên

- * CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

TS. Hà Minh Hiệp (Chủ biên)

- * SẢN XUẤT THÔNG MINH TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

ISBN 978-604-57-5758-1



9 786045 757581



8935279124138

Giá: 123.000đ